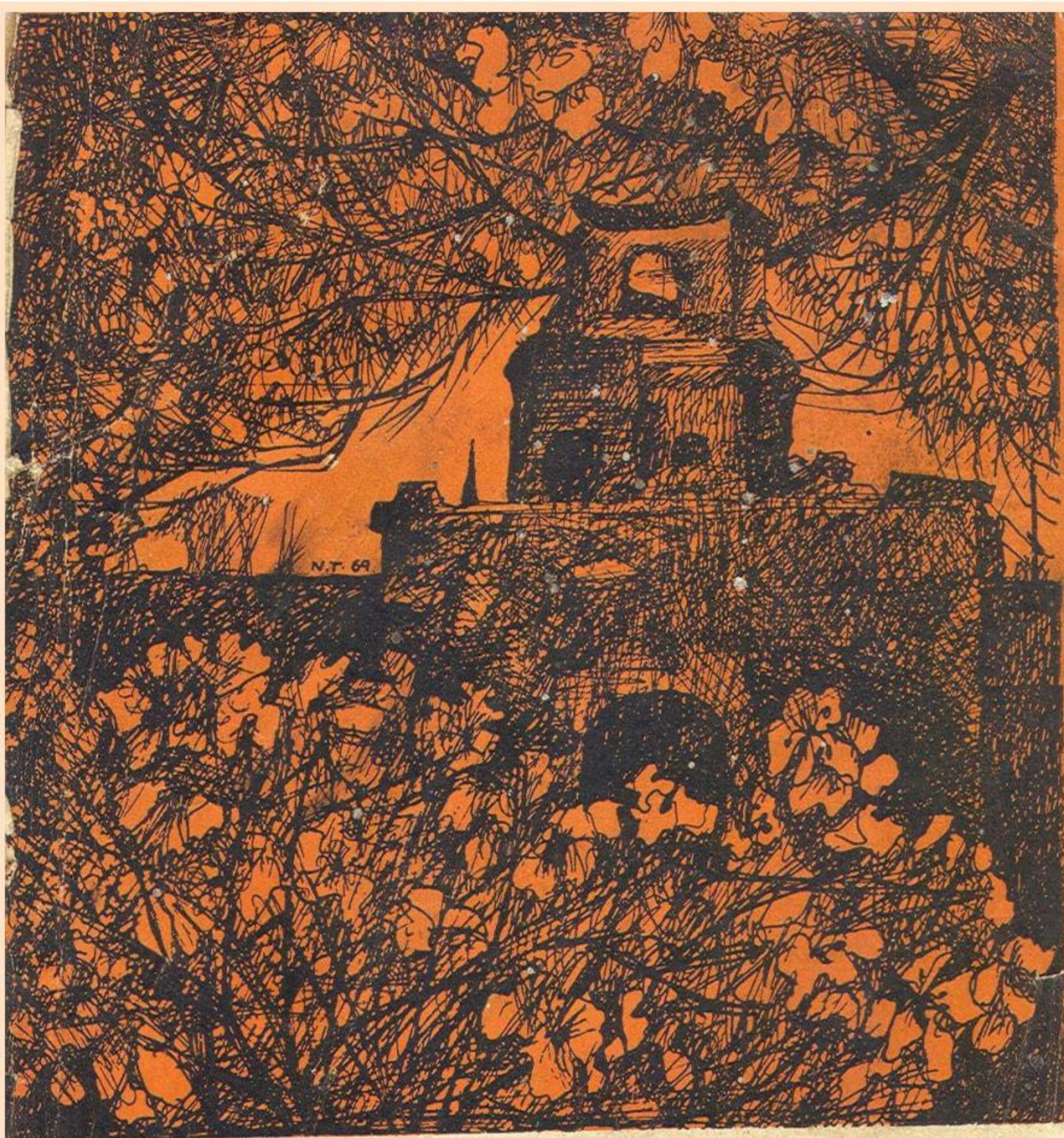




phượng trong thành nội

VĂN SỐ 132 RA NGÀY 15 THÁNG 6 NĂM 1968

Độc trong số này :

● Tuyển tập PHƯỢNG TRONG THÀNH NỘI

1 Bình minh sao chưa lên, truyện	Hồ Minh Dũng
11 Vào hạ, thơ	Hoàng Hương Trang
13 Một vùng sương khói, truyện	Trần Hoài Thư
19 Tôi nói với tôi, thơ	Kim Tuấn
23 Ai xuôi vạn lý, truyện	Mường Mán
33 Người đi đường, thơ	Nhật Anh
35 Nhà cầu, truyện	Kinh Dương Vương
41 Thời mẹ con gái, thơ	Ngụy Ngũ
43 Con mắt thủy tinh, truyện	Trần Doãn Nho
56 Vãn rừng cao su của ta, thơ	Đinh Cường
59 Phan Du..., phỏng vấn	Hồ Minh Dũng thực hiện
72 Trong trí tưởng Huế, thơ	Du Tử Lê
73 Ngày, tháng rời, bút ký	Dương Nghiễm Mậu
87 Rất gần trong tương lai, thơ	Đông Trình

● MỤC THƯỜNG XUYÊN

89 Đêm xóm Lách mịt mùng, truyện dài	Thanh Tâm Tuyền
96 Khu rừng hực lửa, truyện dài	Nguyễn Xuân Hoàng
1079 Tin vắn... vắn	Thư Trung và các bạn
107 Lại thư ngỏ	Trần Phong Giao – Mặc Đỗ

● Bìa “Phượng trong thành nội” tranh Nguyễn Trung

Hồ Minh Dũng

Bình minh sao chưa lên

NGƯỜI ĐÀN ÔNG CHỪNG BA MƯƠI TUỔI, MẶT MÀY HỐC HẮC, trắng xanh, mình vùi đất, hấn đang ngồi đó, dựa lưng vào đồng rơm khô, đối diện với ngôi nhà nằm gần con rạch nhỏ chảy ra sông cái. Nắng mai chưa lên khỏi mấy ụ đất ở bìa làng, mặt trời như lâu lắm mới mọc được, lãnh đạm với mọi vật. Một vài tia nắng lọt qua được hàng tre mỏng, chiếu lên khuôn mặt người đàn ông từng vết nhọn, sắc, thỉnh thoảng lay động làm mắt hấn nhấp nháy, mặt ngừng lên, hai tay bị trời xấp lui đằng sau làm cho hai vai nó gò lên như hai cục bướu, cái thể ngồi dươn lên kéo cái cổ dài thêm ra. Mũi khô, nứt từng vết như hai con đĩa phơi khô, co rúm lại, lâu lâu hấn dùng chiếc lưỡi dài rà quanh một lượt để lại trên đó một lớp nước mỏng. Mấy con ruồi lượn thành vòng tròn rồi sà xuống trên mặt hấn, một vài con khác đậu trên cái cổ trắng đầy ghét bần lấm nổi bật bộ áo quần màu nâu sậm. Một người đàn bà ngoài sáu mươi tuổi, tóc bạc, bưng một bát nước đưa kề miệng hấn, hấn gập người xuống uống một hơi rồi thở ra thoải mái, liếc mắt nhìn toán lính ngồi phía trước, hấn không nói gì với người đàn bà. Bây giờ đàn ruồi lại bay thành vòng tròn ở cổ hấn, dường như có vết thương lam un lên đồng tóc ở gáy.

Tốp lính không hay biết gì về cử chỉ của hắn, bọn họ đang bận tâm lo bữa ăn sáng, họ phân chia nhau mỗi người mỗi công việc. Đứa kiếm củi, đứa nhặt rau muống ở dưới rạch, có đứa khác lang thang khắp các bụi tre tìm những mọt măng còn lại. Tiếng súng ở dưới kia vẫn còn nổ, đạn tạt ra phía đồng, có lẽ họ chưa chiếm hết mục tiêu. Người thượng sĩ già nghĩ như vậy rồi cố quên đi để tiếp tục giấc ngủ mệt mỏi. Nét mặt người thượng sĩ thật phúc hậu, trán sồi, hai lỗ mũi hốc, trông rõ những sợi lông mọc dài quăn đọt. Có tiếng chim hót thật rộn rã, dường như bầy chim sẽ đã hạ xuống bên kia ngôi thánh đường thủng mái, ngôi thánh đường chỉ cách đây một thửa ruộng mạ, tiếng chim bay qua khoảng trời trong suốt gần và rõ ràng như hót ở bờ rào. Đàn chim sẽ mỗi ngày mỗi đông ở mãi không bay đi. Từ hôm tiếng súng, tiếng bom nổ vang trời ở thôn này, chúng nó bay lảng đi, rồi sau đó lại nối đuôi nhau bay về. Ông từ già là người còn lại duy nhất cùng với đàn chim không muốn rời xa nơi này. Mỗi ngày, ông thức dậy đã nghe tiếng chim hót, từ sớm cho đến chiều tối, đối với ông từ, đàn chim có một sự ràng buộc cũng như ông yêu dấu khu đất hoang tàn này, những cây măng cầu không còn nở hoa, những cây mía màu hồng lông tơ đẹp để cũng đã trụi lá, ông nhớ lại tiếng kinh đông đảo mỗi buổi tối, hàng trăm tín đồ quỳ dưới ánh đèn măng-sông và tiếng chuông chính ông đã say sưa rung lên từng nguồn cảm xúc. Ngôi thánh đường chỉ còn một căn buồng ở phía sau, nơi đó ngày trước cha chánh xứ thường gặp mặt bốn đạo sau buổi lễ, họ xúm xít quanh hỏi thăm sức khỏe hay nhờ cha một vài công việc. Phía trước nhà thờ có một khoảng đất bỏ trống, cha chánh xứ nói sẽ xây trường học và tháp chuông ở đó. Cái chuông hồi trước treo giữa hai nhánh dương liễu lớn, lòng thông sợi dây dừa, được ông từ quét một lớp vôi trắng như cái đuôi rắn. Cái chuông ấy thật nhiều công trình mới có. Cha chánh xứ muốn thấy một sự thống nhất, muốn thấy một sự kết hợp tinh thần, cha bắt trong họ đóng góp kẻ ít người nhiều để thuê đúc ra nó. Người trong họ phải đích thân thay phiên nhau gánh từ bến xe lam ngoài đường liên quận vào nhà thờ. Hồi đó ông từ còn đủ sức khỏe để bảo đảm cho một ngày trung bình ba hồi chuông dài, không bị đứt quãng hay cắt rời nhiều đoạn. Và ngay buổi

chiều hôm đó, cha xứ giảng trong nhà thờ : cái chuông đã đúc tiếng nói của anh chị em xứ đạo tân tông này, cái chuông đã đúc tất cả trái tim của anh chị em, tự nó đã kêu gọi, nhắc nhở anh chị em làm việc thiện, tất cả đều đoàn kết, tất cả đều kết hợp. Cha hy vọng bồn đạo mỗi ngày một đông, như lúa trên đồng, một cây đâm ra nhiều müt, xanh tốt xum vầy rồi sau này sẽ thành đạo dòng, hạt giống tốt sẽ gieo khắp trong thiên hạ. Cha thương người trong họ này ai cũng như ai — cha nói tiếp — tình thương cha chia đồng đều hết, đối với những người lương cha lại càng thương hơn, các con hãy đem ánh sáng vào cho họ, khi sinh ra ai cũng có vóc dáng Đức Chúa Trời.

Ông từ nhớ hết. Khi chiến tranh đổ ập xuống, cha xứ đi theo với đoàn người từ chuyển tản cư thứ nhất, cái chuông cha cũng cho người gánh đi theo. Cha đi biệt không nghe tin tức. Ông từ ở lại trong xóm đạo hẻo lánh này với một số người già cả. Đàn chim sẽ vẫn ngày ngày kêu lên những tiếng đều đặn, tiếng chim không làm cho ông từ nguôi được nỗi lòng. Sự có mặt của chúng làm cho ông tin có một ngày nào đó đời sẽ thay đổi đi, đời sẽ vui hơn, nhưng sự xót thương này chắc chỉ đã ở lại mãi mãi, ông hy vọng nhiều lắm, chẳng hạn như cha sở sẽ trở về, bồn đạo trong họ cũng gánh chuông trở về nữa. Cha sẽ xây lại trường học, sẽ xây tháp chuông cao, ánh đèn măng-sông mỗi đêm chiếu ra cho đến con rạch nhỏ, chiếu khóa lấp mấy thửa ruộng mạ chạy đến chân-nghĩa địa.

Mỗi lần có cuộc đột kích sớm và bất ngờ như hôm nay, ông từ già phải thức dậy sớm hơn, trong lúc chờ sáng ông đọc đi, đọc lại mấy bài kinh ngắn, ông đọc như một thói quen. Bom đạn mỗi ngày một nhiều, thôn xóm trước kia vui bao nhiêu nay lại tiêu điều buồn bã, có những ngày thật dài, đơn độc, nặng nề. Bên kia rạch cũng không còn mấy ai ở lại, họ cũng đi gần hết, không biết đi đâu, lâu lâu có một vài người chết, tiếng khóc lọt qua bên này, ở bên này nhìn qua, thấy xác người gánh vội vã ra đồng. Cái cầu ván bắc qua rạch cũng bị phá gãy từ năm ngoái, càng làm cho hai bên tách rời nhau thêm. Có đêm trong thanh vắng, bỗng nghe tiếng la vang, nhiều loạt súng bắn, sáng dậy biết có người chết.

Ánh nắng lên cao. Tốp lính nấu cơm đã xong, bày ra ăn giữa miếng sân gần chỗ người đàn ông ngồi. Tiếng súng ở phía dưới đã hết bắn. Bữa cơm thật rộn, sáu bảy người lính vừa ăn vừa nói chuyện, câu chuyện của họ phần nhiều là đàn bà, cờ bạc, lương soạn và về phép. Không ai nhắc đến cuộc hành trình đầy nguy hiểm buổi sáng, không ai nhắc đến mấy người bạn vừa mới chết hôm kia. Bữa cơm nếu không đem đến cho họ những vui vẻ thì cũng làm cho họ quên đi những buồn bã, cuộc chiến đã quá lâu, họ không muốn nhai theo những ý nghĩ phiền phức với hạt cơm. Ăn xong, họ múc nước dưới rạch để uống, mở radiô nghe rồi chia nhau đi tắm hầm bí mật. Người đàn ông vẫn ngồi ở đó, vẻ mặt đăm chiêu hơi ngửng lên, đàn ruồi bu thành đám đen thui sau cổ. Người lính được cất ở lại giữ người đàn ông, đặt ngựa cái mũ sắt ngồi gần hắn, hỏi :

— Mày tên gì ?

— Tên Nam, bí danh là Năm.

— Mày đói bụng không ?

— Đói, cho tôi một chén.

— Hết rồi, tụi tao ăn hết rồi, hỏi nãy sao mày không nói ?

Người lính quay lại hỏi bà già trong nhà :

— Bác có cơm không ?

— Có, tui mới nấu.

— Đem ra đây một chén, có đồ ăn gì bỏ cho một chút.

Bà già bưng ra một chén cơm và mấy con cá khô kho cháy. Người lính bảo bà già xúc cơm bỏ vào miệng người đàn ông, hắn nhai một cách ngon lành, mắt hắn sáng lên, gió và ánh nắng lay lay tóc trước trán hắn làm bay đi một ít bụi đất khô. Toàn lính thật lâu sau mới trở lại và đem theo nhiều bộ áo quần cũ, mấy nắp hầm bí mật, ít tài liệu và mấy lon sữa bò chưa khai, tất cả để một đống trước mắt người đàn ông. Một người lính hỏi :

— Các anh theo cách mạng mà cũng uống sữa bò ?

Hắn nhẹ răng cười :

— Có uống chứ.

Người lính đề lộ vẻ tức bực, đứng dậy đi ra ngoài, lúc đó phía trong nhà có tiếng hỏi lớn :

— Đứa bé này con của ai ?

Mụ già vẫn giữ bình tĩnh :

— Dạ, cháu tui.

— Mẹ nó đâu rồi ?

— Nó không có mẹ.

Tiếng người lính quát mạnh :

— Không có mẹ ai để nó ra ?

— À không, mẹ nó đi nằm nhà thương, mẹ nó bị đạn.

— Đi nằm nhà thương hay đi theo Việt-cộng ?

— Dạ nằm nhà thương thật, nhà thương quận.

Đứa bé nằm trong lồng giẻ khóc lên tiếng. Người lính xây nhìn đứa bé rồi hỏi tiếp :

— Cha nó đâu ?

Mụ đàn bà liếc nhanh người đàn ông bị bắt ngồi ngoài lồng rơm rồi nói :

— Cha nó chết rồi, mới chết.

— Chết cái con mẹ khỉ gì, ai cũng chết với bị thương hết sao ?

— Không tin các anh ra sau nhà thờ mà coi mộ, cha nó tên Biên, có khắc tên nơi cụ gạch.

Đứa bé mới sinh chừng ba tháng, còn đỏ, nước da hồng hào, môi thắm, nó bắt đầu thiếp ngủ. Mụ già bây giờ ngồi yên lặng, nhìn những ổ nắng nhỏ đổ vào nhà. Ngôi nhà thật tiều tụy, xơ xác, trên mái thủng nhiều nơi, mắt mụ đàn bà đỏ hoe, người thương sĩ nhìn quanh ngôi nhà một lượt rồi nói :

— Mẹ thằng nhỏ nằm nhà thương lâu chưa ?

— Dạ hơn tháng nay, bữa phi cơ dội bom.

— Nó mấy tháng rồi ?

— Gần hai tháng rồi.

Thượng sĩ không nói gì nữa, tiếp tục nhìn ngôi nhà như một cái gì vừa xa lạ, vừa hấp dẫn. Cái tổ ấm dù rách nát đến đâu vẫn còn giá trị, vẫn còn mong muốn được trở về — ông nghĩ như vậy — đề rồi kết luận, câu nói của ông không ai hiểu cả :

— Hai cánh gà mẹ có rách mấy đi nữa cũng ấm cho đàn con hơn trong hốc đá.

Nói xong ông đi ra ngoài, đứng chống nạnh tay ngáp mấy cái. Sau khi lục soát lại trong buồng, một người lính đã tìm ra một cái áo cánh cũ, mọi người xúm lại xem, người lính cao giọng :

— Cái áo này của ai ?

— Của tui.

Người lính cầm cái áo đưa lên trước mắt mù già :

— Của bà sao lại có dấu sữa còn ướt nơi vạt áo trước ngực.

Mụ đàn bà không nói, cúi đầu xuống, tay lay lay đưa trẻ. Không khí bao trùm yên lặng, căn nhà càng thêm trống trải, gió thỉnh thoảng thổi bay những đám bụi xoay thành vòng tròn ngoài sân. Một ít lính đi tản ra ngoài đường cái, nhìn những con cá bơi theo dòng nước trong rạch, những con cá sẽ bơi ra sông cái, sẽ lớn lên. Một vài hoa rau muống nở lẻ loi, màu tím nhạt. Người lính hất cái áo xuống đất, hỏi mù già :

— Bà có biết người ngoài đó không ?

— Dạ không.

Người lính buông thả câu nói :

— Việt-cộng đó, chúng tôi bắt sau nương sắn của bà đó.

Vừa lúc ấy có tiếng sau vườn :

— Có mối, có mối.

Một người bên kia thửa ruộng bắn lên ba phát súng rồi nói to :

— Coi chừng đấy, chúng thụt lên thì khốn, du kích đây đưa nào cũng có sắn trong đầu.

Lời nói ấy chưa dứt thì một phát súng vụt bắn lên, người lính ngồi gần bên miệng hầm vỗ đùi :

— Ấy, tao biết mà, anh em đừng lo, đó là một tiếng chim kêu lên trước khi rụng cánh.

Một người lính ở sau nói xía vào :

— Cho nó ăn lựu đạn đi, đỡ mất thì giờ.

Quả lựu đạn M 26 lọt xuống hầm nổ tung lên những miếng ván và mấy mảnh vải áo quần rách. Chờ bớt khói, người lính thò đầu xuống miệng hầm, một lúc sau lòi lên được một tảng da đầu có dính một mớ tóc thật dài như đuôi ngựa, chớp những sợi tóc màu hoe đỏ dính máu, người lính cầm miếng da đưa lên cao trước tầm mắt mọi người rồi nhe răng cười :

— Lại đàn bà nữa, đồ chó chết.

Cuộc lục soát, tìm kiếm vật dụng trong hầm bí mật đó kéo dài cho đến xế chiều, khi có lệnh rút mới thôi. Kết quả, ngoài mấy xác người ra còn tịch thu thêm một máy đánh chữ, hai mật nạ Trung-cộng, một số dược phẩm và hai ngàn đồng bạc. Trong chuyến lục soát cuối cùng, người lính mang máy truyền tin có tìm ra được một chiếc nhẫn còn dính trong một ngón tay đàn bà, trên chiếc nhẫn đó có khắc hai chữ HN.

Bọn lính kéo nhau đi, dắt theo người đàn ông, ra khỏi làng thì mẹ già bằng đưa bé ra bờ tre nhìn theo, mẹ nhìn mãi không thấy người đàn ông đâu cả. Đoàn người chỉ toàn là một màu áo cùng chung với màu ruộng lúa, cỏ cây ở bãi tha ma.



Ông từ già bị một toán người lạ mặt đem ra bắn ở dưới hàng dương liễu gần nơi cha xứ, ngày xưa dự định xây tháp chuông. Xác ông từ nằm co quắp đã nằm hôm, một phần cơ thể đã phình lên. Mặt xốc ngược về phía sau, đôi mắt chưa nhắm hẳn, còn để hở hai đường lòng trắng như hai vết sọc vẽ. Miệng cũng hở ra bày mấy cái răng cửa màu vàng nhạt có dính xác cơm. Ông mặc một chiếc áo đen cụt, để hở ngực, có mấy mọt ruồi dính lắc lư những sợi lông dài, cái quần dài bị kéo xuống quá đầu gối và được đắp lên một chiếc nón rách che kín bộ phận sinh dục. Về mặt ông thản nhiên như hồi còn

sống một buổi trưa trời nực, kê đầu vào gốc dương liễu để ngủ, không một chút lo âu, nghĩ ngợi. Cái nắng thiêu đốt của ngày hè làm cho thân thể ông to ra, ánh nắng tẩm lên mặt ông một lớp mỏng không đủ bôi hết làn da đen đi. Hai tay ông xuôi song song với thân thể, bàn tay lật úp xuống cựa vào đất. Con rạch buồn chảy qua ngang chân ông, những giọt nước đều đặn chảy ra sông cái. Đường lên chợ Sam bây giờ đã bít kín. Ngôi chợ không còn ai đến nữa. Nó đã trở thành một đất trống càng thấy hiện ra những buồn vắng xót xa, những hình ảnh kỳ lạ. Con đường chạy dọc theo rạch càng ngày càng thu hẹp lại, đầy những chướng ngại vật, cỏ lá và xác người.

Ông từ chết đã năm hôm không ai chôn cất. Trong thôn không ai dám đến gần xác ông. Từ hôm ông từ chết đến nay nhà nào cũng sập kín cửa không ai dám bước ra ngoài đường. Mùi hôi từ xác ông lan ra khắp xóm, mùi hôi như mắc lại trên từng đọt tre. Toán nghĩa quân được cử đến chôn xác ông từ già không mấy vui vẻ, họ không nói chuyện ồn ào như mọi hôm, chai dầu nhị thiên đường được chuyền tay nhau bôi lên mũi. Họ đứng thật lâu trước đồng thối người bất động, chỉ còn nghe vo ve tiếng ruồi bay qua bay lại. Họ làm thật nhanh, công việc nhẹ nhàng như bới một ụ đất, lấp một đồng rác. Bọn mục đồng e trầu về một góc nghĩa địa, đàn trâu ốm o gặm từng cọng cỏ héo. Bọn mục đồng ngày nào cũng có mặt ngoài nghĩa địa, chúng nó thuộc từng con đường mòn nhỏ chạy qua, thuộc từng tên người ghi trên những tấm bia cũ kỹ. Chiều chiều tiếng hát của chúng bay loăng trên không:

« Từ khi đau thương lan tràn sông núi
quê cũ đã nghèo lắm rồi... »

Chúng nó còn lại ít ỏi, không còn thả diều, không còn đốt lửa nướng sắn khoai hay cãi cọ nhau mỗi khi lừa trâu về chuồng. Bọn chúng càng ngày xa lạ với xóm thôn mà chúng nó đã sinh ra, lớn lên. Mỗi sáng đeo trên mình trầu đi qua những con đường xóm quanh quẽ, chúng nó phần nhiều đã mất cha, mất mẹ. Bây giờ không đứa nào còn hy vọng ngôi chợ sẽ đông lại, trong thôn sẽ có máy xay lúa, sẽ có xe lam về tận giữa

thôn, sẽ có nhà tề sinh đề làm thịt súc vật, chúng nó không còn nhắc đến cái gì nữa.

Sau cái chết của ông từ già, toán nghĩa quân quận không mấy khi trở về thôn Sur-lồ nữa. Mấy cái pháo đài hồi Tây xây còn để lại chông chát những lớp bụi cũ, đóng thành vầy, trong pháo đài độ này không ai dám chui đầu vào, ngoại trừ mấy con chó hoang vào ỉa đái hay lót ổ để đẻ. Hồi ông quận mới về nhậm chức, có lính hộ tống ghé thăm làng một dạo, ông ra lệnh cho người trong làng đập, phá những pháo đài ấy đi để lấy gạch xây nhà mà ở. Trong làng không ai nghĩ đến điều đó, chính sự tồn tại những gì đã có trong dĩ vãng ám ảnh họ, gần gũi họ, những cái pháo đài ấy như những nùm vú mọc lên giữa khoảng ngực người mẹ già yếu. Những nùm vú phát sinh nguồn sữa không vơi, nó đánh dấu một sự còn lại, sau này con cháu sẽ nhìn ra, sẽ vin vào đó để biết « đá trời mà làng không trôi ». Đất đã bao lần thay đổi, người chết đã quá nhiều, nhưng cũng có những cái không thể mất đi sau này con cháu biết đó là quê hương mà hướng về, mờ mịt bao quanh xóm làng, mờ mịt là hàng rào, là thành lũy nhốt hơi hám, tiếng nói, linh hồn. Một ngày nào đó, trong thôn sẽ nhắc đến cái chết của thím Lựu, cái mảng da đầu có dính mớ tóc dài được lôi lên khỏi miệng hầm bí mật. Thím Lựu vừa mới sinh con, chồng thím trước kia đi theo kháng chiến, bị cụt chân về làng rồi làm thư ký cho ban trị sự ấp, sau giải phóng về bắt đi biệt tích đã gần năm năm nay, không biết sống chết thế nào. Có người ở núi về nói có gặp người cụt trên đó, nhưng thím không tin anh ấy còn sống, thời buổi chiến tranh chán chi người cụt. Thím nói với bà gia như vậy để có lý do núp chung hầm bí mật với các đồng chí, đi họp đêm và múa những vũ khúc.

Thím Lựu như ngọn đuốc thấp sáng bùng đêm tăm tối ở quê này. Trước kia, bên nào đến cũng hỏi thăm thím, nói chuyện thân thuộc, có hôm uống rượu say cãi vã nhau trước hiên nhà, có hôm người ta dắt thím đi suốt đêm đến gà gáy sáng mới về. Người ta tập cho thím những điệu vũ lạ mắt, những bài hát cách mạng, thím bỏ tóc dài bằng bành, uốn mình uyển

chuyển dưới ánh trăng. Ban ngày lính quận lên, thím cũng vui chào đón, mời hút thuốc, thím còn bắt gió, nhổ tóc bạc cho mấy người lính già. Tốp lính quen thuộc và thương yêu thím ngày trước nay cũng đổi đi xa.

Mẹ. Lá thư này là lần thứ mười mấy con gửi thăm mẹ, nhờ những thằng bạn con mang tay ra. Con vừa bị thương ở cổ và được gửi về đây tĩnh dưỡng, bệnh tình đã khá rồi mẹ đừng lo. Trong lúc về đây, con được gửi vào một gia đình và đã được một bà mẹ trạc tuổi bằng mẹ thương con như con, con cũng tin cho mẹ mừng, con đã yêu một người ở đây và sinh được một đứa con trai, vừa đúng hai mươi lăm ngày, chắc nhận được tin này mẹ sẽ vui, ngày nào nước yên ổn con sẽ đem nó về thăm mẹ. Vợ con là một góa phụ, hơn con năm tuổi, tên Hoa. Vợ con cũng mong có ngày về Bắc thăm mẹ. Thôi con dứt lời. Cầu chúc mẹ mạnh khỏe. Nguyễn-văn Nam.

Bức thư viết trên giấy học trò xấp lại cẩn thận bằng hai ngón tay cái nằm giữa cánh đồng đến mùa mưa năm sau vẫn chưa mục nát. Một buổi sáng trong cơn mưa tầm tã, bọn mục đồng e trêu qua một ngôi mộ hoang cỏ mọc rất cao, có một con chim nhỏ xơ xác lông đang hót.

HỒ MINH DŨNG

Đã có bản :

TẠP BÚT

của VÕ PHIẾN

Ba cuốn đóng chung một tập, tái bản, giá 180\$

Hoàng Hương Trang

Vào hạ

Tình đã xa đưa, gió đã về
Đã mòn con mắt ngó sơn Khê
Đưa tay với hắt làn mây trắng
Tường áo mơ màng giữa giắc mê

Nắng đã vàng thêm, hoa đã đỏ
Sỏi lót đường đã nở chân non
Đã nghe tu hú kêu mùa lúa
Điểu đã lên trời, sáo véo von

Mực đã phai nhòa trang vở trắng
Áo đã vờn trong nắng hạ reo
Tuổi thương đã chớm vào mơ ước
Nước chảy qua cầu hoa cũng theo

Cho xin những chuỗi cười vui ấy
Ép giữa trang tình để lại sau
Một mai nắng đã vào nhung nhớ
Kỷ niệm êm đềm theo cũng mau

Tình vẫn còn hay đã xa đưa
Mà con mắt ngó vẫn chưa vừa
Vẫn nghe chút nắng vàng chớm hạ
Phe phẩy ân tình giấc ngủ trưa.

HOÀNG HƯƠNG TRANG .

Trần Hoài Thư

Một vùng sương khói

NHỮNG NGƯỜI LÍNH ĐÃ LỘI QUA DÒNG SÔNG, BÂY GIỜ PHẢI trở lại. Một người nói lớn: Thiếu-úy, nước sâu quá, qua không được. Tiếng một người khác phụ theo. Sông gì mà sông ác ôn. Chỉ còn một gang tắc thì đến bờ, lại sâu như một cái giếng. Tao tưởng chết đuối rồi.

Người sĩ quan đứng bên này bờ, đã bỏ dây nịt đạn xuống đất cỏ. Anh nhìn dòng sông xanh lơ chảy dài dưới nắng chiều. Mặt sông bị lóa ở khúc giữa, nhưng hầu như đen thẫm ở hai bên bờ. Hàng cây cỏ thụ, lộn hàng tre cao nghệu, đan dày đặc, che hắt khung cảnh bên kia bờ. Nhưng anh có thể đoán biết bên đó, tình hình bắt đầu an ninh, khả quan vì anh đã nhận ra những cuộn khói bốc lên, cuống quít trong thỉnh không, hầu như hòa lẫn vào đám mây trắng sữa. Mặt trời đỏ lôm ở phía tây, thấp thoáng sau khoảng trống của đám lá. Anh cứ ngỡ mình bị thôi miên dưới màu sắc rực rỡ nhưng đầy buồn bã của một ngày. Bàn tay anh vuốt trên quần, táy máy phủi những cọng cỏ, cọng gai. Anh lại ngồi xuống, dựa lưng vào một gốc cây to, sẵn sù nhưng đã chết cứng. Anh hỏi thằng lính truyền tin. Này Trí, báo tin Sơn Ca chưa... Này Trí, nói lại với ông, khúc sông này nguy hiểm lắm. Hiện các đứa con của mình đang tìm cách vượt qua. Trí không đáp, ngẩng mặt nhìn lên bầu trời, theo dõi chiếc bà già đang lượn vòng. Hắn vẫn lắng nghe trong ống liên hợp,

những mẩu âm thoại ngắn, cộc lốc từ các trung đội khác gửi về ban chỉ huy. Hắn bỏ mẩu thuốc xuống đế giày, đi mạnh.

Hắn nói: Thiếu-úy, đại-úy sắp đến rồi đó. Ông bảo chờ đó. Anh gật đầu, nói lớn cho đám lính ở dưới sông nghe: Tìm được chỗ cạn chưa... Lội vào bờ đi... Coi chừng bọn nó bắn tĩa... Lội vào bờ đi... Ở dưới sông, đám lính vẫn tiếp tục hò hét, tát nước, cười rộ rỡ. Anh nghe tiếng binh Hà vang lên: Đ. m., ướt em tôi rồi. Hắn nhái theo giọng cái lương, em ơi, ừ... ừ... ừ... rồi... Đằng sau, tiếng nói của hạ sĩ Hồ: Làng này ngày xưa giàu lắm. Ôi chao, nội cái tiền bán lúa cũng đủ mua nhà lầu rồi. Tiếng nói của Hồ lẫn lộn một chút tiếc thương buồn rầu. Anh vẫn cúi mặt xuống, nhìn bản đồ bọc nhựa. Nhưng anh biết anh đang bùi ngùi trong một giây phút. Trên mặt giấy này, những xóm làng, những sông hồ, đồng ruộng trải dài chen chúc. Bây giờ, quê hương yêu dấu đó. Những nơi anh đi qua, anh đã dừng quân, đã lục soát, đã nghỉ ngơi trong một thời gian ngắn ngủi, những nơi đó, bây giờ còn gì nữa? Buổi trưa, anh đã vô tình nghe tiếng gà gáy khi anh nằm dưới một gốc dừa, chợt anh cảm thấy xúc động lạ lùng. Giữa vùng đất chết, chỉ toàn những nền nhà vụn, những vách phên lở lói, những bụi cỏ cao quá đầu người, những trái ớt dại đỏ thắm bên những giàn bầu giàn bí, trái bụ bẫm đến no lành, thì tiếng gà chợt gáy lên, trơ trọi, hun hút khiến anh phải đứng dậy, ngơ ngác, đánh hơi, gọi là một chút tiếc thương đầy nước mắt.

Hồ vẫn kể với mấy người bạn đang ngồi dựa lưng vào bờ đất đầy cỏ lau. Này, tao ở xóm trên, khi này bọn mày đi qua, chỗ có cái giếng tối thui đó... Chu cha, tao thề với bọn mày, nếu không có chiến tranh, thì nhà tao xếp hạng đầu trong làng này.

— Dóc tổ hoại, cái mặt mày đi ăn mày không ai thèm cho, mà đòi làm giàu.

Anh chợt mỉm cười. Anh đứng dậy, cầm khẩu súng và dây nịt đạn khoác lên vai. Mũi cỏ ướt lẫn mùi đất phảng phất. Qua đám lau cao đen thẫm, chạy dài theo bờ sông, anh nhìn được ngôi trường làng dưới những nhánh hoa giấy đỏ. Một phần mái bị tróc, sụp đổ. Những cột bằng xi-măng bị đạn phá loang lổ...

Anh nói với Trí: Sơn Ca đến chưa... rồi anh quay lại, nói vọng: Coi đại úy đến chưa... bọn bây... Tiếng trung sĩ Nuôi át cả tiếng gió: Đến rồi, thiếu úy. Có cả trung đội hai nữa.

Anh nói to: Sửa soạn poncho, bây. Làm phao...

Trời bỗng đổ rôi. Mặt trời đã nằm trên đỉnh núi, tròn vo, sừng sững. Trung sĩ Tường vừa lội vào bờ, lắc đầu: Sâu lắm, thiếu úy. Cái kiềm này, tối mới về. Quần áo của ông Tường bị dầm dề nước sông. Ông phải phành phạch bùn đất đã dính trên quần. Anh nói: Ông Tường, coi anh em làm phao đi... kéo nó ngu, thì chết đuối, khổ mình lắm. Anh gọi Tròn lại, này Tròn lấy poncho làm phao. Rán cột cho chặt. Súng đạn bỏ vào cho cẩn thận. Tròn đáp dạ, rồi mở ba-lô lấy poncho. Hắn chửi thề: Đ. m. gần về rồi mà cũng mệt. Anh nhìn dáng nó lom khom, thiếu não, thì thương hại hết sức. Anh coi nó như đứa em nuôi của anh. Cha mẹ nó đã chết. Hiện giờ nó chỉ có bà chị theo chồng sống ở một góc trời nào đó. Những lần nhìn hắn lủi thủi một mình trong trại, anh nghĩ đến mình mà tủi thân. Mỗi lần anh cho nó đi phép, nó cầm tờ giấy, lắc đầu tội nghiệp, em không biết đi đâu nữa. Nhà cửa thì bị phá tan rồi. Làng lại mất an ninh. Nghĩ đến đó, anh muốn ứa nước mắt. Anh bỗng gọi: Này Tròn.

Tròn quay đầu lại:

— Dạ, thiếu úy gọi em.

Anh cười:

— Cột được không, để tao cột cho.

— Được, thiếu úy.

Rồi Tròn lại tiếp tục loay hoay với công việc. Anh phì cười khi nhớ lại buổi trưa trong ấp vừa chiếm. Những trái ổi Tròn hái cho anh đã làm cho bụng anh sôi lên sùng sục. Anh vừa rên vừa ôm bụng. Những viên thuốc cũng không đủ làm cơn đau của anh lắng dịu. Hạ sĩ Tin, y tá trung đội, nói: Tại thiếu úy uống nước sông, lại ăn ổi sống. Anh vừa rên, thì Tròn lại nhảy lên cây ổi. Anh hét lên: Xuống không. Cấm bọn bây hái. Nghe không. Có lẽ tại vì cơn đau dữ dội đã làm anh nóng giận. Tròn nhảy xuống. Một chốc, nó lại trèo lên, cố gắng hái những trái ổi lớn. Anh mở mắt, hét: Tròn, mày không nghe tao nói hả. Xuống đây... Anh

vùng đứng dậy, giận run cả người... Xuống đây. Anh vớ thanh tre la lên. Và khi Tròn sợ hãi đến bên, anh quất ba roi vào mông thẳng xi dầu của anh. Con đau bụng của anh cũng tự nhiên bay đi mất... nó hết một cách lạ lùng và kỳ diệu. Anh cười khan. Tròn nghe anh cười cũng cười. Anh hỏi :

— Sao con nhỏ đó mày cua được chưa ?

— Ngán lắm, thiếu úy. Nó đòi đi theo em.

Anh bật cười :

— Mày thật là tài. Còn tao, gặp đàn bà như gặp bà chúa. Không tài như mày đâu.

— Trời, em mà trở tài, thì nó bán ruộng bán vườn theo em.

Anh lại cười :

— Bán ruộng, bán vườn theo mày đề chết đói hả ?

Bây giờ, dòng sông trở nên náo loạn đến cực độ. Những tiếng hét hò rộn rã lan khắp mặt sông rộng. Những người lính biết lộ đang trở tài dìu những người không biết lộ qua khúc sông sâu. Vài người lính của một đại đội bạn đã đánh rơi súng xuống sông, khiến quang cảnh đã náo loạn càng náo loạn hơn. Buổi chiều đã sắp dứt chỉ còn những ánh nắng tàn tạ thoi thóp trên mặt sông. Con sông nhìn đến tít mắt. Càng xa, nó chẳng khác một dải lụa đen mượt, hiền từ. Phía trên, thấp thoáng một đồn lính Đồng-minh. Những hàng rào mập mờ bò từ dưới chân lên tận đỉnh. Vài người lính hét lên mừng rỡ. Đến phi trường rồi. Bọn bây ời. Riêng anh, anh muốn nao nao. Niềm sung sướng rộn ràng trong cõi sâu của tâm hồn anh. Anh đứng dậy, bàn tay vẫy đồn binh. Trên cao, chiếc bà già thả trái khổi vàng rồi vụt bay lên. Anh cười, nghĩ đến tên Vũ, đang ngồi trong phi cơ. Ngày mai chủ nhật, phải đón đường hắn, bắt đi nhậu rồi lột cái gương đen cao bồi của hắn cho bỏ ghét. Ngày mai, anh tự mỉm cười. Những nàng con gái Sư-phạm từ nội trú tung cửa lồng, dập dìu trên các đường phố, trên các xe lam, trong các quán ăn. Những tà áo lụa thướt tha như những cánh bướm. Anh sẽ ngồi giấu trong một góc ở tiệm cà-phê, ngồi một mình, nhìn ra khung cửa kính có giăng màn mỏng. Đó là những hình bóng xa vời nhưng thật đẹp. Anh chỉ muốn như thế. Mỗi năm, một mùa con gái lại về trong thành

phố, như mùa hoa muôn sắc từ bốn phương trời trở lại. Anh đứng đây, tiến về thẳng mang máy cho Sơn Ca : Yên, cho tao liên lạc với chiếc bà già. Danh hiệu nó là gì nhỉ. Bạch Tuyết hả ?



Những bóng người mập mờ trên con đường đê nhỏ. Màu đất sẫm tối chạy dài và hòa lẫn trong một màu tối ở đồng ruộng xa xa. *Mau lên...* tiếng gọi giục giã trong máy, trời tối rồi. Anh cố gắng đuổi theo những người lính của mình. Họ vội vã ; họ cuống quýt. Họ đua nhau chạy trên con đường, như hy vọng được thấy lại mái nhà cũ, vợ con yêu dấu của họ sau bốn ngày lội. Họ làm anh luống cuống. Đôi chân của anh hình như tách rời ra khỏi thân thể, kéo lê dằng dặc, sên sệt trên đất. Bàn chân trở nên nhũn nhối. Những hạt cát vô tình rớt trong giày trần khi anh lội qua suối cạn, đâm vào lòng bàn chân, tê điếng. Anh đi khắp khềnh. Anh cố gắng đi mau. *Mau lên.* Anh thở dốc. Những hạt cát vẫn đâm vào, hành hạ anh. Anh muốn ngồi xuống, từ từ tháo giày, trút những hạt cát chó đẻ. Khi anh vừa ngồi xuống, thì đám lính vượt qua, bỏ lại anh một khoảng cách xa. Anh chửi thề, rồi đứng dậy, tiếp tục nhón gót chạy theo. *Mau lên.* Tiếng súng từ một đồn canh vang lên rộn rã. Tròn quay lại, chờ : Mệt, thiếu úy ? Anh lắc đầu : Ăn thua gì. Đ.m., mấy hột cát trời đánh thánh vật. Tròn nói : Thiếu úy đưa dây đạn cho em mang... Anh lắc đầu, chợt nhận ra mặt trăng đã lên từ lúc nào rồi. Màu sáng lấp loáng ở một nóc nhà lợp tôn. Chắc còn xa, phải không thiếu úy. Tròn hỏi. Ờ, còn xa... Anh trả lời thật khổ sở.

Mau lên... những chòm lá cao rủ xuống ở hai bên đường. Đồng mía chạy dài, xạc xào trong gió. Có những con dơi vụt bay lên. Anh thấy những đàn đom đóm lấp lánh trên hàng rào đâm bụi. Nhà đã đóng cửa. Anh bước qua, thất thểu, lạnh run. Anh chỉ mong đợi một điều. Đó là một ánh đèn. Một nguồn sáng nhỏ nhoi bên khung cửa. Một sự triu mến mời gọi. Nó bơ vơ giữa cõi đêm, không, nó ở trong tận hồn của anh. Anh chỉ mong một ánh đèn... Những người lính cũng vậy. *Mau lên, mau lên.* Hồi Hà, hồi Trí, hồi Hồ, Tròn, hồi Y Sik, Nay Wang, Y Sim, ông Tướng, Dâng ? Nó ở đâu, anh không biết. Hay đời anh là vậy. Anh tự dưng thêm

một mái tóc đen bên khung cửa kính. Trong ánh điện vàng, em không biết anh ở ngoài bờ thành, nép vào dưới giàn hoa giấy, để nhìn trộm em. Em đang chải tóc. Mái tóc in trên khung kính mập mờ, bàn tay em dịu dàng vuốt từng sợi. Ánh đèn đỏ, em đã cất đi rồi. Em tắt vôi vàng vì em có một giấc mộng vàng đêm nay.



Nơi dừng quân cuối cùng là bãi đất trước ngọn Tháp Chàm. Sơn-ca đang liên lạc trong máy xin xe chở đại đội về hậu cứ. Anh ra lệnh trung đội, ba-lô súng đạn sắp thứ tự, rồi nghỉ ngơi... Còn anh, vắt dây nịt đạn, khẩu M.16 xuống đất, vôi vãi cởi dây giày, tháo bí tất, để tìm những hạt cát chỏ chết, nếu là một sinh vật, thì anh phải bằm ra từng khúc. Những hạt cát nhỏ nhắn, đang nằm trong lòng bàn tay, thật nghênh ngang, thách thức cùng anh. Anh vắt nước đôi bí tất, rồi đưa lên mũi hửi. Hình như đó là một thói quen của anh từ ngày vào lính. Anh cảm thấy quen thuộc với mùi vị nồng nặc của chúng. Rồi anh nằm xuống đất cỏ, duỗi hai chân từ từ, nghe gân cốt răn ra, và cơn đau bí ần đang hành hạ nhẹ nhàng trong bắp thịt. Gió về đêm vi vu, lướt thướt trên mặt anh, tóc anh. Những người lính đã nhen một đồng lửa, thấp bằng củi khô và giấy bìa cứng. Họ đứng quây quần xung quanh ngọn lửa. Những gương mặt bừng sáng. Những nụ cười tiếp tục vang lên. Hai tay họ phủ trên ngọn lửa và mỗi lúc, họ càng sát vào gần hơn. Anh bỗng thấy vui lây. Dù sao bốn ngày hành quân, đơn vị cũng được vô sự. Nếu chẳng may, một vài kẻ nằm xuống, chắc ngọn lửa này là ngọn lửa tưởng niệm rồi. Ngọn Tháp buồn bã ở trên gò cao. Màu gạch vàng sậm, mốc meo, đang chứng kiến một đoàn quân trở về, mà anh cứ ngỡ đôi mắt của mẹ anh đang đọng buồn trên đó.

Anh đứng lặng lẽ, hai bàn tay co ro sưởi ấm. Trung sĩ Dâng, nói : Ông biết tháp này là tháp gì không ? Anh lắc đầu. Hấn nói nhỏ đi : Minh đang đứng trước thành Đồ-bàn đấy, thiếu úy.

Có những đốm sao hiện lung linh trên nóc tháp và anh nghe được tiếng gió hú náo nùng lê thê.

TRẦN HOÀI THƯ

Kim Tuấn

Tôi nói với tôi

Người đã đèn bên tôi
Sao như mây cuối trời
Sóng mù cơn biển động
Nước buồn màu bể khơi
Mắt buồn như chiều xuống
Ta buồn như cuộc đời
Dầu chân ai thấm đèn
Gió mùa đi lãng du

Ta nhìn ta xa lạ
Ta nhìn ta mịt mù
Ta nhìn ta khờn khờ
Ta nhìn ta hận thù
Ta còn gì để nhớ
Ta còn gì đâu em
Nỗi sầu như trái chín
Đêm bóng tối còn đầy
Cõi nào ta đèn đỏ
Núi xanh mờ bóng mây
Chim xa khu rừng cũ
Ta không vui trọn ngày
Ta không vui một phút
Xin ngủ tròn giấc say

Người đã đến bên tôi
Sao người không dừng lại
Mưa chưa kín đường dài
Mưa trên thêm đá cũ
Mưa giọt buồn sớm mai
Mưa như mưa nước mắt
Ta với ta lạc loài
Ta với ta tủi nhục
Ta với ta trọn đời
Ta có gì đâu em ?

Người đã đến bên tôi
Sao người còn xa lạ
Sao chẳng nói một lời
Dù một lời nhỏ mọn

Có gì trong trái tim
Có gì sao chẳng nói
Đêm đêm tuổi đời trăm
Rêu xanh bờ đê núi
Bóng cây già lặng cầm
Với cành tơ lá đỏ
Với em ta âm thầm
Với em nghe mùa gió
Ru giấc sầu vắng xa
Ru giấc sầu mới lớn
Thương ai bỗng là nhà
Thương đêm còn bốc lửa
Thương mười năm đã qua.

KIM-TUẤN

Mường-Mán

Ai xuôi vạ lý

CÔ TRÂM KHUM HAI BÀN TAY CHE GIÓ ĐỐT BÓ NHANG CÒN lại cắm đầu mộ rồi đứng dậy :

— Gần tối rồi, về thôi.

Phiến ngồi chồm hồm theo dõi con châu chấu chui dưới bụi cỏ cú :

— Cháu chưa muốn về, ở đây lát nữa còn sớm mà.

— Về còn ăn cơm nữa chứ.

— Không, bà về trước đi.

Cô Trâm thấy tự dung con bé đỡ chứng, dọa :

— Cháu ngồi đây bà về một mình vậy, lát nữa trời tối ở đây ma nhiều lắm.

Con bé phòng má trợn mắt :

— Cháu không sợ, đã có chú Thường nằm đây nè.

Câu trả lời của đứa cháu nhỏ làm cô Trâm vừa buồn cười vừa xa xót, cô ứa nước mắt :

— Ừ thì ngồi lại thêm chốc nữa.

Một chập :

— Con châu chấu của cháu đi đâu rồi bà ơi.

— Bà làm sao biết.

— Vì bà đấy, cháu mãi nói chuyện với bà nên nó trốn mất tiên.

— Thì tìm con khác.

— Bà tưởng dễ kiếm lắm à ?

Cô Trâm nghĩ cứ mãi cãi nhau với con tiểu tử cái điệu này không đi đến đâu, cô lái sang chuyện khác :

— Sáo đến bữa nay chưa thấy con Xuyên thẳng Đạo về cả ? Bà đã mượn người đi đánh điện tín...

— Chắc lại đánh lộn địa chỉ rồi.

— Lão, sao cháu biết rành thế.

— Có thể mấy người đó mới không về chứ.

Cô Trâm khẽ thở dài, cả hai ngồi im lặng một lúc rồi như chợt nhớ điều gì cô bé nhồm dậm :

— À sao ông nội cháu không chờ cô Xuyên chú Đạo về hãy chôn chú Thường bà ?

— Nội mày muốn thì ai dám cãi, hồi xưa ông đâu có khó vậy.

— Hồi xưa là hồi nào hả bà ?

— Là hồi nội mày bằng tuổi chú Thường mày bây giờ.

— Hồi đó nội cháu làm gì hở bà ?

— Làm chính trị.

— Chính trị là gì hở bà ?

— Là làm việc nước.

Cô bé lẩm nhẩm, việc nước, việc nước, rồi :

— Việc nước là gì hở bà ?

— Là gì ai mà biết được, ông ấy đi đi về về hoài, có khi đi suốt tháng không về.

— Đi đâu vậy bà ?

— Đã nói là bà không biết, có điều hồi đó nội mày đi theo cái ông gì ấy, ông Phan Bội Châu thì phải.

— Tưởng ai chứ ông Phan Bội Châu thì cháu biết.

— Lại lão.

— Thật mà, cháu biết ông ấy, cháu có học ông.

— Mà y là học trò của ông chắc ?

— Không, không phải, cháu có học ông trong sách Việt-sử lớp nhì kia.

— À... à...

— Có cả ảnh của ông vẽ bên cạnh bài học nữa, ông có nhiều râu như nội cháu vậy đó.

—

— Mà sao chuyện ông Phan Bội Châu có chép trong sách Việt-sử còn nội cháu không thấy ?

— Nội mà y chỉ là thuộc hạ của ông ấy thì ai nhắc làm gì.

— Thuộc hạ là gì hở bà ?

— Là học trò.

— Cháu biết rồi, thì ra ông Phan Bội Châu là thầy còn nội cháu là học trò của ông ấy.

— Ủ...

Khung cảnh tĩnh lặng buổi chiều lắng đọng trong đôi mắt trẻ thơ của bé Phiến, chốc chốc vang lên vài tiếng chim hót lẻ loi xanh um dưới tàn lá. Cô Trâm thả lỏng tâm trí theo hoài vọng nào đó không rõ nét. Cuộc đời cô độc của cô trôi nhanh bình thản theo từng hồi chuông mõ kinh kệ mỗi đêm. Thời con gái như đám lục bình lá xanh-hoa-tím trôi sông, mười hai bến nước cô đã ghé bến thứ nhất rồi tiếp theo là chuỗi ngày tháng đợi mong. Rừng núi đã nuốt trửng người tình của cô. Rừng núi đã đồng lõa với lính Tây giết chết chàng. Bây giờ cô chỉ còn biết buồn vui với lũ cháu con của ông anh cả. Cô bé không còn nhớ đến con cháu cháu nữa bây giờ nó chăm chú theo dõi đàn kiến bò quanh mộ đất.

Cô Trâm ngẩng lên :

— Thôi về đi cháu, gần tối rồi.

— Cháu đã nói là chưa muốn về.

— Thế cháu không sợ ma thiệt sao ?

— Cháu đã nói có chú Thường nằm đây nè, à sao chú Thường chết vậy bà ?

— Suyt, cháu còn nhỏ đừng tò mò.

— Có phải chú Thường đi đánh trận rồi chết phải không ?

— Sao cháu biết ?

— Cháu nghe con Hồng con mụ Tư nói, nó còn bảo chú Thường nằm trong hòm kẽm, cháu bảo là hòm gỗ chứ không phải kẽm, nó cứ cãi cháu hoài.

— ...

— Mà sao bố cháu đi đánh trận chết rồi bây giờ chú Thường cũng đi đánh trận chết ?

Giọng cô Trâm buồn buồn hình như cô đang nói cho một mình mình nghe.

— Thời buổi chiến tranh bắt con người phải vậy.

Nước mắt lại ứa ra ướt mần nong đôi gò má già thẫm lạng. Con bé thấy cô Trâm khóc nó xoắn lấy vạt áo cô rồi không hiểu sao nó cũng khóc òa.



Nghĩa địa trải dài dưới chân đồi, cỏ hoang mọc lan xanh suốt vùng đất thấp. Từ cổng con đường rải sỏi màu đỏ thẫm dẫn sâu vào chia ba rẽ bốn thành những lối đi nhỏ len lỏi giữa vô số bia mộ. Nắng xế bóng mọc rêu. Từ đất, từ trời, từ kẽ đá ghe lạnh dấy lên trong lòng người mới tới cảm giác bàng khuâng dịu nhẹ của những chiều cuối năm mặc dù bây giờ đang ở giữa tháng tư. Người mới tới là một thiếu phụ mặc áo xanh lơ, cánh tay buông thõng nắm chặt thẻ hương học trong lớp giấy dầu vàng bóng. Lời chỉ dẫn của ông già gác nghĩa địa lơ mờ không rõ — hình như ngôi mộ nằm phía bên trái, vòng hoa trên đó còn tươi... ở cuối dãy hàng rào. Người thiếu phụ đứng trên mộ đất cao đảo mắt tìm kiếm, gió vũ lộng đôi tà áo xinh xắn như đôi cánh bướm, vóc dáng gầy yếu nổi bật nền màu áo không thể nhầm lẫn với màu trời như nước mắt không thể vùi lấp nỗi buồn đang có. Anh ơi... anh ơi em trở về với anh đây... anh ơi... anh ơi... tiếng kêu sâu hút từ một góc nào trong tâm tư vang dội khô khan. Nghĩa địa tĩnh không rải rác dăm ba người cầm nín. Có phải ở đây thường âm thầm có cuộc sinh hoạt buồn tẻ nhất thế gian ? Chỗ hẹn cuối

cùng của người sống và kẻ chết ? Chuyển xe năm giờ rưỡi sáng mang tôi bỏ xuống đầu con phố quen thuộc. Thành phố tôi đã quày quả bỏ đi thề không bao giờ trở lại, nhủ thầm nếu con trai tôi khôn lớn tôi sẽ dặn : « Con đừng bao giờ trở lại nơi ông ngoại con đã xua đuổi má như con chó ghẻ, đã cố tình coi má như đứa nghịch tử ở đó chỉ có cậu Thường, cô Trâm thương má thôi... » Căn nhà yên tĩnh êm đềm trong vườn cây ấp yêu tôi suốt những mùa tuổi thơ yêu dấu có còn giữ kỷ niệm nào không ? Ở đó tôi đã ê a tập đánh vần ABC. Ở đó tôi cười đùa, khóc lóc vội vỉnh, ở đó trong mỗi mỗi xó xỉnh ngọn cây có còn ẩn bóng những nhân vật thần thoại trong chuyện cổ tích cô Trâm kể không ?

Cái điện tín đến từ hai hôm trước, tôi bàng hoàng nhận tin anh Thường chết. Hãy thứ lỗi cho em nghe anh Thường. Em đã về quá muộn, không còn kịp dù chỉ để ném cục đất khô xuống huyết vĩnh biệt anh. Còn nhớ hôm trước khi đi anh và anh Thú đứng trong hàng hiên. Câu anh nói em còn nhớ suốt đời : « Anh hiểu hai đứa, nhưng ông già không chịu hiểu như chúng ta, anh hiểu hai đứa thương nhau, anh tin Thú đủ sức gây dựng hạnh phúc, sớm mai cứ đi, ông già để anh hứng chịu, lâu rồi ông sẽ nguôi ngoai, nhớ viết thư đều cho anh nghe Xuyên... »

Sự khác biệt tôn giáo là khoảng cách lớn, là chiếc rào cản ngăn đón chúng tôi, anh chặt đứt hết tất cả. Anh mang hai linh hồn yếu đuối đặt xích lại gần làm sao anh có thể chết vội vàng như thế được. Mới tháng trước em còn nhận được thư anh từ Pleiku, em nhớ thật rõ ràng trong thư tiếp đó em đã nhắc đi nhắc lại : « ... anh phải cẩn thận, bớt uống rượu, bớt hút thuốc lá, nhất là bớt hút thuốc lá để tránh tình trạng đầu tháng hút Pall Mall cuối tháng hút Bastos-xanh như hồi anh còn ở nhà, để tiền dành vào việc khác, gắng kiếm cái phép về ở chơi với tụi em vài ngày... » thế mà giờ đây.... khi trở lại nhà đặt chân xuống con ngõ quen thuộc lòng chúng xuống khoảnh khắc, căn nhà khoảng vườn mảnh sân im vắng, em bước những bước hụt hẫng thận trọng như một con mèo chùng lén... mơ hồ thấy đôi mắt nghiêm khắc của bố sau cánh cửa đóng, không gặp một ai ở đó, em ngồi một mình trước hiên thấy tủi thân lạ lùng. Em mừng tượng thấy những bước chạy nhảy hồi tóc còn cột bím, mừng

tượng thấy giàn mướp đắng của mẹ trồng bên trái góc vườn (chỗ giàn mướp đắng bây giờ thay thế bằng liếp bông huệ) mừng tượng nghe tiếng cười tinh nghịch của anh lần khuất đầu đó trong mỗi kẹt cửa trên mỗi lớp bụi, em nghe cả tiếng văng đũa, ngửi thấy mùi thuốc bắc bốc hơi từ cái siêu nhỏ bắc trên vỉ lò, em tưởng chừng mẹ vẫn còn đứng ở đâu đó, mẹ chưa hề chết, mẹ nhìn em bằng đôi mắt của bố, không, đôi mắt mẹ dịu dàng bao dung hơn... Có phải cuộc sống chung của bố và mẹ là kết quả của một tình duyên ép uổng (có lần em nghe cô Trâm nói như thế) nên bố thường gắt gỏng kém vui? Không, không thể như thế được, em không tin, có lẽ suốt đời bố chung thân bất mãn, lớp bằng hữu đồng tâm đồng chí một thời bây giờ có uy thế địa vị đều trở mặt... điều này em thấy rõ ở thái độ lạnh nhạt của bố mỗi lần có khách đến chơi. Bố ít nói nhưng chắc chắn bố có nhiều giông gió trong lòng. Bố thường trầm ngâm ngồi hàng giờ trước bình trà, không biết những lúc đó ông nghĩ gì. Đưa con ngang lưng của bố trở về đây, em gái của anh trở về đây, chị đã về đây Đạo ơi, cháu vừa về đây cô Trâm ơi, chết hết rồi cả sao? Ngồi như vậy có đến một giờ mới thấy vú Ni đi chợ về. Vú khóc nức nở kể nỗi bức bối phiền muộn của bố, kể lòng thương vô bờ của cô Trâm lúc nhận tin của anh chết. Còn Đạo nữa, sao không thấy nó về — bao giờ đến phiên nó nằm xuống đây?... Em muốn vào gặp bố quì xuống xin thứ tha hết tội lỗi dù để rồi sau đó nhận đủ một cái bình trà xáng vào mặt (như hồi xưa) nhưng em không đủ can đảm nữa, em liệng chiếc va-ly vào một xó rồi vội vã tìm đến đây (không có vú Ni thì chắc em không biết anh « ở » đây) đến nơi không bao giờ còn gặp mặt anh. Thứ lỗi cho em... cho em... cho em, anh Thường ơi.



Lúc Đạo bước qua ngưỡng cửa ông cụ đang ngồi trầm ngâm trong ghế bành trước tách trà bốc khói. Khuôn mặt ông quá điềm tĩnh khiến Đạo có cảm tưởng ông đang ngồi đợi ai ở đó, hoặc đang tìm cách phá một nước cờ bí trên bàn cờ tướng vô hình không dấu thủ. Đạo hơi bối rối (anh thường né tránh cái nhìn của bố mỗi lần biết mình có lỗi) ông cụ ngấm từ đầu đến chân con trai rồi chậm rãi :

— Mày về đó hả Đạo?

— Dạ.

Đạo vắn về chiếc mũ trần trong bàn tay.

— Con Xuyên đâu?

— Dạ con ngõ chị ấy đã về từ hai ba hôm nay rồi.

Một phút im lặng nặng nề trôi qua giữa khoảng cách hai bố con. Đôi mắt lạc thần của anh Thường trong chiếc ảnh phóng lớn đặt ngay ngắn trên bàn thờ như cuốn chặt hết mọi ý nghĩ của Đạo. Nỗi uất nghẹn nồ lòng bùng trong đầu. Ông cụ khẽ nhấc một bàn tay ra dấu bảo Đạo ngồi xuống rồi rót một tách trà đầy tới trước mặt Đạo.

— Mày còn nhớ ngày giỗ của mẹ mày không? Giọng nói, nét mặt ông vẫn giữ đúng độ điềm tĩnh buồn bã lúc đầu.

— Dạ hăm bốn tháng Giêng

— Của anh cả mày?

— Ba mươi tháng Mười-một

— Khá lắm, mày gọi con Xuyên về, tao tha thứ cho nó hết, cả thằng Thú nữa, tao già rồi không muốn chết một mình.

Ông cụ có vẻ bị xúc động mạnh.

— Mày biết thằng Thường chết mấy ngày rồi không?

— Dạ con mới nhận được điện tín tối hôm trước, đơn vị bạn sửa soạn hành quân nên về muộn.

— Không sao, tao đã chôn cất nó rồi.

Giọng ông bỗng trở nên thân mật như một người bạn. Đạo mơ hồ nghe ra trong giọng nói ấy vương vít chút đờm dãi của tuổi già và nỗi mệt mỏi trâm lấp. Anh khẽ đằng hắng định nói một lời nào đó thật dịu dàng thăm thiết với ông cụ, ít ra cũng giúp ông yên lòng, nhưng mọi ý nghĩ vẫn bị cuốn hút bởi đôi mắt anh Thường. Sự nín lặng của hai người sống nén ép giữa sự im lặng nghìn trùng của người chết của bàn ghế cột kèo ly tách đìu hiu. Căn nhà tẻ lạnh không gây ấn tượng luyến nhớ nào trong ký ức. Có phải lúc trở về đây tôi mang bộ mặt hoàn toàn xa lạ? Đời sống xô bồ ồn ào của anh Thường đã tắt hẳn. Sao chị Xuyên chưa về, chị ấy vô tình, chị ấy thù ghét gia đình này đến thế sao? Có lẽ bố thất vọng về lũ

con của bố lắm phải không? Dẫu sao con cũng thương bố mà. Phải không anh Thường, vết sẹo trên cánh tay phải tôi vẫn giữ. Vết sẹo lưu dấu tuổi thơ của chúng ta, tuổi thơ ngọt bùi những miếng đường phôi mẹ dúi vào tay mỗi lần đi học về cơm chưa kịp chín. Tuổi thơ xốc nổi những trận đập lộn sút trán u đầu. Không phải tôi chỉ nhớ chừng nấy về anh. Tôi còn nhớ cả mối tình đầu của anh nữa. Mối tình chắc anh đã quên, chắc chị Hoàng đã quên. Thiệt là uổng nếu hai người cùng quên đi một mình tôi nhớ. Nhớ nửa đêm anh hối hả chạy về lay tôi thức dậy kể chị Hoàng đang bị ốm đòn vì ông già chị ấy bắt gặp hai người đứng tình tự ngoài vườn. Nhớ tối hôm đó tôi đã đu người lên bờ tường cao ném vào cửa sổ phòng chị Hoàng một chai dầu «nhị thiên đường» buộc miếng giấy anh viết gì trong đó chẳng hiểu. Chỉ biết chai dầu kia không rơi vào giường chị Hoàng như anh tưởng mà lại cắc cớ rơi nhằm đầu bà nhạc tương lai của anh. Báo hại một phen bở vĩa. Trong khi bà già đứng trên cửa sổ chửi vọng xuống thì hai đứa ba chân bốn cẳng chạy về nhà thờ hồng học như trâu điên. Kỷ niệm đó bao giờ quên được.

Những năm còn nhỏ không ai nói ra nhưng chúng ta ngầm ngầm chia ra hai phe : phe chị Xuyến — anh Cả, phe tôi và anh. Dĩ nhiên phe hai bị bố chiều cổ hơn phe một. Mỗi bữa cơm bố ngồi vào bàn câu nói đầu mỗi là : «hai thằng trời-đánh-trật-búa hôm nay lại về trễ». Hình như lúc nào cũng về trễ bởi không khí ngoài đường ngoài phố, những cuộc bơi lội ngoài bãi sông, những trận đá bóng hấp dẫn hơn ngồi ngay ngắn bó cẳng trong nhà nghe bố ban huấn thị. Dẫu kính trọng bố đến mức nào chắc anh cũng công nhận rằng bố là một diễn giả có lối nói và đề tài quá nhạt trong lúc chúng ta không thuộc loại khán giả kiên nhẫn. Hồi đó tôi ghét bố, vừa ghét vừa sợ bố như ghét và sợ ông giám thị ở trường học, có lần ông bắt tôi quì suốt buổi sáng trước cột cờ vì tôi chạy theo một con nhỏ học cùng lớp nhét thư tỏ tình vào cặp nó, con bé xanh lét mặt mày không chịu nhận, nó chỉ chịu nhận một cái đá văng mắt cặp vở hơn nhận những lời tha thiết của tôi, cứ đá diễn ngay trước mắt giám thị thì đời nào lão chịu tha (con nhỏ đó chính anh đã thách thức tôi bằng đủ mọi cách «cua» cho bằng được) kể ra hồi đó đối với con gái tôi chưa được dịu dàng lắm. Đạo anh Cả chết tôi ít buồn hơn bây giờ (anh Cả có hiện hồn

lên vịn cổ tôi cũng nói với anh ấy như thế). Còn nhớ câu anh thường hát mỗi lúc buồn (hay vui ?) một câu độc nhất trong bài Hòn Vọng Phu (tại sao lại chỉ một câu độc nhất ấy.)

« Có ai xuôi vịn lý nhần đôi câu giúp nàng lấy, cây hương thật quý, thấp lên thương tiếc chàng, ơ hờ hơ ơ hờ ơ hờ... »

Có ai xuôi vịn lý không ? Chỉ một cây hương thật quý thấp lên cũng đủ. Chết cũng cần người thương tiếc sao ? Mong rằng đá Vọng-phu không hẳn là một huyền thoại để ở chân trời góc biển óc eo mịt mùng nào đó có đưa con gái si tình thấp lên một cây hương thương tiếc anh. Một lần ở Quảng-ngãi nằm ôm cái radiô nhỏ phát ra bài ca ấy tôi đã nhớ anh quá chừng, ngược lại bây giờ nghe đứa nào hát câu đó chắc tôi bóp cổ nó mất...

Con biết bố buồn lắm. Thời ruồi rong ngược Nam xuôi Bắc còn để lại dư âm đau nhức trong mỗi sớ thịt làn da. Nhiều năm bố gắng sức chống chọi với căn bệnh sốt rét kinh niên, chống chọi với tuổi già cô quạnh. Cái chết của anh Cả (người bố đặt nhiều tin tưởng nhất) còn chấn động trong lòng bố mãi không nguôi. Con biết bố thất vọng nhiều khi thấy lũ con lớn lên mỗi đứa một tính khí khác nhau. Bố đâu ngờ trước được chị Xuyến sẽ bỏ đi. Bố đâu ngờ trước được anh Thường cãi lời bố nhất định không chịu cưới vợ sớm. Bố đâu ngờ bây giờ con thế này: Lính thay vì trở thành một nhà giáo như ý bố mong muốn. Nhà giáo làm thế nào được khi con trai của bố nó chán sách vở, chán giảng đường, ốm ở với tất cả những mối tình chân thật — Đầu óc nó luôn nuôi cả một lô ý tưởng hoang nghịch mĩa mai. Nhà giáo làm thế nào được khi mỗi đêm bố mê ngủ không hề hay biết con trai của bố dẫn gái điếm về nhà bằng cửa sau, sáng chưa bảnh mắt nó dẫn điếm chuồn ra cửa trước. Ngai Khổng-Tử sống lại có một lũ con thế này, ngài cũng chỉ buồn bằng bố là cùng. Con thương bố lắm nhưng chẳng thể sống khác với bản tính con được, cái bản tính không giống bố chẳng giống mẹ và chưa hề giống ai...

Chị Xuyến, sao chị chưa chịu về, chị vô tình, chị thù ghét gia đình này thật tình à ? Tôi bằng lòng với sự ra đi của chị, bằng lòng với quyết định can đảm của chị. Chính tôi cũng không ngờ chị yếu đuối mềm mỏng lắm nước mắt mà cũng gan lì đến thế mặc dù

tôi không thích anh Thú, không thích cái thằng cha có lối ăn mặc chải chuốt, có lối ăn nói kỳ cục một dạ hai thừa ấy. Nếu chị hỏi tôi có lời chúc nào cho chị, tôi sẽ không ngần ngại nói rằng: « Chúc người chị yêu quý của tôi nhiều hạnh phúc và đẻ thật nhiều con, nhiều con chừng nào tốt chừng đó ». Chỉ có vậy — nhưng chị nên bỏ cái giọng cười khinh bạc khi nghe tôi tuyên bố sau này tôi sẽ đi tu... biết đâu đấy thằng Đạo sẽ trở thành nhà sư...

Nắng đã quá già ngoài hiên. Đạo nhòm người đứng bật dậy lúc chợt nhận ra mình buồn ngủ. Ông cụ không còn ngồi trong ghế bành. Đạo nghe tiếng ông đang ho sù sụ trong buồng tắm. Anh đốt một điếu thuốc bước ra khỏi nhà.



Bốn người ngồi quanh ngôi mộ, cô Trâm, chị Xuyến mắt đỏ hoe. Đạo đốt cháy phiến muôn trong lòng bằng những điếu thuốc liên tiếp. Bé Phiến đã quên con châu chấu, quên bày kiến. Nó ngồi im lặng đưa đôi mắt nai tơ đen óng hắt nhìn người này đến người khác. Mắt nó chợt dừng lại trên cổ áo Đạo nhớ lơ mơ hồi xưa trên cổ áo bố nó cũng có gắn một cái hoa mai màu đen như thế. Trời vàng chiều sau bờ cây. Trời sắp tối rồi, biết có ai xuôi vạn lý?

MƯỜNG - MÁN

ĐÃ PHÁT HÀNH :

LỜI GỎI CÂY BÔNG VÀI

thơ TRẦN TUẤN KIẾT

Nhất - Anh

Người đi đường

Tất cả chúng ta hãy ngồi xuống, đây và nghe
bài du ca này, bài du ca nói về một người đi đường,
đi giữa đất nước của mình mà thấy cô đơn xa lạ

Người đi đường quen sống núi sống rừng, bị tước mất
linh hồn, chỉ biết nghe tuyên truyền và thù hận, chưa
bao giờ được nghe tiếng hát tình yêu mà chỉ nghe
có lời ca súng đạn

Người đi đường từ trên núi cao lăn về đồng bằng,
với khẩu AK trong tay, với chiếc quần ka-ki không
ngắn không dài, với tấm bản đồ vẽ xiên vẽ xẹo

Người đi đường mặt khô mày héo, thiếu áo thiếu ăn, quên tiếng người và quên cả anh em ; cứ lầm nhảm hỏi mình : tự do là gì ? tình yêu là gì ? và bỗng đứng khóc sướt

Người đi đường mỉm cười về những giòng nước mắt của mình, về bức thư tình còn giữ hai mươi năm, về một người từng được gọi là em, về một nếp nhà, con đường, bờ tre, đồng lúa

Người đi đường ghét kẻ thất tình, tự coi mình như người khách lạ, tự cho mình là cây lá đá, tự nói với mình và nói mãi nói hoài về một chủ nghĩa bơ vơ

Rồi người đi đường « nằm chết như mơ, chết thật tình cờ, chết không hẹn hò », bên khẩu AK, dưới gốc đa, gốc đa như người mẹ hiền, gió đưa tàng lá ru êm cho con thơ được ngủ.

NHẤT-ANH

Kinh Dương Vương

Nhà cầu

SUỐT ĐÊM TÔI NGỦ KHÔNG YÊN GIÁC. NHỮNG CƠN MỘNG khiến trái tim luôn đập phồng trong nỗi lo nhọc nhã. Từ ba tháng nay, tôi không thể trả được tiền nhà và tiền cơm cho bà chủ. Bà vẫn một mực tử tế với tôi, nhưng không vì thế mà tôi cảm thấy được yên tâm. « Thức ăn lúc này có hơi khan hiếm, mua khó, cậu ăn đi. » Trong bữa cơm chiều trước những món ăn không được thơm tất như thường ngày, bà đã nhìn tôi nói như thế. Ánh mắt và giọng nói của bà thành thực nhưng lại khiến cho những hạt cơm tôi đang nhai trong miệng hóa ra như sạn trâu. Tôi ứa nước mắt.

Sáng ra tôi thức dậy thật sớm, khi ánh điện còn dọi sáng những con đường chưa có bóng người. Nhưng tôi vẫn tưởng như mình đã thức quá muộn, tôi hối hả đến nỗi không kịp làm những việc vặt thông lệ hằng ngày, vội vã mặc áo quần ra khỏi nhà.

Tôi phải đi bộ quãng đường ngót bốn cây số đến nơi hẹn mượn món tiền nhỏ. Dọc đường bụng tôi bắt đầu thấy đau lâm râm nhưng vì quá nôn nao đuổi theo những bước chân, tôi quên đi trong chốc lát. Nhưng lúc đến nơi đã quá giờ hẹn và người hẹn cũng đã đi khỏi. Tôi tiếp tục đi bộ đến những nơi tôi hy vọng còn có thể vay được ít tiền. Tôi nói hy vọng vì lẽ, những nơi đó có lần tôi cũng đã phiền hà đến họ mà chưa trả lại được.

Nhưng trước sự khần khoản của tôi, tôi chỉ được nghe những lời từ chối đượm chút hối tiếc một cách lịch sự khiến tôi xót xa vì ngượng, miệng lắp bắp mấy lời cảm ơn để tỏ ra tôi cũng là người biết điều, thái độ cần thiết của kẻ có học thức.

Đến trưa tôi mệt lả, chân run và mắt hoa. Tấm vải lưng áo dán sát vào da đầm mồ hôi. Tôi chờ đợi những cơn gió hiếm hoi mang đến chút mát mẻ. Tôi đã đi hơn mười cây số trong một thành phố nắng cháy đầy bụi đen. Cho đến lúc mọi người tạm dừng công việc để nghỉ ngơi và ăn trưa tôi vẫn chưa dừng bước, tôi có hẹn với người bạn ngay sau giờ tan sở.

Đến nơi, người bạn mời tôi ở lại dùng cơm nhưng tôi đã từ chối. Bấy giờ có một công việc riêng tư khác thôi thúc, khổ sở và cần thiết hơn cả bữa ăn, dù tôi đang đói rã rời. Hơn nữa, tình thân giữa tôi và gia đình bạn còn trong chỗ sơ giao, chưa đến độ để tôi ở lại dùng bữa cơm không báo trước, dù chỉ là việc thêm chén đôi đũa... Và tôi càng ngại ngùng hơn nữa nếu tôi tỏ với anh ta cái điều đang ray rứt tôi khôn đốn. Không có kết quả, tôi cáo từ ra. Lúc bắt tay từ giã tôi cố đứng thẳng người nhưng tôi xuýt phải cúi xuống ôm bụng. Cơn đau đến đột ngột xoắn cả ruột gan tôi. Tôi vội quay mặt đi để giấu vẻ khổ sở, sợ người bạn có thể hiểu lầm là tôi thất vọng vì anh ta không thể giúp đỡ tôi. Khi ra khỏi nhà cơn bức bối lắng dịu và giảm phần khẩn cấp. Tôi lau mồ hôi trán và cầm đĩa. « Phải giải quyết ngay tình trạng bức bối trong người », ước ao khẩn thiết. Ra đến phố tôi định ghé vào một quán ăn khả dĩ có chỗ cho tôi làm công việc đó, nhưng với số hai chục đồng tiền kẽm trong túi tôi không thực hiện được ý muốn. Tôi ăn một đĩa cơm nhỏ giá khiêm tốn hàng cơm bên vệ đường. Vừa ăn, tôi vừa dò chừng tình trạng cái bụng. Tôi ngại mở cơm mới vào choán chỗ rồi chúng dùng dùng nhất loạt đòi ra ngay thì thật khôn nạn cho tôi. Ngay lúc đó, chưa có triệu chứng cấp bách, nhưng một lúc sau khi tôi rời khỏi hàng cơm, đang trên đường đi, bụng tôi lại đau quặn dữ dội. Tôi cố dẫn xuống hết hơi hết sức. Nhưng cho đến khoảng xế chiều thì tôi không còn chịu nổi nữa. Bụng tôi đau quặn từng cơn tiếp nối không dứt, da bụng nổi gò lên từng cục. Trong lúc đi, thỉnh thoảng tôi phải dừng hẳn lại ôm chặt lấy

bụng, cố nén. Mỗi lúc tôi tưởng chừng như không còn kham nổi và nếu phải cho ra thì không biết tôi phải xử trí thế nào đang khi tôi ở giữa phố thị này. Tôi phải đi thật chậm, từng bước một, không dám dấn mạnh bàn chân xuống mặt đường.

Tôi mua một tờ báo cũ và một bao ny-lông theo sáng kiến tôi vừa tìm thấy. « Một ngõ hẻm vắng người nào đó. Có thể như vậy », tôi nghĩ. Rồi tìm một đồng rác — thành phố này thì đồng rác không thiếu — vất vào đó. Thế là yên, không ai biết tôi đang xách trên tay cái bọc gì. Nhưng quái ác, không một chỗ nào vắng bóng người ta. Họ đi hàng đàn, hàng lũ đông nghệt khắp mọi nơi, huyền thuyên cười nói. Giữa họ trông bộ dạng tôi thật khốn khổ. Mặt nhăn nhó như khi ăn phải ớt, người khom khom xuống, đi những bước dò chừng, sợ sệt ngập ngừng. Nhưng nào có ai biết đến nỗi khổ tâm của tôi. Tôi oán trách và bất mãn cái thành phố chỉ có bề mặt lộng lẫy này không có lấy một chỗ cho tôi làm cái việc cón con. Thiên hạ chỉ lo ăn, lo trưng diện và những vấn đề bá dăm mà họ cho là trọng đại. Tôi oán trách cả chính phủ không lo lắng đến đời sống của dân — tôi là một công dân. Nếu không có người ta đầy đường chật phố thì tôi dám làm ra giữa đường lăm, và lúc ấy thì đừng có trách. Tôi khốn khổ quá, tôi cảm thấy chẳng còn thiết gì đến mọi sự ở đời: quyền chức cao sang, bổng lộc, một triệu con gái đẹp cũng bằng thừa, một cỗ bàn đầy cao lương mỹ vị cũng bằng thừa, một khối nhân loại đang kêu thương đi nữa tôi cũng không màng. Tôi cảm thấy đời thật đáng nguyên rủa. Nhân loại thật đáng phỉ nhổ. Một người bạn xa lâu ngày gặp tôi tay bắt mặt mừng. Tôi cố gượng cười nhưng nụ cười trở nên méo xệch như mếu. Tôi đưa bàn tay lạnh ngắt, ướt mồ hôi, mặc cho anh ta nắm lấy. Anh ta hỏi thăm tôi rồi rít đầy giọng chân tình, nhưng tôi chỉ ừ ừ, hử hử, đôi mắt nhìn vào anh ta mà xa vắng thất thần, mặt tái dần. Anh vội buông bàn tay nhớp nhúa mồ hôi của tôi hối hả quay lưng đi, nét mặt lộ vẻ sợ hãi, khó hiểu. Bước đi, anh ta còn quay lại nhìn tôi, ý chừng xem tôi có đuổi theo để ám hại hay làm một điều gì ghê gớm. Chấn hấn anh nghĩ rằng vừa dừng lại nói chuyện với một kẻ mất trí và may mắn, tôi chưa kịp dở trò gì xúc phạm đến anh. Tôi rất khổ tâm, nhưng tôi còn thiết gì nữa, ngay cả sự

vồn vã của một người bạn cũ, mà vì lẽ riêng — anh không hiểu — tôi không thể đáp lại hay bày tỏ lời cảm tạ đối với lòng thành khẩn đáng quý của anh.

Tôi không cần tất cả mọi sự, ngoại trừ một cái nhà cầu.

Ngang qua một hẻm vắng người, tôi lao ngay vào, nhưng chưa kịp làm gì thì từ trong hẻm, một người đàn bà đi ra khiến tôi khựng lại, mắt mày sượng cứng. Lúc ngang qua tôi bà ta đi thật nhanh, mắt nhìn tôi len lét. Qua khỏi bà còn quay nhìn lại — dưới mắt bà tôi lại là một cái gì ghê gớm nữa rồi. Cũng nhờ đó tôi thấy có sự gì không ổn. Dẫu là không ai nghĩ đến việc xây cất một cái nhà cầu, tôi cũng không nên làm việc ấy ở nơi không phải chỗ của nó. Không nên phóng uế bừa bãi, tôi đau khổ mà nghĩ như vậy. Tôi đứng tần ngần một lúc rồi hối tiếc quay ra.

Lạy trời ! Cũng có lúc cơn đau lắng dịu. Lợi dụng những giây phút hiếm hoi đó tôi bước đi mau hơn, mắt thì lảo liêng tìm chỗ. Và tôi mừng rỡ vô hạn nhận ra tôi đang đi qua một khu nội trú sinh viên. Không ngượng ngập, tôi len qua đám sinh viên đang ngồi uống cà-phê trên sân cỏ. Họ đã đồng loạt ngược nhìn tôi bằng những con mắt quái lạ và vội vàng tránh đường cho tôi. Tôi đi ngay vào dãy nhà cầu.

Một dãy nhà cầu ! Nhà cầu ! Ôi hai tiếng nhà cầu vang lên tận cùng tâm trí tôi như một hồi chuông linh hiển vọng đến từ cõi trời cao sáng. Cái âm thanh êm ái gọi lên ở lòng tôi những cảm tình cao đẹp như đức bác ái, lòng ngưỡng mộ, sự hy sinh.

— Nhà cầu ! Ôi ! Thân ái làm sao ! Người là ân nhân ta, là vị cứu tinh của ta.

Mỗi một bước đến gần, sự thôi thúc càng trở nên cấp bách. Những giây phút chót, giây phút kết liễu, của ân huệ tối hậu. Không thể còn trì hoãn thêm một phút một giây nào nữa mà sự việc không xảy ra đáng tiếc. Như vậy, hoặc là tôi sẽ ngã ra bất tỉnh. Tôi bước những bước lớn gần như chạy. Tôi phóng vào một gian cửa mở, giẫm bừa lên những đồng phân đầy ngập, tràn cả ra ngoài. Tôi không trông rõ chỗ ngồi còn đó hay đã bị chất cặn bã phủ che lấp mất rồi. Tối om om. Tôi run rẩy, lật bật,

bối rối và hết sức vụng về xử dụng mấy ngón tay trong cơn cảm xúc cực độ. Tôi cảm thấy quá khó khăn, lâu lắc tôi mới tháo được cái nút nịt và mở mấy hột nút cài quần. Chất cặn bã phun ra tung tóe khi tôi chưa kịp ngồi xuống. Mùi xú uế—người ta có thói quen bắt công gọi như thế—bốc lên nức mũi. Lại thay, cho đến một lúc sau tôi mới ngửi được, nhưng tôi không cảm thấy hơi thối tí nào mà thơm nồng. Một thứ hương có được nhờ sự pha trộn, đặc biệt như hương rượu cóc-tay. Một thứ hương ngào ngạt đậm đà, nhờ tính chất cá biệt do sự hòa hợp. Một sự hòa hợp hồn nhiên—loại bỏ được cá tính tự hiến—trở thành đồng nhất, vượt xa. Thứ hương thơm của cộng đồng, cao cả và vị tha. Tôi phồng mũi ra thở, hít thỏa thuê thứ hương vị thanh cao bát ngát đó. Tôi hít thở phur từ thở nào tôi chưa bao giờ được thở.

— Ai có kinh nghiệm về những giây phút xuất thần? Phải có trải qua những giây phút xuất thần đó mới có thể hiểu được phần nào cái cảm giác lâng lâng sảng khoái được sống trong một không gian ngào ngạt thứ hương thơm cao khiết đó. Nếu ai hỏi có phải tôi là kẻ sung sướng nhất trên cõi đời này, tôi sẽ vô cùng hân hoan xác nhận.

Cảm giác thoát trần làm tôi ngất ngây như kẻ mộng du. Tôi lặng yên đắm mình trong một khoái cảm mệnh mang thấm thía.

Ở trong nhà cầu, nơi mà người đời lãng quên, ghê tởm, ngay trong những giây phút chung đụng, cái chốn bị cho là bẩn thỉu dơ nhớp bây giờ nếu ai đòi cho tôi một nơi sang trọng hơn, tôi sẽ sẵn sàng từ chối. Nơi đó là sự ban phúc đúng lúc. Một ân phúc tôi khó khăn mới tìm thấy giữa một thành phố văn minh.

Chung quanh tôi bao phủ sự im lặng kỳ bí. Tôi nhắm mắt lại để tận hưởng. Tôi ngẩng đầu nhìn lên ba cái lỗ hơi thông ra ngoài: trời đang sáng trắng. Tôi xê dịch tầm mắt để nhìn thấy mặt trăng trong vắt nằm gọn trong một vuông trời xanh nhỏ. Mặt trăng rằm tròn vạnh, sáng trắng. Một mặt trăng rực rỡ đẹp để dị thường. Từ trong nhà cầu, nơi trú ngụ thân yêu của tôi, tôi chiêm ngưỡng thiên nhiên vô cùng thích thú. Tôi thỏa thuê nhìn ngắm chị Hằng đang trải ánh sáng dịu dàng xuống trần thế.

Qua ba lỗ thông hơi vuông, trắng dọi vào ba luồng ánh sáng nhẹ, in lên vách tường ba hình thoi vàng nhạt.

Trắng đưa ánh sáng đến cho tôi trong một thế giới dị biệt. Tôi lắng tai nghe và tôi đã nghe ra. Bên ngoài, vọng đến rầm rì tiếng thành phố. Gần hơn, giọng thì thầm đám sinh viên đang nói chuyện. Giọng một nữ ca sĩ ngân nga điệu ca của một nhạc sĩ trẻ được giới sinh viên hâm mộ. Bỗng giữa những âm thanh hỗn tạp, một vọng âm xa vắng từ cõi đó cũng đã vắng đến, nhưng liền bị chìm ngấm thắm thương trong dòng âm thanh rậm rạp, vong thân, ủ ê thương cảm.

Nhưng thôi quên đi và phải biết đợi chờ. Tôi nhủ thầm, tôi đang có diễm phúc được đắm mình trong một thế giới mới lạ đầy không khí Tự do. Vâng, tôi đã cảm thấy Tự do hiện hiện trong không gian bé nhỏ tuyệt hảo này. Bóng Tự do đẹp tuyệt vời, rực rỡ ngạo nghễ. Tôi nghĩ ngợi, và tôi bắt đầu nói to những điều bấy lâu không thể nói. Tôi nói... tôi nói... và tôi nói... Tôi nhìn lên hàng lỗ thông hơi vuông và lại xê dịch tầm mắt cho đến lúc thấy lại mặt trắng sáng hiện ra trong ô vuông ở giữa. Tôi nhìn xuống mấy vệt sáng lơ lơ in trên tường đầy dấu vết. Tôi thử dè một bàn tay vào đó và thấy rõ những đường chỉ ngoằn ngoèo.

Tôi bước ra khỏi nhà cầu. Bầu không khí nóng bức nặng nề của thành phố vồ lấy tôi, những âm thanh chói tai, áo náo vồ lấy tôi. Vọng âm từ cõi đó hoàn toàn tắt lịm. Tôi băng qua đám sinh viên hối hả như sợ hãi. Tôi muốn tránh xa họ như sợ sự ô uế xúc phạm đến tôi.

Tôi vừa mới được hồi sinh, thắm nhuần trong không khí Tự do. Tôi cố giữ mình thoát khỏi sự nhiễm độc.

KINH DƯƠNG VƯƠNG

(1968)

Ngũy-Ngũ

Thời mẹ con gái

*có phải mẹ mang áo dài lụa trắng
mẹ quấn khăn vàng với gió thu sang
gió đem mây về từ ngoài biển lớn
cha theo mây về từ đời gian nan*

*có phải mẹ đeo chuỗi vòng ngọc bích
xanh như da trời tháng chạp không mây
nhưng kỷ niệm từ thiên thai rơi rớt
từ lụy trần chưa bám bụi đầu tay*

có phải mẹ tóc dài từ quên lãng
hay từ lang thang tiếng hát quanh đời
hay từ mùa thu cây ngàn nhớ nắng
hay từ mùa xuân tuổi đời chơi vơi

có phải mùa đông sông lên nước lũ
có phải mùa hè đầy trời mây bay
một ngày mùa hè cha quên biết mẹ
cho đêm mùa đông xanh mướt mộng dài

mẹ hái lá lót nôi thời con gái
trồng cây non lên những ước mơ hiền
mẹ hát cho cha quên ngày quan ải
trên hư không con giữa tiếng kinh mừng.

NGUY - NGŨ

Trần Doãn Nho

Con mắt thủy tinh

KHI LẬT ĐẾN BẢN NHẠC « TÌNH KHÚC THỨ NHẤT », TRANG bỗng đột ngột nhớ đến Quyền, cô nữ y tá ở Tổng-y-viện Cộng-hòa. Dáng cô bé nhỏ nhắn như quả lông lẻo đằng sau cái «blouse» rộng thùng thình. Trang gọi đùa cô bé là con mèo. Cô bé cười, mắt nhấp nháy nửa muốn cười nửa trông thật buồn. Những ngày cuối cùng ở Tổng-y-viện, Trang nhờ Quyền mua giùm bản nhạc và Quyền đã mua bản «Tình Khúc Thứ Nhất». Trang đọc không rõ chữ phải nhờ Quyền đọc giùm. Quyền đọc nhưng không hát. Bỗng trên mặt được gỡ ra, trong ánh sáng mờ mờ của căn phòng, Trang cũng loáng thoáng nhận ra dáng Quyền đi lui đi tới lẫn lộn với những cái «blouse» trắng khác ngoài hành lang.

Bây giờ chắc Quyền cũng vẫn vậy và quên Trang rồi như quên những người khác đến nằm ở đó rồi đi. Ngày dờn Tổng-y-viện, Trang không thấy rõ là Quyền buồn hay vui. Ừ mà buồn hay vui ta cũng hết làm được gì. Trang nhường người với lấy cây guitare trên vách, ngồi xếp bàn, đàn phành phạch. Từ hôm bà má làm rơi xuống nhà, cây đàn nứt một đường, nên đôi tiếng. Thế mà cây đàn của Lộc ở Sài-gòn bề một lỗ lại có tiếng kêu hay hơn. Trang cười một mình, cao giọng hát «tình yêu theo gió mây trôi...» Tiếng phành phạch rời rạc không đuổi kịp tiếng hát. Buổi sáng thật yên tĩnh. Tiếng máy nước chảy ở đằng

90

đập nước vang ầm ỉ, ầm ỉ. Sáng nào, Trang cũng ra bờ sông đứng sau nhà rửa mặt, nhìn lên phía đập không thấy rõ gì hết, nhưng Trang cảm thấy lòng thật nhẹ nhàng và bình thản. Những đám cỏ bên kia sông đã mọc lại xanh rờn, lẫn trong những cuộn thép gai. Sông không rộng, nhưng Trang không biết chắc là những tấm bảng vẽ hình đầu lâu với hai khúc xương treo nhau còn không. Chắc là còn, nhưng chúng lẫn trong đám cỏ, vì cái trụ sở xã bên kia sông bây giờ được đề phòng cẩn thận. Hồi Tết, toán quân trên núi về đã bơi qua sông để tấn công, những người chưa qua được thì ở bên này bắn rất đề yểm trợ. Hồi mới trở về, Trang còn thấy những vết cháy đen ở hai bên bờ sông. Nhà Trang sập mất nửa phía sau. Từ đó đến giờ, vùng Trang ở thật yên. Trang thấy thanh thoi như mình chưa hề có một thời gian dài cầm súng đi hành quân.

Ngoài đường, có tiếng lao xao của những người đi chợ sáng về. Trang nhìn bóng nắng chiếu qua thềm nhà, nghĩ thầm chắc cũng còn sớm. Giờ này Hiền chưa bãi học. Trang loay hoay những ngón tay bấm «gam» rê, rồi đàn xanh xạch. Tiếng những nốt nhạc kêu khô khan dưới ngón tay bấm vụng về. Nhiều lúc, Trang ám ức tức tại sao hồi trước Trang không học đàn. Bây giờ, muộn quá, lỡ ngày nào gần đây không thấy rõ «nốt» thì thật chán. Cái ngày đó... cái ngày đó, Trang phải làm gì đây. Nếu có vợ thì nó có còn thương hay buồn tình bỏ đi. Trang phải nhờ ai đi lãnh lương. Bà má lần thân của Trang làm sao vào tận Sài-gòn lãnh thế. Phải chi chính phủ thương hàng tháng nhờ ai đó mang lại. Nghĩ như vậy, Trang thấy xốn xang như có kim chích chích trong ruột. Đúng là Trang thừa thãi và vô dụng quá rồi. Phải chi Trang cứ nằm lì dưới hố bom đó.

Có bóng người đi vào. Trang nghiêng mặt nhìn, thấy bà má đi chợ về. Trang hỏi :

— Sáng này mạ mua đồ ăn chi vậy ?

— Thịt cá nhiều lắm, trưa nay tụi mày ăn đã đời. Mà thằng Du chắc có đến không ?

— Đến, thế nào nó cũng đến. Ở nhà không biết làm gì nó cũng buồn chớ, mạ !

Bà má đi xuống nhà bếp. Chiếc áo đà bà mặc bốn năm năm rồi bông cũ hằn. Bà chỉ còn một mình Trang. Chị Trang lấy chồng ở tận trong Nam. Hồi bị thương nằm ở Tổng-y-viện, Trang gắng gượng viết thư về nói với bà Trang vẫn bình an. Lúc mới ở nhà thương ra, trở về, Trang nói là Trang thành thương phế binh, bà có vẻ sửng sốt, nhìn khắp thân thể Trang rồi cười thật lớn : «Bây nà, bây nà, con làm mạ hết hồn.» Trang không biết nói sao, suốt một đêm không ngủ, sáng hôm sau, Trang mới can đảm nói thật. Bà run run sờ mó lên đôi mắt Trang rồi la lên «Trời ơi, trời ơi.» Bà khóc ngất, miệng cứ lẩm nhẩm «Trời ơi, trời ơi.» Trang đau ruột bỏ đi ra bờ sông và thấy hoang mang vô kể.

Trang đứng dậy, ôm đàn ra phía cửa. Mấy đứa nhỏ trong xóm đứng tần ngần nhìn Trang đàn. Trang khoát tay :

— Vào đây chơi tụi bây.

Có tiếng thằng bé cười khúc khích rồi nói :

— Vô đi bây, vô trong coi nhạc sĩ mù đàn.

Nghe nói, Trang nhăn mặt hỏi thằng bé :

— Ai nói với mày vậy hả ?

Thằng bé bỏ chạy ra ngoài, vừa nói lớn :

— Con Vân nói đó, con Vân nói đó.

Trang nhìn mấy đứa nhỏ, thấy con Vân đứng núp đằng sau mấy đứa khác. Trang gọi :

— Vân, lại anh hỏi đi.

Con Vân không chịu vào. Trang nói :

— Vân, có phải em nói không ?

— Không, tui không nói. Thằng Khúc bịa ra rồi đồ hô cho tui đó.

Trang cười cười :

— Anh không nói gì đâu. Cứ vô đây chơi. Chị Hiền đã về chưa Vân ?

Vân đáp :

— Chưa, trưa chị mới về.

Mấy đứa nhỏ đứng ngần ngừ giây lát rồi kéo nhau bỏ đi. Tự

dung Trang mỉm cười. Thế nào ta cũng nhạc sĩ mù rồi. Nhưng nếu ta cứ đàn dở mãi như thế này thì làm sao mà kêu là nhạc sĩ. Liệu Hiền có thương mãi một nhạc sĩ mù không. Trang nhớ ra chưa bao giờ Trang can đảm nói với Hiền về tương lai của con mắt còn lại. Trang cứ sợ Hiền buồn, Hiền chán. Hiền còn nhỏ quá, mới mười tám tuổi. Trang vẫn nghĩ thế, nhưng không biết đằng sau cái khuôn mặt trông ngây thơ đó, Hiền đã thực sự có một cái gì người lớn chưa. Nếu Hiền người lớn rồi, biết đắn đo suy nghĩ, biết chọn lựa, hẳn Hiền sẽ không muốn quen Trang nữa cũng nên. Trang cứ ngay ngáy lo một sự tuyệt vọng ở ngày mai, một sự tuyệt vọng Trang đã hình dung ra sẵn rồi, nhưng chắc không khỏi làm Trang bối ngỡ và đau đớn. Những lúc đầu, khi chợt có ý nghĩ không mấy sáng sủa đó, Trang hoảng hốt tột độ. Trang thấy hết hẳn rồi. Cuộc đời như đứt đoạn. Trang thấy thấm thía cái khuôn mặt tê tái của Phước và câu nói «xe phi-ni, xe phi-ni» khi Trang gặp hẳn chống nạng đi lãnh lương. Nhưng, dần dà, Trang bình tĩnh lại. Dù sao, Trang cũng thấy mình cần nuôi hy vọng ở một cái gì đó, không rõ rệt. Trang yên tâm, mơ có ngày Trang sẽ đàn thật hay và hát thật hay. Ít ra, nếu được như vậy, thì Trang cũng có điều để hãnh diện với Hiền — mà biết đâu, Hiền lại chẳng vì thế mà hãnh diện với bạn bè. Mơ ước của Trang thật giản dị, giản dị như đám rau khoai héo úa buổi chiều, chỉ cần một đêm mát trời là sáng hôm sau ngó tươi rói, những cọng lá non đưa ngu ngu ngu ngu khi gió thổi qua. Có lúc, Trang bỗng thấy mình yêu đời chi lạ, đến nỗi khi nghĩ đến sự thiếu hụt vô lý trên cơ thể mình, Trang cũng không có một chút xốn xang.

Trang cất đàn, bỏ đi ra ngoài sân. Ánh nắng chói lóa. Sự im lặng như bao trùm cả một vùng. Các lay động bất chợt của cành lá như thể cũng để tôn kính sự im lặng đó. Nhiều buổi sáng, Trang không làm gì hết, cứ ôm gối, nhắm mắt nằm nghe cái im lặng như thấm dần mãi trong mọi sự vật. Thỉnh thoảng tiếng con chim sẽ kêu ngoài bờ tre, tiếng máy nước ì ầm, tiếng lá bàng rơi thoảng đâu đó trên mái nhà cũng hòa lẫn trong im lặng. Trang hơi rùng mình khi nhớ đến cái im lặng nặng nề, kỳ bí, đầy bất trắc của những đêm dừng quân, cái im lặng làm người ta thấp thỏm, sợ sệt. Đôi lúc, Trang có cảm tưởng những ngày tháng như thế sao nó mơ hồ, xa xăm quá sức. Thêm vào đó là một vẻ

gì vô lý. Trang thực không còn nhớ rõ tại sao hồi đó, bên cạnh những cái chán chường, mệt nhọc, Trang lại cũng có những cái hứng thú, say sưa kỳ dị. Ừ, tại sao? Tại những tiếng nổ liên hồi, đồn dập hay tại những tiếng thét, tiếng hò hét lạnh lạnh? Hay tại cái ầm ừ, tức tối khi thấy thằng bạn đồng đội vừa chạy đó, bỗng ngã lăn ra, bất động. Hay thực sự là Trang có căm thù những khuôn mặt đó. Trang không nhớ rõ gì hết.

Trang nhìn ra đường, thấy có bóng người đi vào cửa ngõ. Tiếng lịch kịch của cái nạng gỗ làm Trang nhận ra Du. Trang bước tới vỗ vai Du:

— Bữa nay trông cậu xài cái này rành quá há!

Du cười:

— Đâu có, nhiều bữa đi nhiều về tè cánh tay thấy mẹ. Sáng nay cậu không đi đâu chơi sao?

— Ở nhà tập đàn mà.

Trang dìu Du vào nhà. Trán Du lấm tấm mồ hôi. Trông Du già hẳn đi. Du vịn vào bàn, một tay đỡ cặp nạng gỗ dựng cạnh vách tường rồi ngồi xuống ngựa. Ống quần chân trái du đưa, du đưa. Sự mất mát như thế quả quá lộ liễu. Lúc nào, Du cũng phải nhìn thấy sự mất mát của mình. Lúc nào, người ta cũng nhìn rõ sự mất mát của Du. Trang có cảm tưởng Du tội nghiệp hơn mình. Những sợi râu trên cằm Du đã đen, lởm chồm. Nổi bứt rứt, xót xa thường trực đã làm mọc râu và da mặt như cứng hẳn đi. Du đưa hai tay vuốt mặt ngáp, rồi nằm ngửa xuống. Cái ống quần chân trái lại du đưa. Du đưa chân còn lại kéo lên. Trang im lặng nhìn Du một chốc, rồi nói:

— Trưa này, bà má làm thịnh soạn lắm cậu. Có «xà-lách xon» với thịt bò, cậu thích không?

Du cười nhẹ, giọng đã dợt:

— Mình thì ăn gì cũng được. Mình không kén ăn như cậu đâu. Còn nhớ hồi trước ở trong Nam mãi, thấy thềm rau khoai luộc, với nước ruốc chi lạ. Về đây, cứ bắt bà má làm món đó hoài.

Trang bỏ đi ra ngoài sân, giặt khăn lau mặt. Trang mang khăn ướt vào cho Du nói lau cho mát mặt và đỡ cay mắt. Du lấy khăn đắp hẳn lên mặt. Trang nhìn ống quần trái của Du dồn lại một chỗ

rồi quay đi lấy cặp nạng gỗ của Du đi thử. Mới cặp vào nách bước hai ba bước, Trang đã nhăn mặt. Trang cười hỏi :

— Hồi mới tập đi, chắc cậu đau lắm hả ?

— Đau thấy mẹ, đôi lúc muốn nằm một chỗ cho khỏe. Nhưng thấy chán lại thích đi, đau cũng ráng mà đi. Bây giờ thì đỡ rồi.

Giọng má Trang từ dưới bếp : « Du đến đó hả, đói bụng chưa, bác bung cơm lên. Cơm chín rồi. » Trang nói lớn : « Đói rồi má ». Một lát, má Trang mang mâm cơm để lên ngựa, nói :

— Ngồi ăn đây cho tiện. Du, dậy ăn Du.

Du chống tay ngồi dậy, cười :

— Bác chu đáo quá. Bác ngồi ăn luôn cho vui.

— Không bác còn mệt, chưa ăn được. Thiết tình nghe cháu.

Du đáp vội vã :

— Dạ, thiết tình chớ bác.

Trang kéo ghế ngồi. Du ngồi, chân để thông xuống đất, ống quần chân trái du đưa. Trang cố tránh nhìn vào cái ống quần đó. Vừa nhai mấy cánh xà-lách, Trang vừa nói :

— Tuần sau mình lại phải vào Sài-gòn đòi phép rồi hả ? Lương thì bữa nay chắc có rồi.

— Mệt thấy mẹ, què quặt thế này mà tháng nào cũng phải đi. Lương lãnh xong về đến nhà đã gần hết. Tức cái mình ghê đi, khắp khểnh leo lên cho được máy bay, rồi leo xuống cho được máy bay, là hết muốn lương với lương.

→ Hôm trước, mình đọc trong mục khiếu nại của tờ báo gì đó, thấy tui nó viết thư mong được nhận giấy phép và lương ở địa phương, không thì cực khổ quá chừng. Chẳng biết ra sao ?

Du cười nửa môi :

— Cậu còn đỡ hơn mình.

— Đỡ gì. Chập choạng, chập choạng, chỗ nào tối tối là chẳng thấy cái gì hết. Có lần lên máy bay, quờ quạng mãi, chút nữa là mấy thằng Mỹ đẩy mình xuống rồi.

Ăn cơm xong, Du và Trang nằm ngửa xuống ngựa. Nhắm mắt chập chờn, Trang cảm thấy nóng, mồ hôi chảy rịn trên cơ thể. Trang ngồi dậy, dụi mắt, lại thấy cái ống quần trái bơ vơ của Du. Trang chợt nhớ tới anh chàng chuẩn úy Biệt-động-quân đẹp trai thường gặp ở chỗ lãnh lương. Anh chàng cụt cả hai chân đến tận đầu gối, mặt mày sáng sủa trắng trẻo, luôn luôn phải di chuyển trên một chiếc xe đặc biệt. Mỗi lần gặp anh chàng về, Trang lại thấy xốn xang, bứt rứt. Trang còn thấy mình có hạnh phúc hơn, dù là thứ hạnh phúc thật mờ mịt. Trang cởi áo, nằm xuống lại, nhớ đến những buổi trưa nóng bức và đầy tiếng động trên căn gác của Lộc ở Sài-gòn.



Trang mang kiếng vào mắt, rồi ra đi. Ba bốn giờ chiều mà nắng vẫn còn chói lóa. Tiếng ve kêu vào những buổi chiều cuối hè nghe đã rời rạc, ít ỏi. Chúng sắp dần dà biến mất trên các cây nhãn, cây cau, bờ tre. Những cái vỏ khô bầu chặt vào thân cây cũng sẽ không còn. Trang nghĩ thấy cũng hay hay, suốt mùa hè, chúng đua nhau hợp tấu vang trời làm khuấy khoả những giấc ngủ trưa, làm vui đám trẻ con, rồi hết mùa, chúng bật tiếng và cũng không ai tìm thấy vết tích chúng ở đâu. Trang đi dọc con đường dưới bóng hàng tre. Đường làng thừa thớt bóng người. Cây cỏ như đã dưới dưới ánh nắng. Khung cảnh trông thanh bình của một vùng quê ở thời buổi này vẫn có một vẻ gì bất ngờ đôi khi làm người ta ngỡ ngàng. Trang băng qua đường đề vào nhà Hiền. Giờ này chắc Hiền mắc võng ở mấy cây cau sau vườn nằm đọc *Tiền-phong* hay *Phụ-nữ* gì đó. Hiền có chút nôn nao nào để chờ đợi Trang đến không? Hay cô bé đang lim dim mắt mơ những giấc mơ thật xa.

Trang gặp con Vân ở cửa, hỏi chị Hiền ngủ rồi hả? Con Vân cười chum chim không trả lời. Trang đi vào nhà thấy Hiền đang xõa tóc gội đầu ở bể nước sau nhà. Trang đến gần, gọi nhỏ:

— Cô bé.

Hiền ngẩng mặt lên thấy Trang, cười không nói gì. Trang hỏi:

— Đi đâu hết mà ở nhà một mình vậy, cô bé?

Hiền lấy tay rũ rũ tóc cho bớt nước. Giọng Hiền có vẻ bất bình :

— Cái anh này, khi nào cũng cô bé, cô bé. Người ta lớn thế này mà bé gì.

Trang cười nhắc lại câu hỏi. Hiền nói :

— Chú em lên tỉnh, mạ em về Sãi ăn ky. Chị Mai có lẽ ngủ đầu trên nhà.

Trang đến bàn học của Hiền, lấy mấy quyển vở của Hiền ra xem. Một lát, Hiền đến kéo ghế ngồi đối diện với Trang. Hiền lấy mấy quyển vở xếp lại, Trang giữ không chịu. Hiền giãi bày :

— Không biết đó, vở người ta học có gì mà xem.

— Trời ơi, xem của Hiền chút không được sao. Ai chê ai khen gì đâu.

Nói thế, nhưng Trang cũng không giằng lấy vở nữa để cho Hiền xếp. Trang vẫn mang kiếng, ngồi nhìn chăm Hiền. Những sợi tóc còn ướt nước. Mấy nốt ruồi nhỏ gần dưới cằm. Khuôn mặt Hiền không buồn, không vui. Làm sao Trang có thể biết được những ý nghĩ trung thực nhất của Hiền về Trang như thế nào. Những ý nghĩ đó có khác xa những ý nghĩ hồi trước ngày Trang thành phố bình không. Trang băn khoăn-mãi mà không bao giờ hỏi thẳng Hiền được. Mà hỏi thẳng chắc Hiền cũng không nói. Cô bé bao giờ cũng ít ăn ít nói. Từ trước cũng vậy, tuy thương Trang, nhưng không bao giờ Hiền bày tỏ rõ rệt những sự săn đón, vồn vã, nên bây giờ Trang không đo lường được mức độ tình cảm của Hiền. Năm trước, dạo Trang về nghỉ phép, có một bữa, Trang cầm tay Hiền hỏi « có thương anh không ? », Hiền cứ ậm ừ mãi không trả lời. Khi Trang ở xa, thỉnh thoảng có gửi thư, Hiền cũng chẳng viết được một vài dòng thương yêu nào cả.

Trang rủ Hiền :

— Đi ra đằng sau hồ chơi đi Hiền.

— Tóc tai thế này mà đi đâu !

— Ra có gió hong tóc khô chứ gì. Cô bé lại khó tính rồi.

Hiền cười chum chim. Trang đứng dậy đi trước. Hiền ngần ngừ một lát rồi cũng đứng dậy đi. Cả hai đi theo lối mòn trong

vườn Hiền, xuyên qua đám tranh đã mọc cao, đến bờ hồ có những tảng đá lớn, phẳng phiu. Hồ không rộng lắm, nước đục. Những lá sen nổi trên mặt nước trông đã tàn. Hai người ngồi ở hai tảng đá cạnh nhau, dưới bóng những cây nhãn cành lá rậm rì. Gió thổi lất phất, những sợi tóc Hiền bay bay. Trang cảm thấy nôn nao bồi hồi. Kỷ niệm thơ ấu như những làn sóng gợn trên mặt hồ, êm đềm, nhưng xa xăm. Trang bàng khuâng thấy chúng như mất cả liên hệ với hoàn cảnh hiện tại của Trang. Mơ ước của Trang bây giờ không xa hơn khoảng cách giữa Trang và Hiền. Trang đột ngột thấy ân hận và tiếc nuối. Hiền ở đó, thật gần, thật gần thơ. Còn Trang, những ao ước tầm thường cũng thành hình khó khăn giữa những mặc cảm. Trang đòi hỏi ở Hiền những gì, nếu không chỉ là sự chờ đợi, chờ đợi đầy khắc khoải trong giấc mơ, trong ý nghĩ. Sự vồ vập, tha thiết của Trang sẽ có ích gì, nếu Hiền bỗng chân thực bày tỏ sự nghi ngờ về tương lai đối với Trang !?

Hiền im lặng, ngồi vuốt ve những sợi tóc. Khi nào thì Trang được phép hôn lên đó. Biết đâu có thể lại chẳng bao giờ. Trang nói :

— Nè, Hiền, thứ ba anh lại đi Sài-gòn đó. Hiền thích mua gì ở Sài-gòn không ?

— Em biết gì ở trong đó mà thích.

— Ờ, để vào trong đó, thấy có gì anh mua về cho Hiền. Nhưng Hiền phải nhận, chứ không được từ chối nghe.

Hiền không nói gì. Trang nói :

— Hiền ơi, sao lúc nào Hiền cũng khó tính vậy. Nhiều lúc Hiền làm anh buồn quá. Hiền nghĩ bây giờ anh còn chỉ ngoài những kỷ niệm và tình thương giữa Hiền và anh. Anh cứ băn khoăn mãi không biết Hiền bây giờ nghĩ sao về anh...

Trang định nói thật nhiều, nhưng bỗng dưng Trang ngừng lại nhìn Hiền. Hiền vẫn im lặng nhìn xa xa, đôi môi như có vẻ muốn cười. Trang sốt ruột, muốn cầm tay Hiền rồi nói thật những bứt rứt của mình, bó buộc Hiền phải nói. Nhưng Trang chỉ nói :

— Sao Hiền, Hiền nói với anh đi.

Hiền cúi mặt xuống, trả lời ngập ngừng :

— Em... em chẳng biết nói gì cả.

Cả hai lại im lặng. Một lát, bỗng Hiền cười nhìn Trang :

— Này, anh Trang, sao anh cứ mang kính hoài chi vậy ?

— Anh mang quen rồi.

— Gỡ ra đi anh, em ghét ai ngồi nói chuyện mà mang kính, khó chịu lắm. Bộ anh sợ em thấy con mắt của anh sao.

Trang nhắc lại, giọng lửng lơ :

— Sợ thấy con mắt của anh...

Trang không gỡ kính ra. Thói quen của Trang khởi đầu ở mặc cảm. Ra đường, Trang không muốn người ta thấy rõ sự thiếu hụt của mình. Trang sợ cứ mỗi lần ai nhìn lên mặt Trang thấy con mắt giả, lại hỏi han, bàn tán mà trong ý nghĩ có lẽ không khỏi có cảm giác thương hại.

Hiền lại nói :

— Anh không thích gỡ kính ra à ?

Trang nhìn chăm Hiền và tự dưng thấy khó chịu. Trang gỡ kính ra, nói :

— Hiền ác lắm.

— Em tên Hiền mà sao lại ác được.

Trang cảm thấy xót xa. Trang nhìn Hiền, ám ức không biết đằng sau khuôn mặt đó, Hiền nghĩ những gì về mình. Phải chăng Hiền sợ ta buồn nên cứ ám a, ám ơ. Trang bỗng như thấy rõ Hiền ở quá xa tầm tay, ở quá xa mơ ước của mình. Thế mà lâu nay Hiền vẫn im lặng. Trang bỗng nói như van lơn :

— Hiền ơi, Hiền biết anh khổ lắm không. Đêm nào nằm ngủ cũng mơ thấy Hiền. Anh thương Hiền lắm, anh biết Hiền không thương anh, Hiền sợ cái tương lai đen tối của anh, phải không ?

Hiền nhìn lên mặt Trang, rồi vội vã cúi xuống. Trang rùng mình. Trang lợm những hòn sạn ném xuống mặt hồ. Những gợn sóng vòng tròn lớn dần lớn dần rồi tan mất. Thứ

hạnh phúc mà những lúc tâm hồn thanh thản Trang nghĩ đến, quả càng lúc càng mờ mịt. Như con ngõ cụt. Đường đi phía trước không có, mọi cố gắng lên lối đều dừng lại ở thất bại. Còn trở lui phía sau thì muôn đời không thể được. Trang nghĩ đến nơi lãnh lương của Trang vào những ngày cuối tháng. Từng người, từng nhóm người đứng đầy sân chờ đợi đổi giấy phép và lãnh lương. Những chiếc xe ba bánh vận động di chuyển bằng tay, những cái nạng gỗ, những ống quần, ống tay thừa thãi đu đưa, những vệt theo dài nằm vắt ngang mặt, những khuôn mặt dị dạng, hốc hác, sứt mẻ... Ở giữa đám người đó, Trang thấy mình quá đầy đủ, quá hạnh phúc. Trang còn đủ tay, đủ chân, còn đủ cả khuôn mặt, còn có thể lấp liếm sự thiếu hụt bằng cái kính râm. Ra đường, trước mặt mọi người Trang không có gì khác họ, thua họ. Giữa đám người đó, Trang không thấy mình cần phải than van. Nỗi cực nhọc, tủi hờn của Trang làm sao bằng cái anh chàng Biệt-động-quân đẹp trai cụt cả hai chân, làm sao bằng người đàn ông bị mất hẳn gần nửa cái mặt. Bây giờ, Trang lại thấy mình không có gì hơn những người đó. Ý nghĩ chợt đến làm Trang thẳng thốt.

Trang nhìn Hiền, nói :

— Hiền, Hiền nhìn thẳng vào mặt anh đi.

Hiền nhìn Trang, khuôn mặt nửa như bình thản nửa như dăm chiêu. Trang bỗng thấy Hiền không gây thơ chút nào. Trang hỏi Hiền, giọng thật buồn :

— Sao, Hiền có thấy sợ con mắt giả của anh không ?

Hiền đột ngột cúi xuống rồi quay đi chỗ khác. Trang nhắc lại câu hỏi. Hiền đáp thật nhỏ :

— Không, có gì đâu mà sợ. Em đã từng thấy rồi chứ.

Một lát, Hiền lại nói :

— Anh Trang, tại sao anh không coi em như một người em gái ?

Trang thấy xúc động. Khi Hiền quay mặt lại, Trang thấy mắt Hiền ươn ướt. Trang nghe trong lòng bàng hoàng. Trang lượm hòn đá ném xuống mặt hồ. Những vòng tròn lớn dần, tan loãng.

Hiền bỗng đứng dậy nói «thôi em về trước». Trang đeo kính vào, yên lặng. Trang định nói thêm nhiều điều với Hiền, nhưng lại thôi. Hiền ngẩn ngừ giây lát rồi vội vã đi. Trang vẫn ngồi lại ở tảng đá một mình, xót xa và băn khoăn.

Ăn cơm tối xong, Trang ôm đầu ra ngồi trước hiên, mồm bặm «gam» rê, đàn xanh xạch. Bóng tối đã tràn đầy. Trang không nhìn rõ được gì hết. Tiếng đẽ đầu đó đã vang lên rích rích. Thứ ba lại đi Sài-gòn đòi giấy phép và lãnh lương. Mua một cái gì tặng Hiền, «người em gái» đây. Trang không hết băn khoăn về thái độ của Hiền buổi chiều. Hiền đã bộc lộ dứt khoát thái độ tình cảm của Hiền khi muốn Trang xem như em gái? Càng băn khoăn, Trang lại càng bứt rứt, xót xa. Mơ ước được cưới vợ chừng như quá khó khăn.

Trang ngừng đàn, nhìn vào trong bóng tối. Giá như bây giờ Hiền đứng một bên, Trang cũng không nhận ra. Trang có cảm tưởng như con mắt còn lại của mình càng ngày càng yếu đi. Nhất định là có ngày Trang không thể thấy rõ được gì hết. Một viễn ảnh như vậy làm sao Trang đòi hỏi một tình yêu ở Hiền. Sự thiếu hụt của Trang có che giấu được gì hơn cái ống chân cụt ngắn của Du. Phải chi, Trang cứ nằm lì dưới hố bom đó. Nếu Trang đứng ham hố nhòai lên đuổi theo tên địch thù đang lẩn tránh đó. Khi tỉnh dậy trên phòng cấp cứu, Trang nghe con mắt bên trái mình đau nhức dữ dội. Tuần sau, vị bác sĩ nói với Trang phải hy sinh hẳn con mắt bị thương để bảo toàn con mắt còn lại. Trang xúc động đến khờ người. Trang lắc đầu. Nhưng cuối cùng, vì quá nhức nhối, Trang phải quyết định. Nằm trên giường giải phẫu, Trang nghe tiếng dao, tiếng kéo xào xào. Khi xong, viên y tá đỡ Trang ngồi dậy, Trang thấy hết nhức nhối. Nhưng chợt nhìn thấy con mắt đỏ hồng, đầy máu của mình nằm trong giỏ rác, Trang kinh hoàng, xót xa đến cực độ và Trang ngất đi.

Trang đứng dậy đi cắt đàn. Trang lại ngồi ở bàn, vặn sáng ngọn đèn dầu, lấy tấm kính lớn, nhìn lại khuôn mặt mình. Con

mắt giả bằng thủy tinh lồ lộ, rõ ràng. Nó lớn hơn con mắt còn lại. Nó bệch bạc, vô lý, nhạt nhẽo. Trang nuốt nước miếng, cuống họng chột khô đắng. Trang đưa ngón tay sờ rầm lên con mắt thủy tinh, nhích nhích, rồi gỡ ra. Trang run rẩy nhìn khuôn mặt của mình mờ mờ trong tấm kính. Một lỗ hồng đầy gân máu, đỏ lôm. Trang hoảng hốt. Chưa bao giờ Trang thấy khuôn mặt mình quái đản như vậy. Đột nhiên, Trang có cảm tưởng nó không phải của mình, nó xa lạ, kỳ dị. Trang hấp tấp gắn mảnh thủy tinh vào lỗ hồng con mắt, rồi đi nằm. Suốt đêm, Trang bị ám ảnh bởi khuôn mặt của mình, không ngủ được.

TRẦN DOÃN NHO

Nhà xuất bản LÁ BỐI

đã phát hành

CHIẾN-TRANH và HÒA-BÌNH

(toàn bộ 4 cuốn, dày 3.000 trang)

của LÉON TOLSTOI

NGUYỄN HIẾN LÊ giới thiệu, dịch và chú thích

ĐẤT PHÙ-TANG, CÁI ĐẸP và TÔI

của YASUNARI KAWABATA

CAO NGỌC PHƯƠNG dịch

Đình Cường

Văn rừng cao-su của ta

tặng Trịnh Công Sơn

hãy chảy nhựa lại đi
những cây cao-su đã từ lâu tội nghiệp
mùa mưa tới rồi lá hãy thêm xanh

những chiều ta qua vùng Bình-long
buồn không biết mấy
ôi những rừng cao-su trong tuổi nhỏ ta
mang đầy vết thương tàn nhẫn
làm sao ta lấy nhựa làm trái banh
những người phu không còn đi lấy mủ

bây giờ những xác người làm rừng cao-su sợ hãi
bom đạn thả hồ rơi như mưa
những chiếc lá úa phủ dày trên hồ thẳm
ta bước đi buồn quá đôi chiều nay
những chiều rừng cao-su lá phủ
những chiều mặt trời không thấy ta nhỏ nhoi

ngày xưa chạy chơi trong rừng cao-su đầy mộng mị
ta ôm ấp trái banh còn thơm mùi nhựa mới
nay ta về sau bao nhiêu năm
bao nhiêu năm rồi rừng cao-su ơ
những cây cao-su già đã chết
như người u già của ta

hãy chảy nhựa lại đi
những cây cao-su vừa đến tuổi

chiều nay ta ngồi nghe chim hót một mình
thứ chim hoàng hôn kêu gào thảm thiết
nhớ bạn bè ta nổi trôi lênh đênh
những giọt rượu nồng đã cạn
những đêm sương mù phủ đầy ta trên Dran
hay bờ biển nào hoang vu nhất
cho ta gửi lời thăm chiều nay

chiều một mình ta nhớ một chiếc hôn

hãy đem cho ta trái banh bằng nhựa mới
ta đá một mình, tuổi nhỏ tàn phai...

hãy chảy nhựa lại đi
rừng cao - su ơi
một ngày bình yên nào trở lại
một ngày mưa nào thơ mộng quá đi thôi...

ĐÌNH CƯỜNG
(29.4.1969)

phỏng-vấn

PHAN DU

nghe nhạc, chăm hoa kiềng
và chơi với các con...



Nhà văn Phan Du tiếp chúng tôi bên thềm một căn nhà nhỏ ở đường Đống Nghi, trong thành nội Huế. Qua cơn binh biến đầu xuân Mậu Thân, căn nhà còn đứng vững được như nhờ một phép lạ. Bom đạn đã cày nát cả bốn phía chung quanh.

Trời chiều thật mát, bên những chậu hoa kiềng tươi tốt nhờ bàn tay chăm sóc của chính nhà văn, ông Phan Du rót nước trà mời chúng tôi. Bằng một giọng chậm rãi, nhưng đầy nhiệt tình, ông đã trả lời tất cả những câu hỏi, và còn kể cho nghe nhiều câu chuyện văn nghệ lý thú khác mà tiếc vì khuôn khổ chật hẹp của một bài phỏng vấn, chúng tôi thấy không tiện ghi lại nơi đây...

HMD — Xin ông cho biết sơ qua về tiền sử của ông.

P D — Tôi sinh ngày 1.5.1915. Chánh quán làng Phước-đức, quận Quế-sơn, tỉnh Quảng-nam. Thuở nhỏ học qua cấp tiểu học ở trường Quốc-học (Khải-Định) và, sau đó, được

gửi cho các sư huynh, ở trường Trung-học Gagelin tại Qui-nhon, kèm cặp qua suốt cấp Trung-học. Thi diplôme lần đầu bị hỏng, tôi vốn thích được tự lập ~~sống lại~~ nên có một hãng buôn lớn của người Pháp thuê nhận tôi làm thư ký về việc giao dịch thư từ, tôi bằng lòng ngay. Tuổi trẻ, độc thân, lương hậu, tôi đâm ra thích ăn chơi, mãi đến năm sáu năm sau mới đặt vấn đề tự học. Tôi đã từng sống qua nhiều nghề. Thời tiền chiến thư ký hãng buôn, thư ký dân sự cho văn phòng Service d'artillerie, thời kháng chiến dạy học tư, dạy học công, phát rẫy làm ruộng ở miền núi để lúc khi phải tản cư vì nhà cửa bị bom đạn tàn phá. Hiện giờ tôi phụ trách công việc biên tập cho Đại-Phát-thanh Huế.

HMD — Xin ông vui lòng cho biết ông bắt đầu sáng tác vào năm nào, và ngay ở bước đầu có gặp được nhiều sự khích lệ hay không ?

P D — Tôi bắt đầu sáng tác từ năm 1942. Truyện đầu tiên đăng ở báo Thời-vụ xuất bản tại Hà-nội. Sau đó, tôi viết cho Tiểu-thuyết thứ bảy. Người khích lệ tôi nhiều nhất trong buổi đầu là anh Vũ Bằng, thư ký tòa soạn. Ngay sau khi đăng truyện Bữa cơm chay, anh liền có thư cho tôi. Rồi từ đấy, suốt trong thời gian tôi cộng tác, tuần nào anh ấy cũng có viết thư. Phê bình, góp ý, nói chuyện văn chương, tâm tình. Nhiều bức thư dài những năm sáu trang, phải gói bảo đảm là thương. Thư đến là anh Nguyễn Văn Xuân. Trong lúc mới bước vào làng văn, còn ngại ngùng, bỡ ngỡ, tự dưng có người vì đọc văn mình rồi tìm đến thăm ngay giữa lúc mình đang bệnh nặng, kết bạn văn chương, anh nghĩ còn có gì cảm động và khích lệ hơn...

HMD — Ông viết cho Tiểu thuyết thứ bảy khá nhiều và theo chỗ tôi được biết, độc giả thuở đó rất thích đọc ông. Tại sao ông không có tác phẩm nào ấn hành ở thời tiền chiến ?

P D — Tại vì thời cuộc. Tôi nhớ chừng như vào khoảng cuối năm 1944, ông Vũ-dinh Long và anh Vũ Bằng có yêu cầu tôi chọn lựa một số truyện tôi vừa ý nhất để in tác phẩm đầu tay. Công việc chưa hoàn tất thì cuộc đảo chính Nhật xảy

ra. Tôi rời Đà-nẵng về quê. Rồi bị bệnh. Sau đó lại mất liên lạc. Tiếp đến... ~~kháng chiến bùng nổ.~~

HMD — Trong thời kháng chiến ông ở đâu ?

P D — Tôi tản cư lên miền núi, chỉ cách vùng Thượng-du độ nửa ngày đường. Nhà cửa bị bom tan nát, vợ chồng con cái dắt díu nhau ra đi, với hai bàn tay trắng. Gần chín năm trời phải chống chọi với một cuộc sống kham khổ ở một vùng núi non, đầy chương khí, thú dữ, rắn độc.

HMD — Như thế thực quá khổ phải không ông ?

P D — Khổ thì có khổ. Nhưng chính cuộc sống khắc khổ ấy, chính nghịch cảnh lại giúp ích cho chúng ta rất nhiều về mặt tạo dựng bản thân, về kinh nghiệm sống. Có những khả năng, đức tính tiềm tàng chỉ triển khai trong cảnh gian truân. Anh thử tưởng tượng, lúc đầu, vợ chồng tôi và hai đứa con thơ phải sống trong một lều tranh trơ vơ giữa rừng vắng, xa cách hẳn thôn xóm, đêm về thú dữ lẩn quẩn quanh hè và rắn độc vào nhà là chuyện rất thường. Nhất là rắn. Có hôm vợ tôi sờ vào nôi lúc nhá nhem tối, tay chạm phải một vật gì mềm nhũn. Soi đèn mới biết đó là một chú rắn lục nằm khoanh tròn trên tá. Vùng này lại còn giữ phong thói hoán vật, nếu mình không tự sản xuất được lúa, khoai hay các sản phẩm khác thì khó mà sống được. Nhờ vậy mà chúng tôi cũng hóa dần dần ra, cũng phát rẫy, cuốc đất, cũng tập được kinh nghiệm chế ngự hoang vu và quen với cuộc vật lộn cùng đá, cùng đất, cùng nước độc, rừng thiêng. Và khi đã hòa mình được vào cuộc sống ấy rồi thì lại khám phá được nhiều cái thú, khám phá được cái lạc thú sinh hoạt ngay ở những nơi, ngay trong những cảnh mà cứ đứng ngoài, hay đứng xa để nhìn, chúng ta cứ tưởng là khó mà sống nổi. Tình yêu giữa vợ chồng tôi hiện nay mà mặn nồng thắm thiết, một phần cũng chính là vì những kỷ niệm vui buồn còn lưu lại từ cuộc sống gian khổ khôn lường ấy. Tôi đã có ý định viết một truyện dài để phản ánh lại cuộc sống thời đó, tôi tin là sẽ rất hấp dẫn và bổ ích cho người đọc...

HMD — Trong thời gian ấy ông có sáng tác không ?

P D — Không ! Có lần Tỉnh-hội mời tôi *gởi sáng tác*. Nề lời, tôi có viết mấy truyện. Được khen về *kỹ thuật*, bút pháp, nhưng chê dài về *lập trường*. Tuy được *khuyến khích* viết thêm, nhưng vì cái khoản « *lập trường* » mà tôi mất hứng. Tôi không viết nữa. Ngoài việc dạy học tư, tôi chỉ đọc sách và ghi chép *những nhận xét*, cảm nghĩ của tôi cũng như những *kinh nghiệm* về đời sống ở miền sơn cước trong hoàn cảnh kháng chiến. Tôi tiếc là những ghi chép đó bị thất lạc rất nhiều.

HMD — Ông về đây năm nào ?

P D — Năm 1954...

HMD — Rồi ông lại bắt đầu sáng tác ?

P D — Lẽ tự nhiên...

HMD — Vì đã thoát nạn « *lập trường* » ?

P D — Đâu đã thoát. Hết nạn « *lập trường* » bên kia, lại đến nạn « *lập trường* » bên này. Anh có đọc truyện *Cái cùm thứ hai* của tôi không ? Truyện một thằng dân đen bị cùm, nằm trong bóng tối, trải qua những hai chế độ, hóa ra ngu đần và quá quen với bóng tối đến nỗi khi được tháo cùm, thay vì hoan hỉ vui reo, nó cứ lúi mẫm vào bóng tối, nó khiếp sợ ánh sáng, nó chui vào xó cũ, nằm y với trạng thái cũ, hầu như là còn vương mắc bởi một chiếc cùm vô hình, chiếc cùm thứ hai. Nghe qua, anh cũng đủ hiểu chủ ý của tôi là như thế nào. Ấy vậy mà cái ông chủ nhiệm tờ tạp chí tôi cộng tác lúc bấy giờ, một ông công chức hạng bự, một hai yêu cầu tôi phải cho cái « *thằng dân* » ấy đứng lên hoan hô chính quyền. Thực là một chuyện khôi hài. Tôi vừa tức cười mà cũng vừa nổi tức thực sự, nên tôi đã mắng ngay vào mặt và rút lui bản thảo. Lại một lần khác, cũng vì cái chuyện lập trường, một truyện ngắn của tôi đăng trên báo *Trách nhiệm*, bị xuyên tạc làm sao đó, mà báo đã phát hành, tòa báo phải đánh điện cho các đại lý đề thu hồi cấp tốc. Đó là dưới thời cụ Ngô. Về sau này có đỡ hơn, nhưng các truyện của tôi thường bị kiểm duyệt nhiều. Trên tờ Văn truyện *Hồi*

hộp phải lược bỏ nhiều đoạn mới lọt được lưới kéo của bà Kiềm. Và truyện *Đêm hỏa châu*, đã sắp chữ xong hết, đã vỡ thành morasse, vẫn bị bỏ hoàn toàn. Nghe đầu anh Phong-Giao còn gặp khó khăn nữa là khác, vì bà Kiềm cho rằng truyện đó có mùi «phản chiến.» Thực ra thì có gì đâu gọi là phản chiến. Nhiều khi muốn tránh sự phiền phức cho tờ báo, mình phải viết những loại không công phạt, nhưng những sáng tác như thế, khi đã đăng ra, chính mình lại không còn muốn liếc nhìn trở lại.

HMD — Tình trạng ấy có làm cho ông chán nản lắm không?

P D — Chán thì không chán. Nhưng tôi nghĩ cứ phải tránh né bà Kiềm-duyet mãi để thoát qua cho trót lọt, thì có viết cũng như không. Tôi tạm nghỉ viết truyện ngắn để chuyên chú vào việc sáng tác truyện dài, và tin rằng khi truyện hoàn thành chắc là sẽ đã có sự đổi thay về chế độ kiểm duyệt.

HMD — Trên đây ông đã nhắc tới những khó khăn mà tòa soạn Văn đã gặp phải khi giới thiệu những sáng tác của ông. Ông có nghĩ là ở nước ta có một nền văn chương được gọi là văn chương «viễn mơ» hay chẳng? (trước hết, ông có đồng ý với tên gọi viễn mơ không đã?) và riêng tờ Văn có phải thuộc loại báo làm văn nghệ viễn mơ chẳng?

P D — Viễn mơ? Danh từ chưa được chỉnh cho lắm, nhưng nếu anh muốn tôi phải tìm một danh từ khác thì tôi cũng bí, ít ra là ngay bây giờ. Thôi thì cứ tạm gọi như vậy. Và tôi nghĩ là có. Còn riêng về Văn, tôi cho rằng câu hỏi cũng như câu trả lời có thể là thừa. Vì Văn, tự nó, với nội dung của nó, với quan điểm, thái độ cũng như thiện ý, cái chí tình của người chủ trương cũng đã nói lên, đã xác định quá rõ với độc giả là nó có thuộc về loại văn nghệ đó hay không, từ lâu rồi mà.

HMD — Chứng như ông còn muốn đi cả về con đường sưu khảo, chẳng hạn như viết tập Truyện con người.

P D — Nói cho đúng, về công việc sưu khảo, tôi chỉ nhắm mục đích học hỏi, bồi dưỡng kiến thức má thôi. Con người

làm văn nghệ phải trau dồi kiến thức không ngừng. Phải học mãi. Tôi cầu học chứ không có ý định viết sách. Trước kia, cũng như bây giờ, tôi thích theo dõi, tìm hiểu về các tiến bộ của sinh vật học, về các thuyết tiến hóa. Do cái thích này, tôi đi lần tới chỗ ham đọc các loại sách về nhân loại học, cổ sinh vật học và khảo cổ tiền sử. Tôi nghĩ con người muốn hiểu mình, muốn nhận định rõ vị trí, tư thế, hướng tiến của con người trong dòng sống, càng cần phải tìm hiểu rất kỹ về quá khứ của chủng loại mình, cái quá khứ đã được nhân hóa cũng như cái quá khứ đang còn đắm chìm trong vòng phạm thú. Các khám phá mới mẻ, những tiến bộ thu đạt ngày càng nhiều của ngành sinh vật học, nhất là di truyền học, thái sinh học, cũng như cổ sinh vật học, khảo cổ tiền sử soi sáng rất nhiều về phương diện này và giúp chúng ta, càng tìm hiểu ý nghĩa, càng điều chỉnh được những quan niệm lệch lạc từng có về các vấn đề xã hội, đạo đức, giáo dục và ngay cả triết học, đồng thời cũng làm sáng tỏ ở ta cái ý thức trách nhiệm của cả chủng loại, của mỗi cá nhân, đối với cuộc tiến hóa mà loài người đã tỏ ra có nhiều khả năng để can thiệp vào. Phát huy được cái ý thức trách nhiệm này tưởng cũng là một nhiệm vụ nằm trong cái thiên chức của người viết văn...

HMD — Ông đã không có ý định viết sách, tại sao lại có tập Truyện con người?

P D — Đó là do đề nghị của Vũ-Hạnh và sự yêu cầu của nhà xuất bản Cảo Thơm. Vũ-Hạnh thúc giục nhiều lần tôi mới soạn thảo quyền đó. *Truyện con người* chưa có gì đáng kể. Nó chỉ là một loại «vulgarisation» mà thôi, chưa có gì về phần tôi trong đó. Tôi soạn xong hồi ở Sài-gòn giao cho Cảo Thơm mà không chắc là họ in được, bởi lẽ sự ấn hành đòi hỏi nhiều công phu lại là loại sách kén độc giả. Rồi tôi về Huế. Một năm qua, Cảo Thơm mới tin cho tôi biết là đã chuẩn bị xong và bắt đầu in. Nói là bắt đầu, nhưng khi Cảo Thơm nhận tin ra Huế thì sách đã sắp chữ đến trang 128. Tôi muốn bỏ tức,

nhưng nếu bỏ túc theo đúng ý tôi thì số trang từ 408 sẽ tăng lên tới trên 600 chưa kể số tranh ảnh cần thêm, và đòi hỏi cả một sự xáo trộn mà nhà xuất bản khó thể chấp nhận. Tôi đành chịu vậy.

HMD — Ông có ý định cho tái bản quyền Hai chấu lan Tố-tâm không? Và sau những tác phẩm này, ông có dự định cho tác phẩm nào ra đời nữa không?

P D — Về chuyện tái bản *H.C.L.T.T.* tôi dành quyền quyết định cho nhà Cảo Thơm. Nhà Cảo Thơm còn định in quyền *Giấc mộng kinh sư*, vốn đã có đăng một ít ở phần thứ nhất trong mấy kỳ *Văn-hóa Nguyệt-san*. Nhưng quyền này tôi muốn viết lại hẳn. Ý định này là do sự góp ý kiến của anh Nguyễn Văn Xuân trong dịp gặp nhau ở Đà-nẵng vào dạo tháng 8-1968. Có một tập truyện ngắn nhà Giao-diềm nhận in, nhưng rồi còn nằm kẹt trong đó vì nạn kiểm duyệt. Kể ra số truyện ngắn còn lại, nếu cứ in từng tập năm sáu truyện như các văn hữu thường làm, thì cũng được độ năm, sáu tác phẩm nữa, nhưng tôi lười về mặt xuất bản lắm. Tự bỏ tiền ra mà in đó là chuyện tôi không bao giờ làm.

HMD — Người ta thường nói sáng tác đối với nhà văn cũng cần thiết như ăn, như thở có đúng như thế không?

P D — Quả có như thế. Không viết được thứ này thì cũng phải viết thứ khác, không thể ở không, ngồi không.

HMD — Nhà văn Nguyễn Mạnh-Côn có nói « nhà văn là những người mang trong bản thân cái sứ mạng thiêng liêng là tìm thấy và chỉ đường cho tất cả những người còn lại »; ông có cho là đúng không, và có nhận lấy niềm kiêu hãnh đó không?

P D — Cũng có thể như vậy. Nhưng riêng về phần tôi, tôi không dám có cao vọng đó. Tôi nghĩ một cách khiêm nhượng hơn. Tôi nghĩ rằng cái sứ mạng mà người cầm bút không thể quên được và cần phải kính sợ để không xa rời là, với cái cảm tình bén nhạy của mình, với những xúc cảm

chân thành, những thể nghiệm sâu sắc về cuộc sống, những nghệ cảm được chọn lọc kỹ càng, khơi động ở người đọc những cảm niệm sâu xa về con người, khơi động cái hứng khởi, ý nguyện khắc phục bản thân để tiến về Thiện, Mỹ. Chỉ làm được cái việc khơi động đó cũng đã là quý và khó lắm rồi. Và cần thiết nữa. Vì văn nghệ có thay đổi được thế giới này hay không đó là chuyện đang còn tranh luận. Nhưng điều hiển nhiên, không ai phủ nhận được, là *văn nghệ có thể thay đổi tâm tính con người và thay đổi một cách sâu xa*. Cái sứ mạng này tuy có khiêm nhượng hơn nhưng không kém khó khăn, anh à!

HMD — Ý ông muốn nói ?

P D — Tôi muốn nói là... với ý hướng trên, người viết văn không những phải lo trau dồi kỹ thuật, kiến thức không ngừng, phải suy nghiệm nhiều về cuộc sống, hội sống, mà còn phải cải tiến bản thân theo chiều hướng cách mạng, phải đục đẽo, mài dũa nó một cách quyết liệt, tàn nhẫn như nhà nghệ sĩ đục đẽo khối đá cho thành tác phẩm. Nghĩa là phải trau dồi nhân cách. Vì văn là người, và có thực sự yêu chuộng Thiện, Mỹ, có thực sự sống với cái chí nguyện đó, có cố gắng thể hiện cái chí nguyện đó ngay từ bản thân mình, thì mới có những truyền cảm Thiện Mỹ chân thành, mới có tác dụng khơi động ở người, không thì lại vấp vào cái lối dĩ văn tải đạo vụng về, giả tạo mà thôi.

HMD — Ông đã sống qua biến cố đau lòng Tết Mậu-Thân tại Cố-đô Huế, xin ông cho biết cảm nghĩ của ông về biến cố đó.

P D — Tôi đã từng sống gần chín năm trời giữa những thảm cảnh chiến tranh và sự đe dọa không ngừng của bom đạn ở thời kháng chiến, nhưng tôi có thể nói là hai mươi sáu ngày của biến cố Mậu-Thân ở Huế có thể là những ngày dài hơn nhiều và thê thảm hơn nhiều. Cố-đô tự dưng biến thành một hỏa ngục không có lối thoát, một thế giới quỷ

khốc thần sầu, trong đó cái sống cách cái chết chỉ một sợi tơ, sợi tóc, và người dân bất cứ giờ phút nào cũng có thể làm mỗi cho súng đạn của cả hai bên. Khổ nỗi là tôi đã phải sống qua chuỗi ngày đen tối, thê thảm ấy với tâm hồn của con người văn nghệ. Cũng như dưới mắt y sĩ, một bệnh nhân là một bệnh nhân bất luận sang hèn, thù bạn, dưới mắt con người văn nghệ một xác chết là một xác chết dù là của người bên này hay của người bên kia, với lại có ai vào đó, toàn là người Việt cả mà. Cân não, tâm hồn tôi trong thời gian ấy, lúc nào cũng căng thẳng như một sợi dây đàn róm đứt, nhất là sau một buổi sớm phải ngẩng nhìn cái cảnh xác người nằm lẫn xác chó ở vườn hoa Nguyễn Hoàng. Giữa cái cảnh đồ vỡ, nhào lộn đầm máu, đầm lệ nồng nặc cả mùi tử khí ấy, người ta không những chỉ nghe có tiếng rền rĩ, đau thương của con người, mà còn nghe cả tiếng rền rĩ, đau thương vật vã của đất nước... Có biết bao nhiêu là nhận xét, là cảm nghĩ, suy tưởng xót xa, chua chát, đắng cay... nói làm sao cho hết !

HMD— Ông có dự định sẽ phản ánh biến cố đó trong một tác phẩm nào không ?

P D — Nhã-Ca, trong dịp cùng đức lang quân ra Huế, ghé thăm tôi, cũng có hỏi về chuyện đó, có nhắc nhở đến chuyện đó. Lẽ tự nhiên là phải có. Cũng như Nhã-Ca, cũng như tất cả những văn hữu đã sống qua biến cố, tôi không thể để cho trôi qua, cho tan biến đi trong im lặng những gì mà tôi phải nói lên về biến cố với tư cách là một chứng nhân. Nhưng biến cố Mậu Thân ở Huế có lắm chuyện éo le, lắm ẩn khuất, hiện tượng bi đát, nghịch lý đến dở khóc, dở cười, viết ngay bây giờ tôi ngại nổi khó mà phản ánh trung thực đúng như ý muốn.

HMD — Ông nghĩ thế nào về cái thường được gọi là « văn chương dẫn thân » ?

P D — Văn chương nghệ thuật đã đành không phải là thứ có thể làm cho lúa trở bông, cho khoai ra củ, nhưng nếu không có văn chương, nghệ thuật, thiết tưởng con vật đứng

thăng cũng khó mà vươn cao hơn những loài bò lết và các giống bốn chân. Từng có chủ trương cho rằng văn nghệ chỉ cần làm cho con người biết mơ mộng một thế giới khác mà thôi. Quan niệm này không hẳn là sai, nhưng có phần quá trớn. Làm cho con người biết mơ mộng một thế giới khác đó là điều hay, là một phần trong chủ đích văn nghệ. Nhưng nếu chỉ mơ mộng mà thôi, nếu chỉ dừng lại ở đó, nếu cái thế giới mơ mộng ấy chỉ *nằm trong chữ nghĩa*, trong màu sắc, thanh âm, đường nét, thì văn nghệ quả chưa làm tròn sứ mạng của nó và vô tình chỉ lặp lại cái phương thức thoa dịu bất lực của tôn giáo với những viễn ảnh Thiên-đàng, Cực-lạc. Nghệ thuật đã xuất hiện rất sớm trong lịch sử nhân loại, ngay từ cái thuở con người còn chui động, rúc hang. Những nét họa, hình họa, hình chạm trên mặt đá, trên vách hang động âm u của các lớp người tiền sử ít ra cũng đã mặc khải với chúng ta cái lý do phát hiện của nghệ thuật và cái ý nghĩa của lối mơ mộng ở con người nghệ sĩ. Từ cái sự kiện này mà suy ra, thì cái thế giới mơ mộng cần tạo phải là một thế giới không quá xa với tầm với của loài người, phải là một thứ *thực-tại-khác* mà nhân loại, nếu muốn, có thể thể hiện ngay trên mặt tinh cầu. Và văn nghệ, khi tạo ra cái thế giới ấy, khi làm cho con người biết mơ mộng cái *thực-tại-khác* ấy, phải đồng thời tạo ra ở con người nguồn sinh khí, phải khơi động cái quyết tâm, hứng khởi và những đức tính còn tiềm tàng mà rất cần thiết cho việc thể hiện giấc mơ. Con người văn nghệ do đó càng phải có ý thức trách nhiệm đối với cuộc sống và không thể quên rằng cái phương tiện mình nắm trong tay rất có thể dự phần, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc gián tiếp hay trực tiếp, vào việc vun xới thế giới bông hoa. Quan niệm *dấn thân* để được chính xác, để khỏi hạ thấp giá trị của văn nghệ, còn được xây dựng ngay trên những nhận thức nói trên. Cho nên tôi rất đồng ý với văn hào John Steinbeck khi ông ta nói: « *Có thể phân biệt được trào lưu văn nghệ có tính cách lịch sử văn học với «thăm mý văn nghệ» chỉ nhằm gây xúc động cho người đọc. Nhưng cũng có một*

điểm mà lịch sử với thẩm mỹ gặp gỡ nhau, đó là sự gặp gỡ trong một thể văn nghệ dân thân. »

HMD — Ông nghĩ thế nào về những nhà văn trẻ ? Ông có đọc họ không ? Theo ông, họ có những ưu điểm nào, khuyết điểm nào ?

P D — Đã thiết tha với văn nghệ, với nền văn nghệ của xứ sở thì lớp người đi trước bao giờ cũng thích hướng về lớp trẻ, mong chờ ở họ những tài năng mới lạ. Đọc họ không ? Tôi thường đọc. Nhưng cũng như tôi đã nói, tôi vốn cầu học, công việc sưu khảo, tìm hiểu để lấp những khoảng trống « dốt nát » của mình, cộng thêm với công việc viết lách, đã choán quá nhiều thời giờ, nên tiếc là không đọc họ được nhiều và đủ các tác giả. Chỉ một số thôi. Y-Uyên, Thế-Uyên, Lê Tất Điều, Nguyễn Thị Hoàng, Trùng-Dương, Nhã-Ca, Túy-Hồng. Trội hơn về tuổi tác thì có Dương Nghiễm Mậu và Võ Hồng là hai tác giả tôi thích. Võ Hồng có gì gần tôi. Còn ưu khuyết ? Xin cho tôi được dè dặt về điểm này. Lẽ tự nhiên khi đọc là đã có chú ý đến một số ưu khuyết, nhưng tôi nghĩ tôi chỉ đọc với lối đọc của độc giả chứ chưa đọc theo lối đọc của nhà phê bình, lại chưa đọc được toàn bộ tác phẩm của mỗi tác giả, cho nên về sự phê phán ưu khuyết, nếu chỉ nói ra trong những buổi mạn đàm giữa anh em để trao đổi ý kiến thì được, còn trên giấy trắng mực đen tôi thấy cần phải xét kỹ lại đã, vì sự phê phán không chính xác không những bất lợi cho các tác giả mà cho cả độc giả của họ nữa, dù nêu các khuyết hay nói đến cái ưu. Ngoài việc đọc các nhà văn trẻ có tác phẩm hoặc có tên tuổi, tôi còn tìm đọc những sáng tác của các bạn trẻ đăng rải rác trên các tạp chí, và đối với số anh em sinh viên, thanh niên năng lui tới, gần gũi, tôi thường đặt nặng vấn đề khuyến khích, thúc đẩy những người xét ra có khiếu văn chương về chuyện sáng tác.

HMD — Những người quen biết thường bảo ông ít nói, luôn luôn ưu tư, có lẽ ông mang một tâm sự nào chăng ?

P D — Không đúng là tôi ít nói. Khi xét thấy cần thì tôi cũng nói nhiều. Nhưng tôi chỉ nói những gì thực sự là cần.

Từ lâu, tôi rèn luyện đức tính « *Se taire* ». Đức tính này rất quý, anh à. *Se taire* không phải là không nói, ít nói, nhưng không nói những câu, những lời, những tiếng vô ích, hay có hại cho người nghe. Đức tính này không những gây được sự tin cần ở người chung quanh, mà còn dành cho mình nhiều thì giờ hơn để suy tư. Và đã làm chủ được ngôn từ thì cũng làm chủ được mình ở nhiều phương diện khác. Còn ưu tư? Không. Suy tư thì có, nhưng ưu tư thì không. Tâm hồn tôi rất thanh thản; vì tôi không bận bịu chút nào về những chuyện được, mất, về cái thương, cái ghét, cái khinh, cái trọng, sự khen hay chê của tha nhân đối với mình. Hơn nữa, tôi sống với tinh thần « tri túc », nhưng chỉ « tri túc » về phương diện vật chất mà thôi, về nhu cầu vật chất, chứ không bao giờ tôi chịu « tri túc » về phương diện tinh thần. Sự gian khổ mà tôi đã phải chịu đựng rất nhiều, đã giúp cho tôi cái bí quyết tạo được lạc thú sinh hoạt trong bất cứ hoàn cảnh nào và tạo được với những điều kiện rất là giản dị.

HMD — Với cái ý hướng ông vừa nói về cái thiện chức của người cầm bút, ông nghĩ thế nào về cái tình trạng mà nhiều người phản nản là trên thị trường hiện nay có quá nhiều tác phẩm không đúng đắn, đầu độc thanh niên?

P D — Đó là một thực trạng đáng buồn, đáng đau lòng. Nhưng dường như gần đây đã có một dấu hiệu đáng mừng, là có nhiều nhà văn, nhà giáo, nhà xuất bản quan tâm đến vấn đề « giải độc ». Tôi nghĩ các người có thiện chí, các cơ quan giáo dục, các giới phụ huynh nên tiếp tay mạnh vào công việc nâng đỡ, khích lệ việc làm trên đây.

HMD — Những nhà văn, nhà thơ ở nước ta đa số là nghèo, khi sống không đủ ăn, khi chết không đủ ấm quan tài, điển hình là nhà văn Lê Văn Trương, thi sĩ Đinh Hùng, ông có cảm nghĩ gì về sự bạc bẽo đó của nghề viết văn?

P D — Đó là một thực trạng hiển nhiên. Nhưng tôi nghĩ rằng đã

chọn nghề viết văn thì phải sẵn sàng và can đảm mà chấp nhận sự bạc bẽo đó. Có người quan niệm rằng nên có sự nâng đỡ thiết thực của chính quyền để chợ nhà văn đỡ khổ. Tôi không đồng ý chút nào. Văn nghệ chân chính không bao giờ chấp nhận chuyện đó và cũng khó thể phát triển được với sự nâng đỡ của chính quyền. Văn nghệ chân chính là thứ dị thảo chỉ có thể đơm hoa trong không khí tự do và trong cái thế độc lập mà thôi.

HMD — Chứng như ông làm việc nhiều lắm phải không ?

P D — Ngoài công việc phải làm ở sở, tôi tranh thủ tất cả thời giờ còn lại để đọc, ghi chép, suy ngẫm, và sáng tác. Càng lớn tuổi, càng thấy thời gian trôi qua nhanh vội, quả là như bóng câu, như tên bay. Tôi đọc sách về đêm, sáng tác về khuya. Ngủ vào khoảng 11g30 hay 12 giờ, dậy lúc 4 giờ, tự đun nước pha trà rồi viết đến 7 giờ. Đều đều như vậy mà vẫn chưa nên được tích sự gì...

HMD — Ông không nghĩ đến chuyện tiêu khiển hay sao ?

P D — Có chứ. Tôi vẫn dành một ít thì giờ trong ngày để nghe nhạc, chăm sóc hoa kiểng và chơi với mấy đứa con tôi, hay thỉnh thoảng đưa chúng đi chơi.

HMD — Một câu hỏi chót : hiện nay, cứ nói riêng ở Huế, có rất nhiều người trẻ làm văn nghệ, họ đang mang hành trang, dấn thân trên con đường gai góc, ông có gì cần nhắn nhủ họ không ?

P D — Những gì cần nhắn nhủ ? Đó là cái thiên chức mà tôi đã nói với anh. Và nếu cần phải nói thêm, thì đó là : người làm công việc sáng tác, trước hết, là sáng tác cho chính mình; nhưng tôi ước muốn các bạn trẻ làm công việc sáng tác, ngoài chính mình ra, đừng quên là còn có bạn đọc, — còn có quần chúng độc giả mà văn nghệ có thể vươn tới, nhập vào, và gây tác dụng...

HỒ MINH DŨNG thực-hiện
(Huế, 5.5.1969)

Du Tử Lê

Trong trí tưởng Huế

khi về hồn lụn bắc khêu
những chân cỏ sớm vàng rêu áo người
nhang tôi thấp nén - đưa - đời
phổ rung rung, cũ, thêm nguôi nguôi, thêm
dấu chim trên phiến tượng buồn
thành cau vết cửa, vật sương lá ngoài
tưởng người sau mỗi cơn vui
khuya hiên áo cởi vẫn đôi giầy, còn
tìm người mưa cũng sang luôn
tóc thừa gió tạt hồn ngăn vách năm
chiếu che giường một bóng thăm
ngó ra, ly sách chia phần bàn, lu
góc đời ngủ lặng ơn xưa
ngỡ bày dơi động hàng mù u tôi

chưa gần nghe đã xa xôi
những chân cỏ sớm đã thôi rêu vàng

Dương Nghiễm Mậu

Ngày, tháng rời...

PHÚ-VANG 4-5-69. CHÍN GIỜ SÁNG CHIẾC MÁY BAY VẬN TẢI C-130 cất cánh rời Sài-gòn đưa tôi trở lại Huế, ngày chủ nhật ở Sài-gòn tôi nghĩ tới những độ ngựa dưới trường đua, những canh bạc của một vài người... Tôi nghĩ tới con đường Lê Lợi, Tự-do đầy ắp những kẻ qua lại với quần áo diêm dúa của thời trang, tôi nghĩ tới những quán nước mù khói thuốc và tiếng nói rì rầm như trong một cái chợ âm phủ...

Người bạn cùng chuyến đi với tôi ngỡ ngàng với những người lạ trên cùng chuyến bay, phi cơ không tới thẳng Phú-bài, nó ghé lại nhiều sân bay xa khiến cho chuyến bay trở thành mệt nhọc, chúng tôi nói chuyện với nhau về nơi sắp đến, anh bạn tôi chưa có dịp tới Huế, anh cũng không biết những điều đã xảy ra tại đó, tôi nói qua cho anh nghe, nhưng chừng như có nhiều điều anh không tin. Tôi nói để rồi tới đó sẽ rõ... Làm sao để tin được, chính tôi cũng đã phải ngạc nhiên, thật là ngoài sức tưởng tượng của chúng ta...

Mấy tháng nay tôi không có cơ hội để bước chân ra khỏi Sài-gòn, những công việc buộc lấy chân, đời sống làm cho người ta mòn mỏi đi, tôi thu mình lại như một con ốc buồn phiền. Tại sao thế? có người hỏi tôi vậy, tôi chỉ còn một cách để trả lời, có lẽ vì tôi không thể giữ tôi cho không có thái độ được, mà có thái độ thì sẽ có hiểu lầm, hoặc không hài lòng

cho người khác... Cuộc chiến vẫn bi thảm như ngay từ khởi đầu. Và vô số những điều khiến cho mọi người phải công phần. Cuộc sống thường nhật thêm khó khăn đối với mọi người. Ai cũng thế, cố gắng vô cùng để được sống dễ chịu hơn, nhưng chừng như càng cố gắng thì càng cực nhọc. Nhưng không phải ai cũng thế, nhiều người đã có thêm những tiện nghi trong đời sống, có xe hơi, có nhà lầu. Đường xá mỗi lúc một chật hẹp lại. Lề đường nhiều khi cũng không còn được dành cho người đi bộ, có những người ăn xin đã phải ngồi xuống lòng đường... Trong những tiệm ăn bình dân những kẻ ăn xin, trẻ con đánh giày, bán vé số nhiều hơn và chừng như người ta bức dọc với những người đó nhiều hơn... Cái váy thì mỗi ngày một ngắn hơn trên người những thiếu nữ. Có người đã phải nói: mình đang tới thời kỳ của nền văn minh đầu gối... Chính vì thế, một đêm, trong một phòng trà, khi một người bạn nói với tôi: *cậu phải xuống đây, không được thu mình lại, phải xuống đây xem cuộc sống tiến bộ như thế nào...* Người bạn đó nói xong tôi nghe thót trong người, một cảm giác lạnh buốt chạy từ gáy xuống sống lưng và tôi không nói lại, tôi giữ cho tôi sự bình tĩnh nhưng thực sự tôi đã bất bình... Cái thành phố này nhiều lúc tôi đã muốn đốt đi... Một người bạn có lần đã gắt lên khi hỏi tôi: tôi hỏi cậu, đứng trong tinh thần xã hội nếu bây giờ phải hy sinh đi hai người trong số mười người để cho tám người kia được sống sung sướng, hợp lý hơn thì cậu có chịu không, hay là cậu chấp nhận để cho hai người được sướng và tám người kia phải chịu đựng cuộc sống cực khổ chưa biết đến bao giờ. Tôi đã nói tôi cũng không biết làm sao nữa, nào có ai sung sướng gì đâu, nhưng tôi đồng ý một sự hợp lý, dù là hợp lý trong bất công...

Trở lại Huế lần này tôi thấy mình như mềm đi, vì buồn phiền, vì sự nhỏ nhen, vì sự bất lực, tôi muốn chia sẻ phần nào những bất hạnh của người khác, nhưng thật ra thì tôi cũng chẳng làm được gì. Hòa đàm vẫn có đó, người ta vẫn nói tới hàng ngày những tiếng hòa bình, hạnh phúc, nhân đạo... nhưng tất cả đã mòn, đã mỏi và đã vô nghĩa, phản trắc hơn bao giờ...

Trở lại Huế lần này tôi có một mục đích, tìm thêm những sự thật về biến cố hồi Tết Mậu Thân. Tin từ ngoài cho tôi biết có 804 xác

người được tìm thấy trong những hầm chôn tập thể thuộc Phú-thứ và Phú-vang của tỉnh Thừa-thiên, tôi trở lại với hy vọng tìm thấy thêm những dữ kiện có thực, nhất là với những nghi vấn đặt ra với tôi vẫn chưa được trả lời dứt khoát: tại sao người cộng sản lại giết hại nhiều dân chúng như vậy. Giết những cán bộ chính quyền, quân nhân, những cán bộ đảng phái quốc gia, những người làm cho Mỹ thì chúng ta có thể có được một giải thích, một trả lời nào đó. Nhưng sao có những cô gái, những học sinh, những sinh viên, những người từng chống chính phủ, cũng bị giết là tại sao? Mối thù nào? Những người chết đó chết ngay từ giờ phút đầu của biến cố hay sau đó khi cộng quân thất bại. Thật tình trong những truy tìm một câu trả lời tôi đã không có được... Mà có nhiều câu trả lời cùng đến một lúc. Trở lại Huế lần này tôi muốn tìm kiếm thêm những chi tiết cho câu hỏi đã đặt ra...

Tới Phú-bài 12 giờ, trưa nắng, gió Lào thổi lộng trên sân bay, cát bay cuốn vào mặt... Chúng tôi trở xuống Huế rồi thẳng xuống Phú-vang... Quận không cách xa Huế bao xa, nằm ngay trên đường đi cửa Thuận, và đó là Vĩ-dạ, nơi vẫn được coi là thơ mộng với nhiều nhắc nhở...

Trưa nắng oi nồng, mặt trời đứng trên đỉnh đầu, những ngọn cây đứng im, hai hàng tre rũ... Chợ Mai lèo tèo, những bóng mát thu nhỏ, chúng tôi đi vào con đường đất bột sâu vào trong làng, ngôi trường học nằm bên tay trái, khoảng sân trống rộng, không một bóng cây. Đó ngôi trường học thời chiến: không cái trống, không bàn ghế, không có những châm ngôn, bảng danh dự, hình danh nhân trên tường, không bảng đen... Những cánh cửa mở rộng, đó là những lớp học của gió, và lớp học của những tử thi... Bước chân lên tam cấp giữa ngôi trường, gian phòng giữa đó: những chiếc áo quan đóng bằng những thùng sữa, màu sơn đỏ nhoa nhuộm, không có ván thiên chõng lên nhau nơi một góc phòng, có hai con chim sẻ đậu trên thành cửa... Đi về bên tay trái: gian thứ nhất, những chiếc quan tài để ngay ngắn trên nền nhà, giấy đỏ dán không kín, trên mỗi quan tài để những bình hương, tàn hương đỏ đầy trên mặt ván thiên. Máy người đang quay quần bên một chiếc quan tài đang được

mở ra, mọi người nhìn vào đó, một ông già miệng nhai trầu đầu bịt khăn đang lấy tay bới những đốt xương lầy nhầy đất, mấy người bao khâu bằng vải cúi nhìn, những khuôn mặt thất vọng, một vuông vải trắng được bỏ vào trong che kín lại, tấm gỗ mỏng manh đậy lên, tiếng búa đập lên, tiếng kêu khô khan vang động... (*Tiếng gõ ba hồi xuống ván, nghe như vỗ đập áo quan*)... Nhưng câu chuyện, lời bàn tán bên ngoài hiên, đàn ông đàn bà, trẻ nhỏ đi lại trên đó, ngồi nơi lan can chậm chạp, thờ thẩn. Gian phòng thứ hai: những quan tài xếp hàng. Cả hai phòng đều là những quan tài ngắn, một người thường nằm không thể vừa... Những con chim sẻ bay, đậu trên khung cửa, tiếng chim nghe rõ trong buổi trưa nắng. Những nén hương tàn... Gian phòng thứ ba: hai bàn thờ áp vào tường, một bên Phật, một bên Chúa ... Những bông hoa còn tươi và đã héo, hai ngọn nến, nhiều cây hương cháy, khói tỏa bay... Gian phòng thứ ba, cuối cùng phía bên này ngôi trường học, gian phòng rộng như một nhà chơi, nền thấp xuống, những chiếc quan tài dài hơn, rộng hơn, sơn màu đỏ tái, kê trên những thang gỗ, những cây hương đang được một người đàn bà lần lượt cắm lên đầu những quan tài. Nơi bên này áp vào tường một bàn thờ có những đồng bánh lá, một người đàn ông đang rắc một thứ bột trắng trong một hộp giấy có những dòng chữ Anh, những đám ruồi bay lên rồi đậu xuống... Mùi hôi vây quanh, không một tiếng khóc... Tôi bỏ chạy ra ngoài sân cỏ, giữa nắng, tôi muốn nôn... Tôi nghĩ tới những con số được ghi trên những đầu quan tài: 210, 612... Những con số cho mỗi định mệnh...

NGƯỜI CHỨNG THỨ NHẤT: MỘT THIẾU NIÊN

— Những người đến đây chắc là cùng đi kiếm thân nhân, họ đã kiếm thấy số những xác ở đây phải không?

— Không, nhiều người có thân nhân mà nhìn chưa ra, nhiều khi nằm trong số mà nhìn chưa ra.

— Em ở đây thì em có biết những xác này mang ở đâu về?

- Vĩnh-lưu, Đông-sơn, Đông-lộc.
- Em có đi coi khai xác không?
- Có, em đi tìm xác của ba người anh nữa.
- Ba người anh, thế tìm ra chưa?
- Mới tìm thấy người anh rề, còn hai người anh ruột thì chưa ra nơi.
- Có tìm thấy người anh rề?
- Dạ.
- Thế người anh rề làm cái gì?
- Dạ lính.
- Thế hai người anh ruột?
- Lính.
- Thế em có nhớ hồi hai người anh bị bắt ra làm sao không?
- Dạ nhớ.
- Nhớ thế nào?
- Dạ nhớ, họ nói đi học, nói cha mẹ cho tiền đi học ba ngày về, thế tưởng họ đối đãi tử tế lắm, thế mà rồi đi học rồi đi thẳng luôn không về nơi, hỏi lui hỏi tới xem có măn khóa lớp mô không mà họ nói không có... tới ngày sắp giải tỏa rồi thì họ nói ri, động bào đừng trông mong con cái về nữa, họ đã mang đi học tập thành bộ đội cả rồi, rồi mất tích...
- Và rồi tìm thấy xác người anh rề?
- Dạ.
- Người anh đó tên gì.
- Dạ Bùi Minh T.
- Có gia đình, có vợ con gì chưa?
- Dạ có, có vợ con, hai đứa cháu, một đứa còn nằm trong bào thai thì anh bị bắt.
- Thế còn hai người anh kia thì tên gì?
- Lê Viết Ch. và Lê Viết L.

— Thế trong thời gian đó, trong làng em còn có những ai nữa không ?

— Bắt loạn đi, một trăm người lận, trong trung đội nghĩa quân kiếm được 13 người rồi...

NGƯỜI CHỨNG THỨ HAI : MỘT BÀ GIÀ

— Thế trong những người kiếm thấy xác thì có đàn bà không ?

— Có, có, có đàn bà chứ...

— Có ở đâu bác ?

— Có đàn bà trong ni (chỉ tay vào những chiếc quan tài). Bữa tê hỉ, bảy người, có một người 15 tuổi, có một người chết mà còn nguyên cả người, chặm nón, người nhà quê trắng trẻo đẹp dễ lắm xác tìm thấy còn nguyên cả người, còn cả mặt, chỉ có bàn tay thì thiếu, họ nhận liền khi nớ...

NGƯỜI CHỨNG THỨ BA : EM BÉ NGUYỄN HỮU L.

— ...

— Thế rồi tìm ra cả bảy người luôn, kiếm thấy cả bảy, toàn nhìn nhờ áo quần cả, người trong làng giết, có cái thằng giữ trâu, nó chút chút nó nói là họ mang ra nói đảo một cái lỗ vừa vừa, trong làng bữa đó đi bảy người mà kiếm ra bảy người luôn...

— Thế xác của người anh kiếm ra được mấy bữa rồi ?

— Mới nhận đây mấy bữa, chôn rồi, 611 đó...

— Thế, hỏi họ bắt người anh thì em có nhớ không ?

— Họ nói điệu bộ dễ dàng lắm, họ nói đi học ba, bốn ngày, mẹ đừng lo gì cả. Rồi bà mẹ đưa cho cái áo và hai trăm bạc... Sau chỉ nhìn thấy cái áo, không có hai trăm bạc... Bà chị thì đi tìm từ ngày đào xác đến chừ...

— Chung quanh hàng xóm em còn ai nữa không ?

— Kề hết nổi nơi, kiếm được mười mấy người rồi...

— Tên em là gì?

— Nguyễn Hữu L., đệ lục trường bán công...

NGƯỜI CHỨNG THỨ 10: MỘT GÓA PHỤ

— Chị chịu tang ai vậy?

— Dạ chồng

— ...

Bác mang tang ai vậy? Chồng. Bác tìm thấy xác bác trai? Tìm thấy từ đợt đầu? Trong gia đình bác có những ai bị nạn? Chồng, một thằng con, một đứa cháu? Những người kia tìm thấy xác chưa? Chưa nơi... Em cũng có người trong nhà bị giết sao? Ba người anh. Tìm thấy chưa? Chưa nơi... Có đàn bà chết không bác? Có, bảy người gì đó. Làm sao để nhận được? Coi nơi quần áo, tóc, có cái gì đó, xác còn tươi, người ta lãnh về chôn rồi, chị ta chết không có quần áo... Không có một vành khăn tang. Không có cả tiếng khóc. Những xác chết ấy không được ghi lại tên của chính họ khi còn sống, họ có những con số. Những người đến đó đều có người chết trong gia đình nhưng không tìm thấy. Họ đến đó với một ý nghĩ: có khi người nào đó trong số gần ba trăm xác mới tìm thấy... Những khâu hiệu viết bằng mực đen trên nền vải trắng... Một người nói: tất cả đều bị trói hoặc bằng dây điện, hoặc bằng lạt tre, đa số đều bị vỡ đầu, một số trật cả xương quai hàm, chỉ có một vài xác thấy có đầu đạn, nhờ những sợi dây lòi lên khỏi cát, những lùm cỏ xanh đen cao hẳn lên mà nhận ra, nhận được xác của người nào là nhờ giấy tờ, có người chừng như biết trước nên đã dùng khăn tay cột thẻ căn cước lên đầu, có người thì nhờ kỷ vật đặc biệt, như quần lót do vợ may, không phải thứ quần giống nhau ngoài chợ, hàm ít nhất có hai ba người, nhiều lên đến hai mươi người, phần lớn đều như ngồi hoặc xô lại với nhau với một dáng điệu có quắp... Nhờ nơi một chiếc đồng hồ của một ông đeo lên mãi trên vai người ta tính ra họ bị giết từ những ngày mùng

bảy, mồng tám Tết chứ không phải sau ngày thất bại của quân đội Giải-phóng... Có người đi tìm chồng, tìm con cả năm nay, thấy chỗ nào khai quật cũng tìm đến, trông tội nghiệp lắm... Còn nhiều nữa nhưng chưa tìm thấy... Những người bị dẫn đi đều được nói là mời đi họp, hoặc đi học, nhưng họ đều đã chết, chắc không còn ai sống sót hết...

BA ĐỒN 5-5-69

Trên khoảng đồi, khô khan, chỉ có vài bóng cây nhỏ, bụi mù lên những quan tài đã được hạ huyết, đất đang được lấp. Bài nhạc chiêu niệm đang trôi, những chiếc cam-nhông chở xác đang dờ ra khỏi khoảng đồi nay được dùng làm nghĩa trang cho những người chết không để lại tên. Thêm gần ba trăm người trở lại với đất bên hơn ba trăm người khác đã trở về nằm xuống đó từ trước. Những vòng hoa hôm nay đã khô, đất còn trắng, cỏ khô cháy. Nắng chói như tạo thành những vòng tròn xanh đỏ trong không khí oi nồng. Mọi người lần lượt leo lên những chiếc xe chở xác lúc trước để trở về, một số người lăn khóc nơi trước bàn thờ... Tôi đứng từ trên một hòn đá lớn nhìn xuống khoảng sườn đồi thoai thoải, những nắm đất nhỏ mới vun cao bên những nắm đất cũ, tất cả đều ngay ngắn cùng với những bảng số, trên khoảng đất trống trải đó một người đàn bà áo sô, chiến nón lá rách phủ cả vai đang ôm mặt khóc lặng lẽ. Tôi lặng đi nôn nao và cảm thấy như bụi cát bay vào mắt khiến cho nước mắt trào ra...

Tôi nhớ như ai đó có nói : *cuộc chiến này không có tiếng hát*. Có đấy, hãy lắng nghe đi. Trong âm thanh càn cào lặng lẽ của biển cả mặn chát. Cùng muôn ngàn tiếng khóc ảm ức, tiếng bom đạn kêu réo, tiếng la thất thanh... Vượt lên khỏi đó tiếng reo hò và tiếng hát của ma quỷ, những ma quỷ rống lên những khẩu hiệu : hoà bình, giải phóng, thống nhất, độc lập, hạnh phúc... Đó là tiếng hát của cuộc chiến này. Còn người dân Việt, còn chúng ta, chúng ta không còn nước mắt nữa để khóc, như vậy còn nói chi tới...

MỘT THỊ TRẤN

Tại một góc thị trấn tạo thành bởi hai nhánh sông, có một cây cầu đúc nối khu chợ với một con phố gạch bên kia, hai dãy phố đồ nát nhìn xuống dòng sông nhỏ những chiếc thuyền lá ghéch mũi vào bờ, nhiều thuyền máy chạy qua tiếng nổ nghe khô khan. Bên tả ngạn cảnh đồ nát nhiều hơn, một chiếc xe xúc gạch đang hoạt động, bụi mù trong lòng phố, sâu vào trong một cây cầu sắt cao vắt qua dòng sông vào một cổng thành đồ nát, cây cầu gạch những người qua lại chen lấn vội vàng. Qua cổng thành, con đường những thân cây đổ, những nền nhà đồ nát, những mảnh tường đầy dấu đạn, một đám đông đang bu quanh một xác người đã rửa đang được bới ra từ trong một đống gạch vụn. Một ông già ngó vào :

— Xác Việt-cộng nữa hả ?

— Không biết, thối ra rồi.

Một thanh niên vừa bịt mũi vừa trả lời. Một người cầm chiếc cuốc đứng trong giữa vòng la lên :

— Coi gì nữa, chưa chán sao.

Đám đông rã ra.

CĂN NHÀ TRONG VƯỜN CÂY

Căn nhà ba gian nhỏ, hai trái, nửa phía ngoài sụp đổ trở ra hai cột và kèo màu gỗ cũ có trạm, một bà cụ đang quét những ngôi vụn trên hiên cao, những cây trong vườn xơ xác, phía trong nơi bàn thờ đã được kê lại một cách đơn sơ, trên bàn có một bát hương và ba cây hương đang cháy, một người đàn bà ngồi ủ rũ, trên bàn thờ có ảnh một đàn ông và một cô gái. Người đàn bà lấy vạt áo tang che lên mặt, một cô gái mặc áo ngắn đen đi tha thần trong vườn cúi xuống nhặt lấy xác một con chim bồ câu chết để lên tay, cô ta ngược nhìn lên chuồng chim nơi đầu nhà, chuồng chim không, cô gái đi tới một hố đất, dấu một vết đạn bỏ con chim xuống và lấy tay vun đất. Một người đàn ông lớn tuổi đi từ ngoài cổng vào, bà cụ ngừng quét hỏi :

— Anh được tin gì của em nó không ?

Người đàn ông gương mặt đen đúa, xanh mét, tóc dài lác đầu :

— Tôi hỏi rồi, người ta nói còn chờ điều tra vì có người tố cáo nó hôm đó vác súng AK đứng gác ngoài cổng thành, nhiều người nhìn thấy ...

TRONG MỘT KHU ĐẤT TRỐNG

Một đám đông những đàn ông đủ hạng tuổi, quần áo đủ kiểu, kẻ đứng người ngồi giữa một vòng dây kẽm gai chung quanh là tường cao, khoảng đất bị đập những ngọn cỏ đi xuống, phía trong có một dãy nhà tôn, một người lính vác súng đi lại trong hàng hiên thấp. Một người đàn ông mặc áo bỏ ngoài quần, tay cầm tờ giấy mỏng đi ra bên hàng kẽm gai, gọi lớn tiếng, một người thanh niên bước tới gần, người đàn ông ở vòng kẽm cho thanh niên bước ra. Hai người đi vào trong một căn phòng. Người đàn ông chỉ cho thanh niên ngồi vào một cái bàn trống trên đó có cây bút nguyên tử một sấp giấy trắng. Người đàn ông nói :

— Anh hãy khai những việc anh làm trong những ngày qua.

Thanh niên cầm bút, nhìn xuống, lúc sau bắt đầu viết. Người đàn ông ngồi vào phía sau một cái bàn hút thuốc.

CẢNH MỘT BÃI SÔNG

Bãi vắng, bốn người đàn ông ngồi chụm với nhau, một người đang tu chai rượu trắng, một người kéo chiếc cuốc lại kê và ngồi xuống duỗi chân, một người hất cái mũ lính cũ nhìn ra bãi cát, những mô cao và mấy cái hố lớn, dấu vết những cái huyết. Người đó quay vào nói :

— Còn mấy xác nữa.

Người có râu gật gật đầu :

— Còn mười bốn cái toàn thây, ba cái không đầu.

Người ngồi bệt :

— Cũng còn làm ăn được ít bữa... Ờ con chó...

Bốn người đều bật dậy, một con chó đen cắp một cánh tay co chân chạy về phía bụi rậm. Người có râu :

— Chết đó nghe, vừa xong sao không lấp cho kỹ...

Người đội mũ :

— Lấp kỹ mà đào cho chết sao, hôm nay vắng quá, người ta không còn muốn đi kiểm xác nữa rồi, vậy còn những xác này là sao... không có người nhà sao...

Từ đằng xa một tốp người kéo đến, bốn gương mặt như căng ra nhìn, họ đứng im chờ đợi đám đông đến gần...

TẠI MỘT TRƯỜNG HỌC

Bàn ghế học sinh xếp ngồn ngang ngoài sân, những trẻ con chơi đùa cùng với một đám thanh niên có đồng phục, trong những lớp học trở thành nhà ở, nhà bếp với những va-ly, rương hòm, quần áo, xe đạp, xe gắn máy, quần áo phơi bừa bãi, những khoảng nhỏ được che lại bằng những miếng vải đủ màu, đủ cỡ... Nơi lối đi chính từ cổng ngôi trường vào có căng mấy tấm biểu ngữ chùng xuống nét chữ đã mờ... Nơi một góc sân một đám đông người đang bu quanh chen lấn nhau, ở giữa vượt lên một người đang đứng trên một cái bàn tay cầm tờ giấy đọc, tiếng đọc lớn có lúc nghe được có lúc bị át đi vì tiếng người nói, la hét chung quanh, rồi một người khác đứng lên người đọc giấy giơ lên cao những quần áo cũ... Một người đàn ông lớn tuổi từ trong một góc trường, tay cầm tờ giấy hốt hải chạy dọc theo hiên trường tới phía đám đông, chợt ông ngừng lại khi nhận thấy một người đàn bà bế con đang đứng nơi hiên. Người đàn ông nói giọng hấp tấp :

— O không đi lãnh đồ cứu trợ rằng ?

Người đàn bà mắt nhìn về phía đám đông, miệng nói giọng uể oải :

— Không chen nổi đâu nội ời, chỉ có đồ cũ...

— Thì đồ cũ, nếu không rằng đến mình được.

Người đàn ông nói rồi đi, từ đám đông đã có một số người lĩnh được đồ vừa đi vừa mở ra coi...

CẢNH VEN SÔNG

Một cây cầu đen gục một đầu. Một cây cầu sơn trắng gãy nhịp giữa chúi xuống dòng sông, hai bên cầu gãy một cầu nhỏ được bắc trên những xuống sắt, hai bên lối đi nhỏ này người ta chen lẫn qua, người vác đồ, người vác xe, cách đó không xa những thuyền ngang nối tiếp nhau và phà... Đám đông đi về phía ngôi chợ đồ nát, bên lề đường những hàng quán dựng lên, một quán nước bên đường đầy những người ngồi chung quanh những chiếc bàn thấp, bên kia đường người ta đang dọn dẹp những ngôi nhà đồ nát, xa hơn nữa là một ngã tư đường nơi dốc một cây cầu xi-măng, có một bến xe nơi mé bên trái cầu, nơi đó có một bót cảnh sát bị phá hủy nay có những công sự làm bằng những bao cát dựng lên. Tám bảng chỉ chỉt những dấu đạn, những chiếc xe hàng cháy xém, nhiều vết đạn chạy qua chạy lại với những hành khách vội vàng bám víu, đầy chật trong lòng xe, những nét mặt khô khan, những khăn xô, áo tang, bụi mù trên ngã tư. Bến sông những thuyền châu mũi vào bờ. Hai người thanh niên từ trên xe buýt đi xuống, qua ngã tư, rẽ vào quán nước bên chân cầu, nằm trong một cái miếu thờ, phía dưới là bến sông những người đàn bà đang giặt áo quần, gánh nước, hai đứa trẻ ném những hộp bia xuống dòng sông, những thuyền ca-nô chạy trên dòng với tiếng nổ cồng cào, một chiếc thuyền chở ba chiếc quan tài từ ngoài sông lớn đi vào, hai thanh niên ngồi nơi một chiếc bàn sắt thấp, bên lan can nhìn xuống dòng sông.

— Hồi trong tết bọn mình cũng ngồi ở đây, anh nhận thấy những xác pháo còn đó không, thoáng một cái nghe mà khiếp.

— Thăng Tài chết rồi.

— Chắc không?

— Bà o hấn nhận được hấn bên Bãi Dầu nhờ cái quần cao-bồi...

— Anh nghĩ sao về hấn?

— Tôi không nghĩ hấn là Cộng-sản, nó còn ít tuổi lại tài tử, lúc trước hấn làm cho một cơ sở Mỹ đầu trong Đà-nẵng, rồi thôi, có lúc hấn có rất nhiều tiền, người ta nói hấn trúng số, sau này có người nghi hấn nhận tiền của cán bộ ngoài, nhất nữa hấn lại giao thiệp mật thiết với ông H. Anh còn nhớ cái phòng làm việc của hấn không, đầy những tranh khổ thân, những chai rượu, cái băng vệ sinh của đàn bà treo toong teng giữa nhà, những câu thơ viết treo trên tường, bộ quần áo đàn bà trên chiếc mắc áo, anh nhớ không, và hấn nào có chút uy tín hay địa vị gì, tôi không nghĩ hấn là cán bộ được, hấn chỉ có mỗi một tâm hồn trẻ, lãng mạn... Còn mối tình của hấn...

— Con nhỏ bỏ hấn rồi, tôi nghe bọn nó nói, con nhỏ làm hấn thất vọng...

— Cái hoàn cảnh, cái không khí chung quanh đưa đẩy tới, hấn không có lựa chọn, tôi muốn nói tới một lựa chọn chín chắn có suy nghĩ, có lý tưởng hay tham vọng, hấn không. Tôi tin thế...

— Tôi không hiểu gì hết, những việc xảy ra khiến tôi không nghĩ được gì, cũng không còn dám tin điều nào là chắc chắn nữa. Có những người hôm trước còn chửi bới ngoài kia hăng hái lắm, hôm sau thấy đeo băng đỏ, vác súng tươi cười nghiêm trang trong thị trấn, những người hôm trước vác súng AK hôm sau vẫn ngồi nơi tiệm cà-phê nói về những tội ác. Có người hôm trước rõ ràng pờ-rô mặt trận tới hôm sau bỏ chạy lần mặt... Có người trước kia nhút nhát bỗng có thái độ dứt khoát mạnh bạo...

Hai người tư lự, một người nhìn xuống dòng sông, một người lấy thuốc ra hút. Một người con gái từ ngoài đi vào đứng bên:

— Hai anh uống gì?

— Có gì ăn không?

— Có nem, chả...

— Cho hai chai bia nhỏ.

Người con gái cúi xuống lấy chiếc khăn lau mặt bàn một lượt rồi đi vào. Hai chai bia được đưa ra trên mặt bàn, hai chiếc ly cối bột la-de sủi cao.

— Anh có gặp Phũ về không.

— Không, không ai gặp hết, có người nói Phũ đã chết, Phan có về nhưng tôi không gặp, người ta nói Phan ký những giấy trình diện ở bên Gia-hội... Tôi không thể nghĩ được những điều đó. Tôi nhớ, tôi nhớ câu chuyện, những thời gian trước...

LỜI KỂ CỦA NGƯỜI THỨ NHẤT — (BA NĂM VỀ TRƯỚC)

Mẹ Việt-nam ơi, mẹ Việt-nam ơi, chúng con xin thề, giữ thơm quê mẹ... Tiếng hát vang lên, những đoàn người với cờ, biểu ngữ đang vượt qua đò Ba-giốc, bên này sông Bến-hải đầy một rừng người, dòng sông, cây cầu đen không bóng người, ngọn cờ đỏ bên kia rất xa vượt lên cao. Một người thanh niên dáng nhỏ nhắn từ trong đám học sinh đi ra gần sông cúi xuống bỏ giày, nhúng chân xuống nước, rồi anh ta ngồi xuống bờ cỏ thả cả hai chân xuống. Tiếng hát vang lên rất lớn rồi nhỏ dần ngừng lời cho người kể...

— Năm trước Phũ đã tới đó cùng những học sinh của mình.

Đó là kỷ niệm ngày chia đôi đất nước, Phũ đã tới đó, cởi bỏ giày nhúng chân xuống dòng nước, tôi không biết Phũ đã nghĩ gì, nhưng tôi chắc chắn là Phũ buồn lắm. Vì ai có con sông đau thương đó, vì đâu cây cầu không còn dùng để hai miền đi lại... Và cho đến hôm nay nữa, tôi nghĩ là Phũ vẫn chưa thể quên, và chắc chắn Phũ buồn lắm nếu Phũ còn sống, nhưng có lẽ Phũ đã chết, chết có lẽ sung sướng hơn là còn sống... Nếu Phũ còn sống, trở về quê hương thì tôi không biết rằng Phũ sẽ nói với chúng ta như thế nào, nói làm sao, những sự thực còn đó, nào phải cho hôm nay, còn cho hàng ngàn năm sau.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU
(trích bút ký 1969)

Đông-Trình

Rất gần trong tương lai

bấy giờ hài cốt người bên mép đường đã rũ
tinh huyết trong thân kết bạn với đất màu
anh em trở về từ rừng sâu phố chợ
tiếng hát trên môi lời gió đưa cao

lá vẫy tay reo cây cảnh tưởng nhớ
lộc chớm nụ hồng quanh gốc mục tiêu sơ
chim chóc bay về hót ngoài mép tổ
mặt trời hôn trên từng chiếc lông tơ

dấu bom đạn mờ dần trên lưng cổ
đàn bò say bóng mát dưới chân đồi
lũ mục đồng nằm vắt chân chữ ngũ
chiều lên cao theo giọng hát hò ơi...

mắt mẹ già xanh như thời con gái
hoa cỏ trong vườn ngọt tuổi hồi xuân
sau con trâu cày lòng cha trẻ lại
đất mở tình ra cho hạt giống đến gần

trên đường sắt quê hương từ những toa tàu lật
đàn sẻ ngõ ngang vỗ cánh bay cao
hà-nội sài-gòn chuyển đi thứ nhất
tay ấm trong tay kết nghĩa đồng bào.

ĐÔNG-TRÌNH

THANH-TÂM TUYỀN

Đêm xóm Lách mịt mùng

(truyện dài)

4*

NGƯỜI MẸ NHÌN THẤY LẠI, QUA MÀNG NƯỚC mắt, đưa con. Đứa nhỏ khẳng khiu đen đũi (đen như củ sừng, đen như củ tam thất) đứng cạnh giường trong buổi tối hiu quạnh như vách ván trơn. Bỗng chốc, như ngày nào, trơ trọi còn hai mẹ con không nơi bám víu, (ngày ấy người đàn bà mới chỉ hai mươi bảy tuổi đã chịu cảnh góa bụa), người đàn bà hoang mang tột cùng không biết làm gì hơn là nhìn đứa nhỏ, đứa nhỏ như mới nhắc nhở đến người đàn ông yếu mệnh, cuộc tình ngắn ngủi đứt đoạn (sóng gió, đau thương, thi vị), như mối hy vọng cưỡng bức, mối ràng buộc tự nguyện trong tuyệt vọng nào nề.

Đứa nhỏ đã mười tuổi, xấu xí, buồn bã, nhạt nhẽo như cây héo rũ, không lưu giữ một nét nhỏ nào của người bố ; mặt mũi lơ lảo bần thần như chiếc gương ám nhìn vào chỉ thấy xuất hiện những bất hạnh phải gánh chịu, bóng hạnh phúc của cả một quãng đời thơ mộng đã tạo nên nó không sao tìm gặp lại (nó là thứ kỷ niệm phản trắc). Người mẹ kéo ôm con, âu yếm vuốt ve. Đầu đứa nhỏ tựa trên ngực mẹ, mặt quay vào vách, chân đứng nguyên

(*) Xem từ VĂN số 127.

dưới đất, cúi gập đôi người. Nó im nặng như cục đá mặc cho mẹ mơn trớn không biểu lộ một phản ứng, sự thân mật gần gũi giữa mẹ con không làm nó mấy may xúc động (lâu ngày nó đã quên, nó không quên, nó chết điếng vì bất ngờ).

— Nghê, mai mẹ cho con đi học. Mẹ sẽ hy sinh tất cả cho con. Con phải ngoan ... phải thương mẹ...

Người đàn bà bật khóc nức. Những câu nói giống như trái banh cầm liệng vào vách tường bất đội. Đứa nhỏ không nói năng, trơ khấc như cây gỗ, nó không thể thốt lời, cổ họng ứ nghẹn, nó cố nuốt chửng cục hơi đề chặn kỳ khôi (nó nhướng mắt nhìn vào vách xa, phân biệt các nhát chồi sơn quét đậm nhạt, những mụn sơn gồ nổi, những đường trầy vết bần hợp thành các hình thù kỳ hoặc). Người đàn bà nghe rõ tiếng nuốt nghẹn ngào và chờ đợi.

— Nghê, con không thương mẹ sao ?

Người mẹ không còn nhìn thấy gương mặt đứa con. Đứa nhỏ trở nên xa lạ, lẫn lộn vào xung quanh, hiển hiện như một đời sống tách biệt, đeo bám không thể rũ bỏ (từ lúc nào, người mẹ cũng tự hỏi từ lúc nào nó trở thành một đời sống khác mình), như loại cây leo độc địa hút tuyết nhựa cây nường gửi. Người đàn bà vuốt ve mái tóc cắt ngắn bồm xồm như rễ tre ; riêng mình chìm nổi theo nhịp hồi tưởng, phóng tưởng xô bồ.

— Nghê, con không còn thương mẹ nữa sao ?

Người mẹ tưởng như đứa con ngủ quên trên ngực mình. Đứa nhỏ cựa quậy, tay vẫn buông xuôi theo thân thờ xuống đập muỗi dưới chân. Người đàn bà hoàn toàn thất vọng. (Dường như nó nhìn thấu tới những buổi tối quạnh hiu chập chờn khác nữa, dạt tới, ẩn nấp ngoài trời vắng, trên lối ngõ hoang lạnh không động tiếng chân bước).

— Nghê ...

Cái tên đứa nhỏ như dấu tích duy nhất thừa sót của những điều đã từng có thực ; trong âm vang sẽ được gọi suốt đời tưởng chứa trọn được cả một quãng đời (những hy vọng, những mơ ước cùng những khốn khổ, những cay đắng tưởng sẽ hiển hiện một

lúc khi tiếng gọi cất lên chẳng ?) cũng mòn mỏi hư rỗng biến thành tiếng động. Nghệ, tên của con, tên nơi sinh ra nó, nơi người đàn bà đã sống tuổi thiếu nữ. Người mẹ muốn kể cho con nghe, (gọi lại với mình) những chuyện ấy. Đứa nhỏ đã thôi gắn liền với quãng đời kia, tên của nó như vật hồ mượn sẵn sàng buông rớt.

— Nghệ, con biết không ?

(Nó biết, nó biết mập mờ về cái thành phố của nơi nó mang tên, qua một lần ghé đợi tàu : nhìn cái công trường vắng ngắt trước ga màu đá xám, suốt một buổi ngày từ cửa sổ của nhà trọ tạm, những dãy phố đìu hiu cũ kỹ như bất cứ một tỉnh nhỏ nào ; qua những người trong gia đình bên ngoài vẫn thường nhắc nhở, căn nhà nằm trong quãng heo hút của thành phố, không khi nào được thấy nhưng nó biết, nhìn xuống bờ sông thấy những toán phu kéo gỗ theo nhịp hò « ta ới cheo... là... ta ới cheo », nó đến đui xấu xí như con phu kéo gỗ vì ngày này qua ngày kia mẹ chỉ nhìn một cảnh tượng ấy ; thành phố của tuổi thiếu nữ, khi mẹ còn thất hai dải bím mặc y phục Tàu được gọi bằng tên Tàu : cô Cẩm, người con gái út trong nhà nghịch ngợm phá phách như con trai trong không khí bông bột của phong trào Sô-viết những năm 30 đã cầm đuốc tham dự biểu tình, bị Mật-thám ruồng bắt nhà phải gửi trốn ra Hà-nội trút bỏ lột Tàu, biến thành người Việt ; thành phố mẹ trở về, với chiếc bào thai của một cuộc tình duyên bị gia đình phản đối, cuộc tình buồn bình của đứa con gái chưa hề biết tuân phục nhận chịu mọi cay đắng khổ khổ, cuối cùng mọi người phải khuất phục, sống nghèo nàn không chịu nhờ cậy bất cứ ai để sinh ra nó trong kiên nhẫn ; thành phố không hình dung gồm một mớ những ảnh tượng hư ảo).

Người mẹ không thể còn trò chuyện với con. Đứa nhỏ ẩn kín vào trong nó, không sao xâm nhập. Người đàn bà cảm thấy mình lạc lõng như phút đầu tiên trong đời làm mẹ nhìn đứa hài nhi xanh xám nhàn nhúm cô đỡ đưa đến bên giường, sau khi chịu đau đớn vất vả suốt một đêm ; đứa bé lọt lòng tím ngắt như trái bồ quân, nghệt thở, cô đỡ phải cầm chân dốc ngược quay mấy vòng, phát mạnh vào mông mới bật tiếng khóc ; nó xuất hiện đúng như niềm mong bất hạnh cho đời nó cũng như đời người đàn bà, nó là con của mụ ăn mày ghẻ lở đã trao vào tay, trong những giấc mơ hoảng hốt lúc mang thai, đã liệng trả và vẫn thấy

bồng ẵm trong mình, đã tìm lên đỉnh núi cao bỏ lại rồi vẫn phải mang về. Người mẹ giấu mặt khóc sau khi trông thấy đứa con, như con ai đứa làm lẫn; đứa nhỏ quặt quẹo, bệnh hoạn quanh năm suốt tháng tưởng không sao sống nổi, một năm liền, người như que củi khô, tiêm nước biển hàng ngày nát bấy hai bên mông, lên ba tuổi đi chưa vững; người đàn bà không thể tưởng tượng mỗi hạnh phúc hai vợ chồng mong đợi lại mang hình thù quái đản gớm ghiếc trong khi người đàn ông nâng niu quý báu nhắc đi nhắc lại mãi: thằng này là con trời... nó là con trời... sau này... Nửa đêm người đàn ông đang ngủ bật dậy mở đèn, lay gọi nhất định bắt nhìn vào lòng bàn tay đứa nhỏ vàng khè như nghệ (Nghệ, nó còn vàng như củ khoai nghệ vì bệnh kiệt lý kinh niên nhiễm khi chưa đầy tuổi) chỉ cho thấy: em thấy không, đường chỉ này là tâm hồn giàu nghệ sĩ tính, lớn lên nó sẽ trở thành nghệ sĩ, anh sẽ cho nó theo học đàn; người đàn ông hiền lành, nhiều lúc cù mì đến như nhu nhược, được nhiều người yêu mến không mất lòng ai (được quá nhiều người yêu mến, khiến đôi lúc người đàn bà trong buồn tủi thất vọng âm thầm về sau tự hỏi: mình có thể đã chỉ chiếm đoạt vì tự ái?), sung sướng hân hoan trước phát giác của mình: nó là đứa con của ái tình... nó sẽ trở thành đại nghệ sĩ, anh không có hoàn cảnh nhưng con chúng ta sẽ phải thành tài; người đàn bà chấp chờn, mắt dúi, thấy chồng trần trọc xoay trở rồi lò mò dậy trong bóng đêm ôm cây đàn nguyệt đến ngồi cạnh nôi con gảy những khúc Nam, tiếng đàn ấy thánh thót u hoài nhiều kẻ khen hay như trêu chọc người đàn bà; người đàn ông hy vọng đứa con sẽ sống trọn những mơ ước thầm kín của bố, của cả cô chú nó tưởng rằng đó cũng là mơ ước của mình, (ba anh em cô út sống núp dưới uy quyền độc đoán của một bà mẹ nuôi ác nghiệt không chồng con, đồng bóng — lấy sự hành hạ mấy đứa con làm sinh thú, người đàn ông thoát khỏi tay bà nhờ sự cương ngạnh của người đàn bà, đứa em gái thứ nhì bỏ nhà theo gánh hát đồng ấu từ năm mười một mười hai, đứa em trai út mê đàn mê vẽ, khổ sở nhất, thường bị bà mẹ nuôi đánh đập chửi rủa vì chậm chạp tầm tối cả ngày chui tìm các xó khuất lấy ngón tay vẽ vờ trong không những cảnh tượng, bóng dáng thêm thường, vẫn bị bà bắt gặp, phạt những trận đòn mê tơi về tội dám vẽ bùa trừ yểm bà).

Người mẹ muốn nhắc với con, con là đứa con của ái tình con là kết tinh của biết bao nhiêu hy sinh tủ nhục của mẹ và những mộng ước gửi gắm của bố, nhưng đứa nhỏ đã ngủ thật, rãi rớt chầy ướt bên ngực áo dơ bẩn. Nó vẫn đứng, chân trôi xích ra thêm, bụng đè cán vào thành giường. Người đàn bà nâng đầu đứa nhỏ lên, nó thức ngay con mắt ráo hoảnh như chưa hề ngủ.

— Nghệ, thôi đi ngủ con.

Đứa nhỏ nhìn mẹ, đôi mắt nó đen vắng lạnh nhạt như bầu không khí chìm ngủ bên hàng xóm. Nó lẳng lặng vào nhà sau rửa chân rồi đi ngủ. Lúc trở ra bộ ván bên ngoài, đứa nhỏ không sà đến giường mẹ như người mẹ mong đợi cũng không hề đưa mắt nhìn, nó bước đi lật đặt đầu lao về phía trước. Người đàn bà nghe tiếng đứa nhỏ leo lên ván, giành chỗ nằm ngoài với người chị họ. Hai chị em cãi cọ cả một hồi, đứa nhỏ không chịu thua nhịn chế riễu tính nhút nhát con gái của chị mỗi lần còi hụ bỏ lết hết nôi, vãi đái ra quần, sợ đến con dán chạy cuồng, nó dọa nếu không nhường nó nằm ngoài mai nó sẽ ra ngoài bụi bắt con tắc-kè thả vào giường chơi, từ sau nó sẽ không mang chuột chết trong nhà vứt giùm ra ngoài đầu ngõ nữa. Người đàn bà quát : thôi ngủ đi, nhường cho nó Phượng. Đứa con gái đã lớn ngồng nhưng ngờ ngẩn, ăm ức khóc thút thít, lầm bầm : Di bệnh con, cái gì con đi cũng phải ; đứa nhỏ vẫn thì thảo chọc tức chị, nó dọa sẽ lên sui bác Cả gả chị cho anh Ba-đen, làm vợ lẽ anh Ba-đen. Người đàn bà nghe sốt ruột, chóng mặt, uất giận thét :

— Nghệ, mẹ cấm Nghệ nói nhảm. Ngủ đi.

Sự nín bặt trống trải bao bọc. Nhà bên tiếng võng đu đưa bỗng nổi lên. Người đàn bà tê điếng trong kinh hoàng khi cơn uất giận tiêu tan nhìn thấy đứa nhỏ vừa xấu xí vừa quỷ quái ; nó quen nằm một mình một giường từ thuở bé, không thích chung chạ, chẳng bao giờ đòi ngủ với bố mẹ, người đàn ông muốn nựng nịu con phải bế đứa nhỏ vào giường và nếu nó tỉnh giấc lập tức khóc đòi bằng được đặt trả lại chỗ của mình ; trong bóng tối người đàn bà nhiều lần bắt gặp đứa nhỏ thức im trong màn, mắt thao láo như nghe ngóng theo dõi những chuyện gì đâu, nó nhắm mắt lại làm bộ như say ngủ khi thấy người khác nhìn, người đàn bà biết chắc đứa nhỏ vẫn còn thao thức lâu, nó cứng đờ tê ngắt

như chịu đựng những săn sóc, chiều chuộng của người mẹ hẳn nài muốn tìm nhận con mình ; mới lên bốn tuổi, đi học, nó đã dám ôm cặp lăm lũi từ trên phố đi bộ về tận Ngũ-xã một bữa người đàn ông đến đón muộn, đã kết bạn, tan học theo bạn về nhà ăn cơm trưa bất kể đến ai, khi bị bố đánh đòi đuổi, nó xin tiền người nhà để mua hòm lặc rang bán cho bọn học trò và trưa sẽ về Cồ-ngư ngủ dưới bóng cây nơi người đàn ông thường dắt nó đi dạo ngày chủ nhật ; đứa nhỏ không sợ bóng đen dọa nạt những đêm mùa đông, không sợ cái chuồng xí khuất nẻo ở sân sau, trong gian nhà rộng nhìn ra hồ (gian nhà đầy kỷ niệm không muốn khơi của tình vợ chồng hai năm cuối), nhiều hôm hai vợ chồng đi chơi về khuya gọi cửa kinh ngạc gặp đứa nhỏ ra mở, nó đuổi người nhà xuống nhà dưới, khóa cửa chơi một mình ở nhà trên không cần người lớn ; như linh cảm cái chết rình mò chụp bắt bất kỳ, sợ hãi lo lắng cho cách sống bưng bình gan lì của đứa nhỏ (hay vì nguyên nhân nào khác người đàn bà không hiểu rõ), người đàn ông vốn hiền từ dễ dãi trở nên nghiêm khắc hung bạo, đánh con bằng gậy « ba-toong », xích chân con vào chân giường hằng nửa buổi bắt nhịn đói, trừng trị cái tội không vâng lời, thích đường phố hơn nhà ; những trận đòn như tử khiến người đàn bà cũng khiếp hãi nhìn người chồng thêm xa lạ biến đổi kỳ dị không còn như ngày nào mới gặp, người đàn ông khổ sở quằn quại như đang hành hạ chính thân mình, chỉ khiến đứa nhỏ thêm chai đá ; có lẽ đứa nhỏ, chính nó, là đầu mối của sự xa cách, chính nó là mối bất hạnh, người đàn bà chỉ muốn nhớ tới những ngày đầu của tình vợ chồng, người đàn ông thoát ly khỏi uy quyền của bà mẹ nuôi, thất nghiệp, gian gác ở nhờ thấp hẹp như cái chuồng chim (cái chuồng của đôi chim bồ câu quẩn quýt, người đàn ông bảo thế), những ngày đã có việc làm, có nhà riêng, tuy vẫn nghèo khổ, nhưng bắt đầu thật sự được hưởng cái hạnh phúc tự do trong không khí tấp nập trẻ trung của bè bạn lui tới như cùng đóng góp, chia xớt.

Người đàn bà không chịu nổi cảnh vắng lặng trong nhà, mở cửa ra ngoài ; đứa nhỏ vẫn thức, nín thở kín tiếng trong khi người chị họ đã ngủ say. Trời lùa gió ướt mem, lạnh lẽo, như đêm nào ngày giỗ mẫn tang chồng người mẹ đứng nắm tay con bên bờ hồ gần nơi thuyền đắm nghe người ta hú gọi hồn vang trên sóng

nhà xuất bản AN TIÊM mời bạn đọc :

- **CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG**

của Hàn Mặc Tử

- **BIÊN ĐÔNG XE CÁT**

(Mythe de Sisyphe)

của Albert Camus

Bùi Giáng dịch

- **SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT**

của Bồ Đề Đạt Ma

Trúc Thiên dịch

và cùng hát :

- **HÁT VÀO ĐỜI**

tập nhạc tuyển 14 bài « Hát Vào Đời »

của Phạm Duy

- **NGÀY ĐÓ CHÚNG MÌNH YÊU NHAU**

tập nhạc tuyển « 14 bài Hát Tình Yêu »

của Phạm Duy (in lần thứ hai)

NGUYỄN-XUÂN HOÀNG

Khu rừng hực lửa

(truyện dài)

3*

HÌNH NHƯ TÔI ĐÃ THIẾP ĐI NGAY SAU ĐÓ. Gió biển mát lạnh thổi nguội những ham muốn trên thân xác khô nóng tôi, dẫn dắt tôi chạy loanh quanh lẫn quẩn bên ngoài cõi mộng. Tôi vừa sống trong cơn mê vừa biết rõ mình đang mê; tôi ý thức một cách sáng suốt rằng mình đang là kẻ mộng du, nhưng tôi không làm sao có thể thoát khỏi thứ xiềng xích vô hình đó; tôi trần trở cựa quậy không ngừng trong sự cuốn hút nhòm tởm của những chiếc vôi dai dẳng dài đặc và trơn trượt của loài bạch tuộc; tay chân tôi bị trói thúc ké mồm bị nhét đầy giẻ không kêu la cầu cứu ai được, tôi nằm trong căn nhà un khói mù mịt với những cột kèo rui mè vừa mới bắt đầu bén lửa; tôi nghe thấy những giọt mồ hôi dâm dấp dưới lưng, chảy len dọc theo hốc vai, xuyên qua những kẽ tóc trên da đầu, những ngón chân nhỏ nhọn của một chú kiến nào đó đang bò chậm rãi dọ dẫm trên

(*) Xem từ VĂN số 130.

gò má tôi mà tôi không sao xua đuổi chụp bắt được, tôi giẫy giụa vô ích, mỗi lúc tôi như bị cột xiết nhiều hơn, quấn chặt năng hơn; tôi nghẹn thở nhưng vẫn nghe thấy tiếng mình nói mê trong cơn sáng sốt, thân thể tôi trở nên mỗi lúc một nặng nề tựa hồ như có ai buộc đá trên lưng, và tôi thấy mình bỗng không chìm dần chìm dần xuống đáy biển (và rong rêu, và bèo bọt, và đá san hô, và bóng tối, và âm nhạc dành cho người chết...); tôi đi quanh co trong mê lộ dù mắt vẫn nhìn thấy rõ lối ra.

— Anh Kha ! Anh Kha !

Tôi nghe thấy rõ ràng tiếng một người nào đang réo gọi tên tôi.

— Anh Kha ! Anh Kha !

Đề coi. Tôi đã nằm co rút như con ốc nhỏ cuộn mình trong cái vỏ dày cứng kín bụng của nó hay là tôi đang phơi thây trên cát bỏng như loài sứa biển đang nghe thân thể mình từng chút rồi từng chút tan biến thành hư không ? Tôi rướn mắt hết lên nhưng nhất định tôi không thể làm lẫn giọng nói của Kim với bất cứ một giọng nói nào khác. Kim ! Tôi tự đánh thức mình dậy giữa mùi da thịt khét nằng quen thuộc của nàng, thứ thuốc mê của thính giác làm tê liệt những cơ năng khác, nó là dòng điện cao độ làm nóng chảy cơn dục tình thiêu ngủ nhưng không ngừng âm ỉ trong thân xác hực những cảm giác tôi. Trong khoảnh khắc tôi như nghe thấy lại mùi thơm của mái tóc nàng, sự ấm áp của hai trái ngực nàng (hay trong trái tim nàng ?) chuyển sang tỏa nóng lưng tôi khi tôi đeo nàng sau xe phóng nhanh trên đường phố.

Em không hiểu tại sao em cứ đi theo anh như con tràu non. Tại sao anh yêu em ? Tại sao chúng mình quấn quít nhau ? Và tại sao hai đứa lúc nào cũng song song và đều đặn như hai chiếc dĩa ? Tại sao ? Anh có nhận thấy là chúng mình đang phiêu lưu không ?

Phiêu lưu ? Không, tôi có thấy gì đâu. Có gì đáng gọi là phiêu lưu giữa hai chúng ta đâu ?

Một người đàn ông đã có gia đình như anh, một đứa con gái mới lớn như em, sự gần gũi đó chẳng gọi là phiêu lưu thì sẽ gọi là gì ?

Sẽ chẳng gọi là gì hết.

Tại sao ? Ít nhất nó cũng có một tên gọi chứ ?

Làm quen, thí dụ là như thế, được không ?

Tại sao không gọi lên thật nó là tình ái ?

Em muốn gọi là tình ái, thì nó sẽ là tình ái. Nhưng tình thế có thay đổi gì đâu ?

Em ghét anh.

Tại sao ?

Anh giả dối.

Cũng được. Nếu em tưởng tượng là như thế cũng được.

Không. Em tin chắc là như thế.

Rồi sao ?

Rồi anh sẽ quên em như quên một hạt cát đã có lần bám vào chân anh.

Em nghi ngờ trí nhớ tôi đến thế sao ?

Anh đâu có trí nhớ để em nghi ngờ !

Tôi muốn ngồi dậy nhưng chưa được, gân cốt và bắp thịt tôi đang ở một trạng thái mệt mỏi rã rời. Nhưng đừng tưởng tôi không có trí nhớ, trí nhớ tôi quá tốt và quá bén nhạy nữa là khác. Chính trí nhớ đã đặt vào tay tôi những tình cờ cố ý ; chính nó đã lôi kéo chúng tôi lại gần nhau, và chính nó đã bắt chúng tôi điên cuồng và hành hạ lẫn nhau. Lịch sử những cuộc tình ruồng rẫy và chia lìa của mỗi đời người khác nào lịch sử những cuộc cách mạng của một dân tộc ; và tình ái xé nát cào cấu con tim ta khác nào như cách mạng tàn phá đời sống của một dân tộc muốn trưởng thành ; nếu tình ái có làm trí não ta đui mù thì điều đó cũng có nghĩa là nó sẽ làm cho tâm hồn ta trở nên phong phú, nếu cách mạng có làm cho những bàn tay trong sạch trở nên dơ bẩn thì điều đó còn có nghĩa nào khác hơn là muốn cho dân tộc được nhìn thấy mặt trời ửng hồng vào buổi rạng đông của hạnh phúc nhân loại.

Tôi không nóng lòng chờ đợi Kim, nhưng tôi vẫn thầm mong Kim đến. Tôi chờ đợi như không chờ đợi ai hết, và không

chờ đợi một cách rất chờ đợi. *Kim. Kim đó. Kim đã đến rồi đó.* Chắc chắn không thể là một người nào khác. Kim đến như một cơn gió thoảng cảm thổi bay những phần hương buồn bã. Sự có mặt của nàng đã tháo bỏ được những dây trói quanh thân tôi, lôi tôi ra khỏi đám khói un mù mịt của một thần trí u mê tri độn. Tôi thở bình thường. Tôi ngồi thẳng lưng. Tôi nghe xương vai kêu khi tôi cúi khom xuống chặn giữ tờ báo bị gió cuốn. Tự nhiên tôi muốn tưởng tượng đến màu áo Kim mặc, tôi không nhìn nàng, tôi đã thấy nàng trong trí nhớ. (Kim mặc áo màu vàng, *màu mà nàng vẫn ưa thích*, tóc đen thả sụp trước trán che khuất một con mắt, *nàng vẫn nói em chỉ khoái nhìn đời bằng một con mắt*, kính mát màu nâu nhạt mà nàng vẫn ưa cài trên tóc hơn là mang vào mắt, một vết sẹo nhỏ nằm ở mép môi trên, *tai nạn nào đã xảy ra cho đời nàng*, và chiếc răng khểnh dễ thương mà khi nàng cười vẫn gọi cho tôi những ham muốn kỳ cục, kỳ cục như hai trái tai của nàng vừa mềm mại, vừa dầy dặn, vừa chứa đầy những cảm xúc, khi tôi cắn nhẹ lên đó và tôi nghe trong hơi thở dồn dập của nàng dường như có cả tiếng rên rĩ...) Tôi phải gạt ở hai khuỷu tay và trong tóc phía sau ót, những hạt cát rơi rơi xuống rào rào gây cho tôi cái cảm giác buồn buồn nhột nhột. Bầu trời thấp xuống, ánh nắng trở màu dịu, biển xanh như đã xanh.

— Em vừa đến phải không ?

— Dạ, em vừa đến xong. Hình như anh nằm mê ? Anh mê thấy cái gì thế ?

Tôi xếp tờ báo, cuốn tròn nhét vào túi vải, tờ báo đề ngày phát hành cách đây ba hôm (thành phố này khó lòng tìm đâu cho được một tờ báo ra đúng vào ngày đã ghi). Đó là một tờ báo có đăng một bài tường thuật với đầy đủ những chi tiết bi thảm và rùng rợn nhất về vụ những người đi tìm thân nhân trong những bộ xương được chôn tập thể gần thành phố Huế (thành phố của những tư tưởng sôi động đầy tính chất cách mạng, thành phố của một thời kỳ được mọi người đề tâm chong mắt theo dõi và có lúc người ta tưởng chừng như nó đã trở thành trái tim của Việt-nam, một trái tim đang hồi cảm xúc vì nó đập quá nhanh so với những lúc bình thường : thành phố của hơi

thở triền miên trong cái lặng lẽ bất động đầy quyến rũ của con sông Hương xuyên ngang như vết nứt rạn trên chiếc bình cổ quý, thành phố của những hàng cây mù u thẫm thì trong bóng tối đục vóng, thành phố của những thành quách rêu phong sần cũ, thành phố làm người ta mất tâm trong đó như cát lầy...)

Bài tường thuật ấy như còn gọi lại bên tai tôi tiếng thều thào buồn thảm của người thiếu phụ đòi một chiếc đầu cho cái xác của chồng bà. *Cho tui cái đầu của chồng tui. Cái đầu của chồng tui mô rồi? Kiếm cho tui cái đầu, kiếm mô đó cũng được. Kiếm bên bọc ni-lông nớ lè! Bọc nớ nặng hơn bọc của chồng tui nhiều, đưa bớt cho tui cái đầu đi!*

Tôi tưởng tôi đã mê thấy những điều đó, nhưng không, tôi đã tự co rút mình lại trong da thịt tôi, tôi khur khur ôm lấy chính thân thể tôi, và ngày tháng và tình ái và đam mê ào đến như dòng nước lũ lôi cuốn tôi theo, nhận chìm tôi biệt tăm trong những kẻ đã không tên.

— Anh làm sao thế?

— Không, có làm sao đâu.

— Anh không nghe thấy em hỏi sao?

— Không. Gì vậy?

— Anh nằm mê hả?

— Nằm mê? Sao Kim biết?

— Em thấy anh lẫn lộn, giãy giụa hoài. Anh ú ớ lắm lắm trong miệng. Anh mê thấy những gì thế?

— Người chết!

— Khiếp! Ai vậy?

— Cả một thành phố.

— Kinh khủng!...

Tôi nghe giọng nói của Kim bị chặt đứt tắt phụt ở lưng chừng:

— Một trận đánh mới nữa hả? Ở đâu thế?

— Trận đánh đã cũ? Người chết thì mới.

Tôi không nghe thấy Kim nói gì. Nàng im lặng hồi lâu, lâu lắm. Và tôi có cảm tưởng như mình đang ngồi đây một mình, trên một bãi cát đã vắng người, dưới một bầu trời sụp thấp, và bóng tối từ những cụm mây đen tỏa ra chụp phủ xuống như túi mật của một loài mực bị vỡ làm đục ngầu cả vùng nước biển. Gió trở chiều thổi ngược.

Tôi không thể không nhìn Kim. Tôi đã sợ trí tưởng tượng của mình sai lầm, và màu áo vàng mà ký ức của tôi đã mặc cho nàng trở nên lỗi thời hơn bất kỳ một thứ màu nào khác. Kim đang ngồi bệt trên cát, tay trái đỡ gò má, và tay kia vốc từng nắm đầy thả lơ đãng xuống bàn chân trần trắng hồng của nàng, những ngón chân tròn dài mẫm mĩm nổi lên trên mặt cát như những thỏi sáp. Kim mặc áo trắng, cổ hở rộng, tóc chẻ hai buộc bằng dây cao-su, và chiếc thánh giá giấu trong ngực (tôi biết điều đó vì Kim vẫn thường kêu « chúa ơi! » khi tôi cúi nhìn xuống chiếc thánh giá trong ngực nàng.)

— Mình đi uống cái gì chẳng ?

— Phải đấy. Em cũng đang khát đây.

Kim tần ngần tháo chùm rong ra khỏi cọc nhọn, bóp trong tay lách cách từng trái rồi từng trái rong vàng no hơi. Tôi thu dọn mấy thứ lật vật bỏ vào túi vải, nhờ cọc ra khỏi mặt cát.

— Xong chưa ?

— Anh đưa túi vải em cầm cho. Quán có âm nhạc chiều hôm qua nhé ?

— Xong rồi.

Tôi trông vào cổ xách dép trên tay đi chân không, thọc cây cọc nhọn trên cát ướm cày xốc một đường dài. Kim cầm chiếc túi vải, đi trên cát khô, gió ngược chiều thổi bay những lọn tóc trước trán nàng dạt qua một bên. Tự dưng tôi thấy khuôn mặt Kim lạ hẳn, như thể nàng đã biến đổi thành một người nào khác.

Tôi đứng dừng lại, chống cây cọc xuống cát, tôi xuýt ngã khi nháy hụt một đợt sóng ủa tới, nước bắn tung ướt hết mặt mũi đầu cổ tôi.

— Trông anh như một thương binh !

Tôi nhìn Kim. Tiếng nói làm nàng trở nên quen thuộc. Trên khuôn mặt lấm tấm những giọt nước biển đó, trên đôi môi bóng lưỡng mời gọi đó, tôi đã hôn bao nhiêu lần, giữa tiếng đập i ầm của những đợt sóng trắng đập tung vào kè đá? Tôi nói:

— Em không biết sao? Tôi có trái tim hư hỏng mà.

— Trái tim hư hỏng hả? Anh nói gì nghe kỳ cục.

— Em có sợ tôi không?

— Tại sao em lại sợ anh mới được chứ?

— Tại vì tôi sẽ giết em. Một ngày nào đó, tôi sẽ giết em.

— Chúa ơi! Anh ăn nói gì nghe khiếp quá lắm thế.

— Em không tin sao?

— Thôi, em không phải nói chuyện với anh nữa.

Và tôi nghe tiếng Kim hát nho nhỏ ca khúc nàng vẫn thì thầm mỗi khi chúng tôi không có gì để nói. *Nhân danh tình yêu, xin anh hãy ngừng lại trước khi bóp nát tim tôi. Nhân danh tình yêu, xin anh hãy ngừng lại...*

Em có một trái tim sẽ tan nát, còn tôi trái tim hư hỏng. Sự tan nát có thể rồi sẽ không xảy ra, nhưng trái tim hư hỏng của tôi thì đã có sẵn rồi. Bỗng không tôi nhớ đến người đàn bà đang chờ đợi tôi trên căn gác gỗ ở thành phố xa, nơi tôi đang làm việc. Người đàn bà ấy đã quá yêu thương tôi, nuông chiều tôi, đã cho tôi biết thế nào là tiếng nói dịu dàng của thân xác và những đòi hỏi điên cuồng của tâm hồn. Mỗi buổi sáng thức dậy sự thấy mình đang ôm người đàn bà ấy trong tay cùng với cái khoái cảm rạo rực của một cơ thể đang no nê tràn đầy sinh lực, sự kiêu hãnh bỗng thành lớn lao khi nhìn thấy được sự chiến thắng của chính mình, dù là sự chiến thắng trong cam go và cố gắng; người đàn bà ấy đã dạy cho tôi bài học tình ái thứ nhất: bài ngợi ca thân xác, bài học vỡ lòng được giảng dạy hoàn toàn trong bóng tối. Trong một bức thư gửi cho tôi sáng nay người đàn bà ấy đã viết *anh nên lợi dụng cơ hội này ở lại ít lâu ngoài đó thay đổi không khí, biết đâu gió biển và sự hồi niệm tuổi thơ sẽ chẳng làm cho anh khỏe hơn, anh sẽ cho em là người nói dối nếu em nói rằng em không mong anh sớm trở về, nhưng thật tình là em mong anh nhiều sức khỏe hơn những ngày anh sống trong này*

với em... Hôn anh và nhớ anh... Tôi nhớ đến căn gác gỗ mà tôi đã ở, tấm nệm trải trên sàn nhà, cái gạt tàn thuốc để trong hốc cửa, người đàn ông chủ nhà mặc toàn quần áo trắng, đi dép chống gậy đứng yên lặng như một bức tượng dưới cây bông giấy mỗi buổi sáng sớm, tiếng đọc kinh đều đặn của người đàn bà chủ nhà vào mỗi tối. Tôi nhớ đến những trận mưa liên tu hồ tận ướt ngập cả con hẻm, giam giữ chúng tôi suốt ngày trên căn gác gỗ. Tôi nhớ và thèm khát những vuốt ve làm sồn da gà, những đụng chạm làm căng thẳng thần trí và thân xác.

— Hình như là anh không mong em đến ?

Kim phá tan sự im lặng. Nàng có cái vẻ lạnh lùng của lớp tro xám phủ ngoài đang che giấu hòn than nóng bốc hơi bên trong.

— Tôi tưởng là Kim không tới.

Nàng ngạc nhiên, ít ra tôi cũng thấy rõ điều đó trong giọng nói của nàng.

— Tại sao ? Em đã hứa là em sẽ đến mà ?

— Nhưng em đã nói với tôi rằng bây giờ đang là mùa mưa...

— ...

— Mùa nắng đã chấm dứt, và chẳng có gì bảo đảm là trời sẽ không mưa đúng vào giờ hẹn của chúng ta.

— ...

— Em ghét mưa lắm sao ?

— Không hẳn là em ghét mưa. Bởi vì, anh thấy không, sau cùng em đã đến.

Phải, bởi vì cuối cùng em đã đến. Tôi lặp lại câu nói trong cuống họng mình.



Cơn mưa đổ ập xuống bất ngờ khi chúng tôi vừa đặt chân lên thềm quán. Đó là một ngôi nhà bằng gỗ vuông vức như một chiếc hộp, cất trên một nền đá cao (xây trên cát), những cây

dừa mập ú và những cây dương ồm khô cao không quá đầu người đứng rải rác trong thềm sân. Kim chọn một bàn ở ngoài cùng, dưới gốc dương thấp. Biển hiện ra trước mắt trong cái vẻ lạnh nhạt mờ hồ như da mặt của một người vừa khỏi bệnh. Nàng đặt túi vải lên bàn, ngã lưng trên ghế dựa. Quán đông người, tiếng nhạc phóng to qua những thùng khuếch đại âm thanh không át nổi tiếng nói chuyện ồn ào của đám khách bất đắc dĩ. Khói thuốc không lối thoát bay mù trong khoảng không gian chật hẹp bí bưng. Một người đàn ông ngồi trong góc xa vẫy tay (hình như là chào tôi?) tôi nhìn hẩn, nhưng vẫn không nhớ ra, tôi đưa cao tay vẫy chào lại, ngượng ngùng vì sợ mình làm lẫn. Tôi đứng lờ ngó, nửa muốn bước tới, nửa không. Kim nắm tay tôi giật giật :

— Anh ngồi xuống đây, em nói cái này.

Tôi bỏ dép và cây cọc dưới gốc cây, ngồi xuống ghế. Mưa hình như mỗi lúc một to hơn, những hạt nước tròn và nặng rơi ào ạt trên biển mù giăng phủ tứ bề, vây kín chúng tôi trong quán gỗ, chúng tôi như những con cá bị mắc lưới, những con cá thần nhiên chờ đợi được thả ra. Nhưng mây còn đen ngịt trên trời. Trận mưa có vẻ như sẽ kéo dài suốt đêm. Kim bỗng nghiêng hẩn về phía tôi :

— Anh Kha. Ai như anh Lưu kia !

Tôi, nhìn theo ngón tay trỏ của nàng. Phải chính là Lưu, em trai tôi. Hẩn đang ngồi ở chiếc bàn bên cạnh, nói chuyện có vẻ to tiếng với một người mặc quân phục, cả hai cùng quay lưng về phía chúng tôi. Tôi quay sang Kim :

— Phải. Nhưng sao em biết Lưu ?

Kim cười :

— Em quen Lưu trước khi quen anh mà.

— A !

Tôi kêu lên, ngạc nhiên.

— Lưu là em của anh phải không ?

— Phải. Em biết nhiều thế ?

— Em có mặt hôm đưa đám ông cụ. Em biết anh và Lưu là hai anh em bữa đó.

— Hay lắm. Nhưng đó có phải là chuyện mà em định nói với tôi không?

— Gần gần như thế. Em muốn uống nước.

— Soda chanh?

— Anh biết em hơn cả em nữa.

Tôi gọi lớn:

— Ê, chú bé. Một coca và một soda chanh.

Và tôi quay sang Kim:

— Mình ăn cái gì thêm chẳng? Bánh tôm hay bò khô?

Kim lắc đầu, nàng đang mải miết với những chiếc lá dương tròn nhỏ, tháo ra lắp lại như những mắc xích của xe đạp.

Tôi nghĩ đến Lưu. Bỗng dưng hẳn đứng chen giữa chúng tôi, bỗng dưng Kim nói những điều không ngờ đó, bỗng dưng trời mưa và bỗng dưng chúng tôi bị dồn vào đúng cùng một quán nước? Tôi mở túi vải, lấy tờ báo ra đọc lại một lần nữa bản tin về những bộ xương trong chiếc hầm ở Huế, thành phố của những trận mưa dai dẳng, những trận mưa xối xả, những trận mưa liên hồi tưởng chừng như đã cuốn băng hết nhà cửa, cây cối, người vật ở đó, nhưng dường như chúng không làm trôi hết những rêu phong trên thành quách cổ.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-XUÂN HOÀNG

Nhắn tin riêng:

Chị Kim,

Thành thật cảm ơn chị về lòng tử tế mà chị đã dành cho tôi. Tôi quyết định hủy bỏ chuyến trở về Pháp như đã sắp đặt.

Ước mong được gặp chị, có nhiều chuyện muốn thưa cùng chị.

SUZANNE MICHELET

tin văn... văn

• TRONG NƯỚC

Đêm thơ quán Thăng Bờm

Đề chuẩn bị xuất bản thi phẩm thứ hai (*Nỗi tình cờ* của Hà Nguyên Thạch, *Vun xác người* của Phan Nhự Thức) hai nhà thơ miền Trung đã từ Quảng-ngãi vào Sài-gòn cuối tháng 5/69.

Nhân dịp này, một số anh em sinh viên đã tổ chức một đêm đọc thơ tại quán Thăng Bờm đường Đề Thám, Sài-gòn. Đêm đọc thơ có chủ đề: *Viết từ miền Trung*.

Mở đầu lúc 20 giờ ngày 30.5.1969, kỳ sinh hoạt văn nghệ thứ 13 của Quán Thăng Bờm, đã thu hút được sự tham dự của hơn một trăm thính giả, gồm một số anh em trong giới văn nghệ thủ đô và phần đông là anh em sinh viên.

Đêm đọc thơ đã diễn ra trong bầu không khí thân mật và cởi mở. Hà Nguyên Thạch đọc Những đoạn tình rời và Phan Nhự Thức đọc Thơ chiến tranh. Phần cuối chương trình, hai anh Hà Nguyên Thạch và Phan Nhự Thức đã nói về Luân Hoán, — nhà thơ quân nhân vừa bị thương tại Quảng-ngãi, đồng thời đọc một số thơ tiêu biểu của Luân Hoán.

Sau cùng, thính giả đã được biểu tặn tay một tuyển tập gồm những sáng tác ngắn của Hà Nguyên Thạch và Phan Nhự Thức. Tuyển tập này được Ngô Vương Toại, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Hữu Nghĩa trình bày và do Quán Thăng Bờm ấn hành..

Một buổi nói chuyện ế khách

Hồi 10 giờ sáng chủ nhật 8.6.1969, tại trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn, Trung-tâm Văn-bút Việt-nam đã tổ chức một buổi nói chuyện văn chương. Diễn giả Trần Đồng Vọng nói về đề tài: *Thơ hôm nay với thời cuộc*.

Khi diễn giả đã nói được năm phút, chúng tôi đếm được tất cả sáu mươi người (tính luôn các nhân viên ban tổ chức), cộng thêm diễn giả, đại giảng đường trường Văn-khoa bữa đó trở nên rộng thênh thang với sáu mươi một người hiện diện...

Anh em văn nghệ được chiếu cố

Anh bạn Phổ-Đức, tác giả nhiều thi phẩm đã ấn hành, sau khi mãn khóa huấn luyện tại trung-tâm Quang-Trung, chuẩn bị theo học khóa huấn luyện truyền-tin tại Vũng-tàu. Nhưng, vào phút chót, nghe đâu anh sẽ được gọi về phục vụ tại Cục Chiến-tranh Chính-trị ngay gần đây, vì mọi thủ tục đã hoàn tất.

Nếu tin trên là đúng, xin được hoan nghênh Cục Chiến-tranh Chính-trị đã «lo» cho anh em văn nghệ. Cách riêng, xin được «bức thơm» trung-tá thi-sĩ Cao-Tiêu, Cục-trưởng cục Chiến-tranh Chính-trị, một dòng...

• NGOÀI NƯỚC

Nhà văn và xã hội

Những cuộc chống đối ồn ào của giới trẻ và thợ thuyền ở Pháp đã không quật ngã nổi De Gaulle giữa năm ngoái. Nhưng rốt cuộc đến giữa năm nay thì De Gaulle vẫn ngã.

Và ở Pháp, vấn đề thanh niên, sự chống đối vẫn còn.

Ở Ý, xã hội cũng đang trải qua một thời kỳ khó khăn. Bất mãn lung tung, nổi loạn khắp nơi, phản kháng loạn xị, liên miên... Trước tình trạng ấy, trí thức nghệ sĩ Ý đâm suy nghĩ.

Alberto Moravia vào các nhà tù, trông thấy những thảm cảnh đau lòng ở đó. rồi kết luận : « Cuộc khủng hoảng của chúng ta lại cũng có tính cách khủng hoảng về đạo lý nữa. Giới tiểu tư sản nước Ý không được chuẩn bị để hưởng hạnh phúc. Họ trở thành duy vật, dần dần họ đứng dưng trước các giá trị tinh thần. Chính vì thế mà đã gây ra cái phản ứng làm phát sinh sự bùng nổ có tính chất đạo lý của thanh niên và cuộc duyệt lại giá trị các không tưởng ».

Ignazio Silone cũng kết tội giới tư sản kém đạo đức. Nhưng nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng mang tên là: Nhà Nước. Trước kia, mỗi người dân Ý trông cậy ở sức mình và sự phù hộ của Chúa. Bây giờ, họ đổ tất cả trách nhiệm lên đầu chính phủ. Và «Quần chúng tối thượng trở thành quần chúng mờ côi».

Thân xác của Dominique Rolin

Tác phẩm nhan đề là *Le Corps*. Đúng là *Thân xác*, và là thân xác đàn bà. Nhưng là... bà lão.

Dominique Rolin cầm bút đã một phần tư thế kỷ. Thường thường người ta biết yêu trước khi biết sáng tác. Bởi vậy về cả hai mặt: cảm xúc của thể xác và suy tư của tinh thần, Dominique Rolin đều có nhiều kinh nghiệm, nhiều điều để nói, để kể lại.

Bà đã có trên mười lăm tác phẩm và vài mối tình lớn trong đời. Bây giờ, tuổi già xế bóng, trong cảm tưởng cô đơn tàn tạ, bà viết lại cuộc đời mình. Một tác phẩm như thế hẳn là thâm trầm và cảm động.

Thêm một chiến tuyến văn hóa nữa

Trong mười năm trường, Nga-xô và Trung-cộng đấu với nhau hơn trăm hiệp, bất phân thắng bại. Đây không phải nói về cuộc đấu súng trên sông Oussouri, mà là cuộc đấu khẩu về lý thuyết, diễn ra trên khắp các cơ quan ngôn luận của hai nước anh em.

Bây giờ Nga-xô vừa công khai mở một mặt trận văn hóa nữa: tờ *Pravda* chửi nhau với tờ *L'Unità* của Cộng-đảng Ý. Hai bên thẳng cánh đập nhau, hết cả dè dặt.

Đối với cuộc xâm lăng Tiệp-khắc, Cộng-đảng Ý đã bất bình với Cộng-đảng Nga. Nhưng bấy giờ Nga chịu nhận. Kẻ lớn rộng lượng bao dung đối với đàn em.

Đối với vụ xung đột Nga Hoa ở Ô-tô-lý-giang, Cộng-đảng Ý lại xen vào chỉ trích Nga-xô. Một cựu phóng viên của tờ *L'Unità* ở Moscou là Giuseppe Boffa, bây giờ là ủy viên trung ương Cộng-đảng Ý, phơi trần sự bối rối, lúng túng của giới lãnh đạo Nga. Thế là Nga nổi đóa, hạ lệnh cho tờ *Pravda* quất đồng chí Boffa thẳng tay.

Lại thêm một trận tuyến văn hóa nữa. Giữa các nước anh em l...

THU-TRUNG và các bạn

LẠI THƯ NGỎ

*thân gửi bạn đọc
và anh em bằng hữu khắp nơi*

Sổ báo đang nằm trong tay bạn đây đã được sửa soạn từ hơn hai tháng trước. Khởi thủy nó có một chủ đề khác, nhưng sau đã được thay đổi vì người viết lá thư này muốn tránh một ngộ nhận có thể xảy ra. Vào phút chót, Trần Doãn Nho, một tác giả trẻ xứ Huế có góp mặt trong những trang trên, đã chọn hộ toà soạn một chủ đề mới: «phượng trong thành nội».

Chị Nguyễn-thị Hoàng, một nhà văn xứ Huế khác, đã ân cần căn dặn tôi đừng có viết hoa chữ «phượng» kéo rồi lại bị hiểu lầm là tôi muốn nhắc đến «một cô nào đó, tên đó, trong thành nội».

Một điều nhỏ nhặt nhất, không ngờ nhất, có thể là một cái cơ để gây ra ngộ nhận. Đời sống chúng ta, ngay trong địa hạt văn nghệ, — nơi mà những đồ kỹ, nhỏ nhen, không thể được chấp nhận, — cũng ngọt ngào những chấp nhất, ngờ vực, tị hiềm. Người làm văn nghệ, bây giờ đây, cần có tới hai lần thận trọng mỗi khi mở miệng nói hoặc đặt bút viết. Đó là một kinh nghiệm, thực tiễn và cao giá.

«phượng trong thành nội» (xin bạn đọc, anh em đừng trách, nếu tôi không viết hoa chữ đầu dòng) không phải là tuyển tập đầu tiên dành cho xứ Huế. Chắc chắn nó cũng không là tập sau cùng. Chúng tôi ước mong, trong tương lai gần gũi, sẽ còn nhiều tuyển tập đặc biệt khác dành cho những cây bút xứ Huế khác, Lớn tuổi, vững vàng, như: Đỗ Tấn, Võ Ngọc Trác, Bửu Ý, Huỳnh Hữu Ủy... Trẻ trung, nhiệt thành như: Tần-hoài Dạ-vũ, Lê Bá Lăng, Yên My, Lê Nhược Thủy, Thái Ngọc San, Trần Dzak Lữ, Trầm Kha, Từ Hoài Tấn, Trần Yên Du, Tuyết Trang v.v...

Một điều hiền lành nhất, trong nhiều trường hợp, tôi nghĩ thế, sẽ chỉ làm tăng thêm những hảo cảm có sẵn từ nhiều năm tháng trước. Pháp ngữ có một câu đại ý: «trên cõi nhân sinh đầy hệ lụy này, tất cả rồi sẽ qua đi, tự xóa mờ, tan vỡ, duy chỉ còn tình bằng hữu là sống mãi với thời gian...» Tôi cũng tin và ước mong được vậy.

TRẦN PHONG-GIAO

Cũng là để tránh điều ngộ nhận, chúng tôi xin phổ biến dưới đây lá thư của anh Mặc-Đỗ, một tác giả rất quen thuộc với bạn đọc VĂN. Chúng tôi cũng xin thay mặt Bùi Vị-Xuyên được công nhiên ngỏ lời xin lỗi anh Mặc-Đỗ vì một câu ghi vội, trong lúc ồn ào, nên đã ghi lầm ý người nói...

Sàigòn, 4 tháng sáu 1969

Bạn Trần Phong-Giao,

Trong tạp chí « Văn » số 130 nơi bài « Nói chuyện với Trùng-Dương » ông Bùi Vị-Xuyên có nhắc tới tôi trong câu hỏi cô Trùng-Dương có đồng ý với chủ trương của tôi là nhà văn « cần nói dối ».

Tôi nhớ lại bữa ghé tòa báo, có mặt khá đông anh em, tôi có ngỏ ý kiến phản đối thái độ của người đi phỏng vấn bà Túy-Hồng qua những câu hỏi có vẻ dồn người đối diện vào chân tường, đòi hỏi y phải nói thật (tựa đề của mục phỏng vấn đó cũng nêu lên chủ đích «phút nói thật»). Theo sự hiểu biết của tôi chỉ có hai trường hợp người ta lâm vào phút sự thật (minute de vérité): một là gặp hoàn cảnh chủ quan và khách quan éo le, gay cấn cực độ: hai là ở trong phòng thẩm vấn của một cơ quan an ninh. Còn nói chuyện với nhà văn để được biết nhiều về đời sống, hoạt động và tâm tư của người đó thái độ phải hòa nhã, khéo léo chứ đâu có thể số

sàng, dồn ép người ta được. Lấy một thí dụ, tuần báo L'Express có mục « aller plus loin avec » từ đề mục cho đến phương cách điều khiển cuộc đối thoại đều có như trường hợp bà Tuyền Hồng bị dồn đến phút nói thật. Nhấn mạnh đến tự do cá nhân của nhà văn tôi có nói: Tại sao lại bắt người ta phải nói sự thật? Nghệ thuật là một trò chơi (un jeu), người làm nghệ thuật phải có sự thoải mái, người làm nghệ thuật có quyền nói dối chứ.

Cũng như một trường hợp xảy ra gần đây, « câu văn bị tách ra khỏi mạch văn » có thể gây ngộ nhận. Tôi chủ trương trong khi hoạt động nghệ thuật người làm nghệ thuật CÓ QUYỀN nói dối, chứ không phải CẦN nói dối.

Vậy yêu cầu bạn vui lòng cho in thư này vào mục thư bạn đọc trên « Văn » số tới để độc giả bài « Nói chuyện với Trùng-Dương » khỏi ngộ nhận vì một câu nói của tôi bị trích dẫn sai.

Thân,

MẶC-ĐỖ

chia buồn

Được tin bạn

NGUYỄN NHO NHỢN

bị bạo bệnh qua đời ngày 25 5 1969, tại thôn Bồng-lai, Quảng-nam. Chúng tôi thành thật chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu cho linh hồn người thơ tiêu diêu miền cực lạc.

ĐYNH TRẦM CA

TRẦN DZA LỮ



GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc.

★ **NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN**, Đoàn Thềm, Phạm Quang Khai xuất bản. Sách dày 240 trang, giá 220 đồng.

Sách ghi chép những điều mắt thấy tai nghe trong khoảng thời gian 1954-1963, triều đại Ngô Đình Diệm, từ khi thành lập tới lúc suy vong.

● **MẤY CHÀNG «TRAI THẾ HỆ»...** TRƯỚC, Dương Thiệu Thanh, Tác giả xuất bản. Sách dày 228 trang, giá 200 đồng.

Tập hồi ký viết về một số nhân vật trong xã hội ta khoảng bốn mươi năm trước. Bìa Văn Thanh. Phụ bản Tạ Tỵ. Ấn loát và trình bày trang nhã.

★ **ĐỜI THỦY THỦ**, Vũ Thát, Thiên Tứ xuất bản. Sách dày 184 trang, không ghi giá bán.

Truyện dài viết về đời sống của những chàng trai chọn biển cả làm tình nhân.

● **TRẢ LẠI TUỔI TRẺ**, Nhóm bạn trẻ Đà-nẵng thực hiện. Sách dày 96 trang, không ghi giá bán.

Tuyển tập thơ văn của nhiều tác giả trẻ. Liên lạc: Đơn Huyền, hộp thư 24, Đà-nẵng.

★ **THÊM MỘT LẦN HOA NỞ**, Phạm Thế Mỹ, Đại-học Vạn-Hạnh xuất bản. 20 trang, bản đặc biệt, không ghi giá.

Trường ca, lễ nhạc Phật-giáo. Bìa và phụ bản của Lữ Hồ. T. T. Thích Minh-Châu giới thiệu.

● **ĐẤT HỨA**, Nguyễn Thị Hoàng, Hoàng Đông-Phương xuất bản. Sách dày 260 trang, giá 170 đồng.

Tác phẩm thứ mười của Nguyễn-thị Hoàng, nữ văn sĩ có sách bán chạy nhất hiện nay, gồm 10 đoản tác chọn lọc và có chủ đề.

★ **MẶT ĐẤT**, Nguyễn Đức Sơn chủ biên. 4 trang, không ghi giá.

Tạp chí sáng tác văn nghệ xuất bản bất định kỳ.

● **CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG**, Hàn Mặc Tử, An Tiêm tái bản. Sách dày 88 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Tập tản văn, di cảo của Hàn Mặc Tử. Sách tiền chiến tái bản.

★ **NGÀY ĐÓ CHÚNG MÌNH YÊU NHAU**, Phạm Duy, An Tiêm tái bản. Sách dày 40 trang, giá 100 đồng.

Tuyển tập gồm 14 khúc tình ca. Bìa Đinh Cường. Phụ bản Duy Thanh. Tái bản.

● QUÊ HƯƠNG RÃ RỜI, Nguyễn Quang Tuyền, Thái Độ xuất bản. Sách dày 136 trang, giá 95 đồng.

Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Quang Tuyền gồm 7 đoản thiên. Bìa Huy Tường.

★ NGÀN CẢNH HẠC, Yasunari Kawabata, Trùng Dương dịch. Trình Bày xuất bản. Sách dày 200 trang, giá 120 đồng.

Bản dịch cuốn « Sembazuru » của Kawabata, nhà văn Nhật-bản, giải Nobel về Văn-chương năm 1968. Riêng «Ngàn cảnh hạc» đã được trao tặng giải thưởng Hàn-lâm-viện Nghệ-thuật Nhật-bản năm 1954. Mẫu bìa của Hoàng Ngọc Biên.

● VÒNG TAY LỬA, Nguyễn Vũ, Đại Ngã.-xuất bản. Cuốn 2, dày khoảng 270 trang, giá 140 đồng.

Cuốn thứ hai trong bộ trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn Vũ. Bìa Ngọc Hayền, hai phụ bản của Huy Tường.

★ TUỔI TRẮNG TRÒN, Quỳên Di, Thăng Tiến xuất bản. Sách dày 120 trang, giá 50 đồng.

Tập tạp bút. Những vần tâm sự gửi lửa tuổi đôi tám.

● PHÂN TÂM HỌC áp dụng vào việc nghiên cứu các ngành học

văn, Vũ Đình Lưu, Tổ-hợp Gió xuất bản. Sách dày 168 trang, giá 110 đồng.

Tập khảo luận của Vũ-dình Lưu, — một cây bút quen thuộc với độc giả của VĂN.

★ DỤNG ĐẤT, số 1, tháng Sáu 1969. Dày 104 trang, giá 35 đồng.

Tập san văn học nghệ thuật thời đàm, xuất bản tại Nha-trang. Liên lạc: Lê Minh, 80 Độc Lập, Nha-trang.

● SARTRE và HEIDEGGER TRÊN THẮM XANH, Tam Ích, Hồng Đức xuất bản. Sách dày 308 trang, giá 190 đồng.

Khảo luận về hai tác giả tiêu biểu cho triết thuyết hiện sinh.

THƯ ĐI *bin lại*

★ ông Võ Tiếng Vọng, Ninh-hòa.

Đề nghị ông đọc cuốn « Hồ Thơm, Nguyễn Huệ, Quang Trung » của Nguyễn Ngu Í, do Ngòi Xanh xuất bản.

● ông Huỳnh Tâm Anh, Tuy-hòa.

Đề nghị bạn viết hỏi một tạp chí thể thao, chắc sẽ được giải đáp rành rẽ. Văn chỉ giải đáp những câu hỏi về văn chương, văn học tổng quát mà thôi.

★ Bạn Quảng Thị (?)

Có gì là lỗi lầm đâu, bạn đừng bận tâm đấy nhé. Cũng không bao giờ có chuyện «nhất hóa tam» cả. Mong bạn cứ tin ở sự vô tư của BTĐTP.

● cô Trần-thị Thúy-Nga, Cần-thơ.

Thư (bảo đảm) gửi cô bị phát hoàn, vì «không có người nhận» (?)

★ ông Lê Tự Lễ, Kbc 3144.

Tòa soạn không còn số VĂN-32 nào cả. Đề nghị ông mượn bạn hữu (hoặc thư viện) mà đọc.

● ông Nguyễn Viết Chương (?).

Mời ông ghé báo quán lấy lại bản thảo truyện dài «Đảo mồ hôi».

★ ông Nguyễn Gia Triều, Đà-nẵng.

Trong Văn số 127, chúng tôi đã đăng lời cáo lỗi «vì lý do sức khỏe, tác giả Trùng - Dương phải tạm ngưng viết truyện dài «Bầy kên kên» một thời gian». Còn tác giả Tô Thùy Yên thì mới đây chúng tôi được biết là vì quá bận công vụ, anh không thể viết tiếp được truyện dài «Hôn thụy» nữa. Vậy xin có lời cáo lỗi chung toàn thể bạn đọc.

● ông Nguyễn Duyên, Đà-nẵng.

«Về đâu» cuốn 1 đã phát hành, dưới nhan «Đàn ông», do Thời Mới

xuất bản, Sài-gòn, 1967. Cuốn 2, trọn bộ, nhan «Chờ đợi» sắp ấn hành. Tòa soạn Văn rất tiếc không thể mua sách gửi bạn đọc, vì thiếu nhân viên. Đề nghị ông hỏi nơi nhà sách Lam Sơn, số 144 đại lộ Độc Lập, Đà-nẵng.

NHÂN TIN RIÊNG:

★ Quý bạn: ĐVH, Cần-thơ; Đoàn Công An, Long-xuyên; Đăng-Trình, Đng; Y-U-S, Long-xuyên; H-T-H, Sa-đéc; Lê Nguyễn Trầm Ca, Huế.

Chuyện đó không đáng bận tâm. Mong quý bạn bỏ qua luôn. Chân thành cảm ơn chung quý bạn.

● Hồ Minh Dũng, Huế.

Sẽ đăng «Vết cuồng lưu». Thân.

★ Mặc Huyền Thương.

Cần gặp anh tại Gò-vấp mỗi cuối tuần, có việc cần thảo luận với anh. (Lưu Vân).

● Nguyễn Uyển Thương, Kbc 4493.

Còn ở quán trường hay đã ra đơn vị? Cần tiếp tục cố gắng, đừng nản. Thân.

★ anh Nguyễn Đức Sơn, Blao.

«Hoa bí rợ» e dùng bà Kiềm. 5 bài khác sẽ đăng. Đã nhận thư anh, nhưng bận và nhất là đau nhiều, nên xin được khất trả lời. Tình thân.

✱ Từ Hoài Tấn, Ngụy Ngũ, Mường Mán, Nguyễn Nguyên Phương, Chu Sơn, Nguyễn Xuân Oanh!

Cho Trần Hữu Ngũ biết tin về: Trương Trang - học, Tháp Chàm, Ninh - thuận.

NHÂN TIN CHUNG :

● *Quý bạn :* Nguyễn - Chi Kham (2), Hoàng Hiến, Hoàng Ngọc Hiến (2/fh), M-V-L, L-V (2/fh), Dương Ngọc, Thái Ngọc San, Nguyễn Miên Thảo, H-T-H (5), T-T-H (fh.), T-D-L.

Xin chân thành cảm tạ. Mong quý bạn vui lòng gửi cho Văn những sáng tác mới khác. Thân ái.

● Một số bạn nhờ đăng quảng cáo.

Hiện Văn còn kẹt quá nhiều quảng cáo chưa đăng kịp. Sẽ đăng dần trong số tới. Mong anh em thông cảm.

LƯU Ý QUÝ BẠN

GỬI BÀI LAI CẢO :

Từ nay toà soạn VĂN **không có lệ giữ lại bản thảo** các bài lai cảo nữa. Bạn nào muốn lấy lại bản thảo, trường hợp bài không được chọn đăng, nhớ gửi kèm địa chỉ cùng tem thư để chúng tôi phát hoàn.

Mong quý bạn lưu ý và **đừng yếu cầu toà soạn giữ lại bản thảo** nữa.



BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC

Ban tuyển đọc tác phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của quý bạn có tên dưới đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác

• VĂN

Quý bạn : Bùi Nhã Đàm, Quảng Thị, Nguyễn Tâm Hà, Lưu Đăng (fh), NVTTN (2/fh), Nguyễn Đăng Cử, Bùi Đăng Khuê (fh), Nghiêm (fh), Tuệ Quân, Bùi Nhã Đàm (2/fh), Phạm Thanh Bình, Hoàng Quán Ý (fh).

Hiện nay BTĐTP còn đang đọc một số bài lai cảo khác. Kết quả tuyển chọn, xin đón coi trong số tới.

● THƠ

Quý bạn : Nguyễn Kiến Phước, Thịnh Thế Tùng (2), Hà Trúc Viên, Đinh Vũ, Hoài Văn, Tỵnh Byền (2/fh), Mặc, Giang, Phạm Thanh Chương, Đoàn Công Ân, Dương Minh Loan, Vũ Nhất Phương, Trần-thy Đan-tâm, Việt Hưng, Tạ Thiên Hoàng, Song Giang, N.V.T.T.N (6/fh), Trương Tương Tư (2), Lê Vi Ngọc, Bùi Hồng

Địa chỉ liên lạc:
Trần Hoài Thu
P.O Box 58
South Bound Brook
NJ 08880
EMail: tranhoaithu@yahoo.com

Bên lề thực hiện công trình này

Trước hết, chúng tôi xin được cảm ơn nhà văn Trần Doãn Nho đã gửi tặng chúng tôi một vài số báo Văn và Tin Văn cũ trước 1975..

Không thể diễn tả nỗi vui mừng của chúng tôi khi nhìn lại những tạp chí văn học của một thời mà tưởng như những gì trân quý đã mất từ lâu bây giờ gặp lại. Phải mất 30 năm, chúng tôi mới thấy lại chúng. Chúng tôi nghĩ cũng có rất nhiều bạn hữu cũng có cùng ý nghĩ và tâm trạng của chúng tôi.

Vì vậy, chúng tôi mạn phép ra công sao in lại số báo này như là một đóng góp khiêm nhường vào việc giữ gìn một di sản văn chương.

Tập báo này in lại từ tập Văn số 132 ra ngày 15.6.1969, mang tên "Phượng Trong Thành Nội" lúc nhà văn Trần Phong Giao làm thư ký Toà Soạn.

Vì là sách quá cũ, giấy đã ố vàng, bìa sau mất, trang 1-2 cũng mất, nên việc sao bản rất tiếc không hoàn chỉnh. Nhưng thà có còn hơn không. Chúng tôi phải dùng cách scan thay vì copy theo kiểu xerox. Ngoài ra phải tốn nhiều thời gian để xóa những vết đen hay edit lại những chữ quá lu mờ. Thường thường một tác phẩm dày 300 trang không hình chỉ cần 1 MB, nhưng với tập 115 trang như tập này, sức chứa phải cần đến 70 MB !.

Sách chỉ được **biếu tặng** đến thân hữu, những nhà nghiên cứu lịch sử văn học, hay những bạn trẻ giúp họ có cái nhìn rõ hơn về nền văn học chiến tranh để họ hiểu chúng tôi phải sống như thế nào và viết như thế nào.

Tuyệt đối sách không bán. Xin thưa trước để tránh ngộ nhận.

Trân trọng
Trần Hoài Thư

